

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	5
CHƯƠNG I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	6
1.1. Tên Chủ dự án đầu tư	6
1.2. Tên dự án đầu tư.....	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án.....	7
1.3.1. Công suất của dự án.....	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án	15
1.3.3. Sản phẩm của dự án.....	15
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án.....	16
1.4.1. Nhu cầu nguyên nhiên liệu, vật liệu, hóa chất.....	16
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện	16
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước	17
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án	19
1.5.1. Vị trí địa lý của dự án	19
1.5.2. Mục tiêu, quy mô của dự án	20
1.5.3. Tổ chức quản lý thực hiện dự án.....	22
CHƯƠNG II	24
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,	24
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	24
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	24
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với khả năng chịu tải của môi trường.....	28
CHƯƠNG III.....	29
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP.....	29
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	29
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	29
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	29
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	32
3.1.3. Công trình xử lý nước thải.....	37
3.2. Công trình, biện pháp xử lý mùi, khí thải.....	59
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	62
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	63
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	64

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	65
3.6.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải	65
3.6.2. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố với tháp xử lý mùi, khí thải	69
3.6.3. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác	69
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	70
3.8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.....	70
3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).....	70
3.10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).....	71
CHƯƠNG IV	72
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	72
4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường nước thải.....	72
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với mùi, khí thải	73
4.3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung	74
CHƯƠNG V	76
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH	76
XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC.....	76
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	76
5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	76
5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	76
5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	76
5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	77
5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ, tự động, liên tục chất thải.....	77
5.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án	77
5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	77
Dự án không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ, tự động.....	77
CHƯƠNG VI.....	78
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	78
PHỤ LỤC 1: VĂN BẢN PHÁP LÝ	80
PHỤ LỤC 2: BẢN VẼ	81

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATLĐ	:	An toàn lao động
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên môi trường
BXD	:	Bộ Xây dựng
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
CP	:	Chính phủ
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
GPMT	:	Giấy phép môi trường
HT	:	Hệ thống
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
NĐ	:	Nghị định
UBND	:	Ủy ban nhân dân
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QĐ	:	Quyết định
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TN&MT	:	Tài nguyên và Môi trường

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Quy hoạch sử dụng đất của dự án	8
Bảng 1. 2. Thống kê chi tiết sử dụng đất của dự án	10
Bảng 1. 3. Thống kê đường giao thông khu vực dự án	11
Bảng 1. 4. Tổng hợp khối lượng hạng mục cấp điện trung hạ thế	12
Bảng 1. 5. Tổng hợp khối lượng hạng mục cấp điện chiếu sáng	12
Bảng 1. 6. Các công trình sản phẩm của dự án	15
Bảng 1. 7. Nhu cầu hoá chất cho trạm xử lý nước thải	16
Bảng 1. 8. Nhu cầu cấp điện cho dự án	16
Bảng 1. 9. Tổng hợp khối lượng hệ thống cấp điện	17
Bảng 1. 10. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và xả thải của dự án	18
Bảng 1. 11. Tổng hợp hệ thống cấp nước của dự án	19
Bảng 1. 12. Tọa độ vị trí thực hiện dự án	19
Bảng 1. 13. Tổng hợp cơ cấu sử dụng đất của dự án	22
Bảng 3. 1. Tổng hợp khối lượng thoát nước mưa của dự án	29
Bảng 3. 2. Tổng hợp khối lượng thu gom và thoát nước thải	33
Bảng 3. 3. Đặc tính nước thải sinh hoạt đầu vào	37
Bảng 3. 4. Chất lượng nước thải sinh hoạt đầu ra sau xử lý	38
Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải 400 m ³ /ngày đêm	44
Bảng 3. 6. Danh mục máy móc thiết bị lắp đặt cho hệ thống XLNT	45
Bảng 3. 7. Hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải	52
Bảng 3. 8. Thông số vận hành trong các điều kiện khác nhau	56
Bảng 3. 9. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý mùi, khí thải	60
Bảng 3. 10. Một số biện pháp ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải	67
Bảng 3. 11. Khắc phục các sự cố ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý nước thải	68
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	72
Bảng 4. 2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	74
Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn	75
Bảng 4. 4. Giá trị giới hạn đối với độ rung	75
Bảng 5. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường	76
Bảng 5. 2. Kế hoạch lấy mẫu, giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm	76

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của dự án	9
Hình 1. 2. Sơ đồ tổng thể mặt bằng công trình của dự án	14
Hình 1. 3. Vị trí dự án trên bản đồ google map.....	20
Hình 1. 4. Sơ đồ vị trí giới hạn khu đất dự án theo quy hoạch.....	20
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa của dự án	30
Hình 3. 2. Hệ thống thoát nước mưa dự án đã xây dựng	30
Hình 3. 3. Bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước mưa của dự án.....	31
Hình 3. 4. Cửa xả nước mưa của dự án	32
Hình 3. 5. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của dự án.....	34
Hình 3. 6. Cửa xả nước thải của dự án ra nguồn tiếp nhận	35
Hình 3. 7. Tổng mặt bằng thu gom nước thải của dự án	36
Hình 3. 8. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của dự án.....	39
Hình 3. 9. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải của dự án	54
Hình 3. 10. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý khí thải của hệ thống XLKT.....	60
Hình 3. 11. Hệ thống xử lý mùi (khí thải) đã lắp đặt.....	62
Hình 3. 12. Thùng chứa rác thải sinh hoạt	63

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1.1. Tên Chủ dự án đầu tư

- *Chủ dự án đầu tư:* **Công ty Cổ phần đầu tư Quốc Tế An Lộc Phát.**
- *Địa chỉ văn phòng:* L7-9 (TT7D-9), Khu nhà ở thấp tầng, Khu đô thị mới Đại Kim, phường Định Công, thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ là phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội).
- *Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư:*
 - + Ông Trần Đức Trung Chức vụ: Giám đốc
- *Điện thoại:* 0985515679
- *Mã số thuế:* 0107135440
- Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số: 0107135440 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/11/2024.

1.2. Tên dự án đầu tư

- *Tên dự án:* **Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện** (sau đây gọi là Dự án)
- *Địa điểm thực hiện:* Xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ là xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương).
- *Cơ quan phê duyệt chủ đầu tư:*
 - + Dự án được UBND tỉnh Hải Dương (cũ) phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện” tại Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 và Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 18/05/2021 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) về việc chỉnh sửa Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 07/12/2020.
 - + Dự án được Công ty Cổ phần đầu tư Quốc Tế An Lộc Phát phê duyệt dự án đầu tư tại Văn bản số 73/QĐ-ALP ngày 23/03/2022.
- *Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:*
 - + Dự án được chấp thuận chủ trương tổ chức khảo sát, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện tại Công văn số 943/UBND-VP ngày 28/03/2019;
 - + Dự án được phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện tại Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 04/05/2019;
 - + Dự án được phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24/06/2019 của UBND huyện Thanh Miện (cũ);
 - + Dự án được cấp giấy phép xây dựng số 21/GPXD ngày 12/10/2022 của UBND huyện Thanh Miện (cũ);

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Dự án được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 21/06/2021 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ);

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư mới.

- Quy mô của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ:

Tổng mức đầu tư của dự án là 105.273.741.006 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm lẻ năm tỷ hai trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn không trăm lẻ sáu đồng) thuộc dự án đầu tư công nhóm C phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 120 tỷ đến dưới 2.000 tỷ đồng) theo khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ:

Dự án có chiếm dụng đất lúa 2 vụ (LUC) với diện tích 44.811 m² do đó có yếu tố nhạy cảm về môi trường (căn cứ tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và khoản 6 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

- Phân nhóm đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường:

Dự án thuộc đối tượng quy định tại số thứ tự 2, Phụ lục V Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ do đó thuộc dự án nhóm III.

- Đối tượng cấp phép: Căn cứ theo khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 dự án thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

- Cấp thẩm định hồ sơ: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường và theo khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ, Dự án thuộc thẩm quyền cấp GPMT của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án

1.3.1. Công suất của dự án

a/ Quy mô dự án

Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện” được UBND huyện Thanh Miện (cũ) tại phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24/06/2019 và được UBND tỉnh Hải Dương (cũ) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 21/06/2021 với quy mô cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đất là 76.489 m². (Trong đó: Đất ở mới diện tích 29.740,3 m²; đất thương mại dịch vụ diện tích 3.016,7 m²; đất cây xanh diện tích 8.208,2 m²; đất công cộng diện tích 807,0 m²; đất hạ tầng kỹ thuật diện tích 2.236,5 m²; đất giao thông 32.480,3 m²).

Bảng 1. 1. Quy hoạch sử dụng đất của dự án

TT	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới	-	29.740,3	38,88
	Số lô đất ở	Lô đất	292	-
2	Đất thương mại dịch vụ	TMDV	3.016,7	3,94
3	Đất cây xanh	CX	8.208,2	10,73
4	Đất công cộng (nhà văn hóa)	CC	807	1,06
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2.236,5	2,92
6	Đất giao thông	GT	32.480,3	42,46
	Tổng		76.489	100

[Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết 1/500]

➤ **Các khu chức năng:**

+ *Đất ở*: Đất ở liền kề có tổng diện tích 29.740,3m², chiếm 38,88% tổng diện tích đất ở quy hoạch, mật độ xây dựng tối đa 100%, tầng cao tối đa 5 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa 5,0 lần, chia làm 292 lô nhà. Đây là khu vực sẽ tổ chức xây dựng công trình nhà liền kề thấp tầng, tạo không gian sống cho dân cư với chỉ tiêu tương ứng đảm bảo khai thác hiệu quả kinh tế của dự án và kết nối với các khu chức năng lân cận.

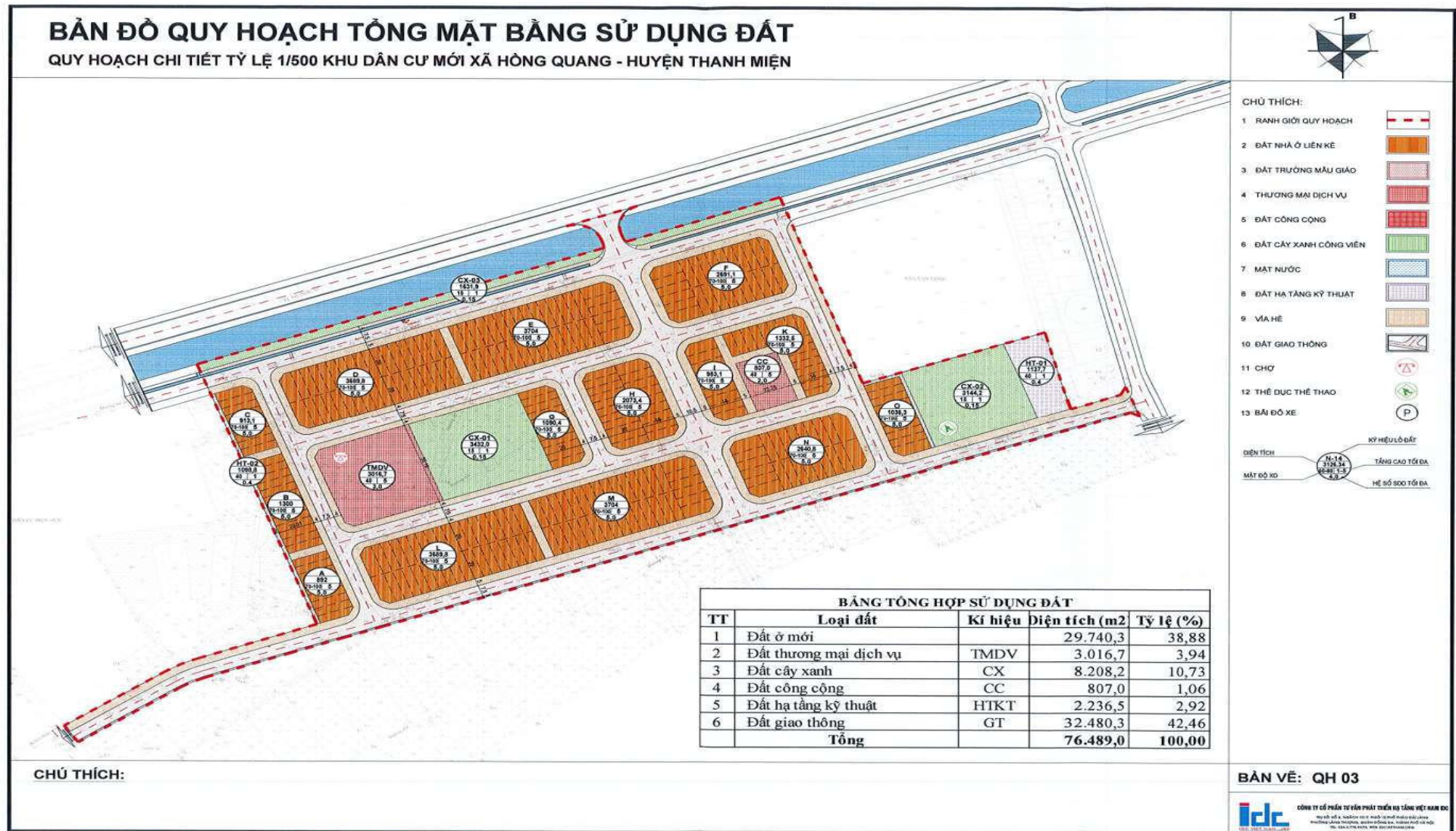
+ *Đất dịch vụ thương mại*: (Được ký hiệu TMDV) có diện tích là 3.016,7m² chiếm 3,94%; mật độ xây dựng 40%, tầng cao tối đa 5 tầng. Đây là công trình có chức năng chợ thương mại dịch vụ cho khu vực quy hoạch và các khu lân cận.

+ *Đất nhà sinh hoạt cộng đồng*: (Được ký hiệu CC) có diện tích là 807,0m² chiếm 1,06%, mật độ xây dựng 40%, tầng cao tối đa 5 tầng.

+ Tổng diện tích đất giao thông trong khu vực nghiên cứu là 32.480,3 m² chiếm 42,46% diện tích đất quy hoạch,

+ *Đất hạ tầng kỹ thuật*: Trong dự án đất hạ tầng kỹ thuật có diện tích 2.236,5 m² được bố trí là khu vực trạm xử lý nước và khu vực ta luy kè chắn.

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của dự án:



Hình 1. 1. Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của dự án

Bảng 1. 2. Thống kê chi tiết sử dụng đất của dự án

TT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	TỶ LỆ (%)		Tầng cao tối đa (tầng)	Mật độ XD tối đa (%)	Hệ số SD đất (lần)	Số hộ	Dân số (người)
				Trong tổng DT	Trong từng loại đất					
	Ranh giới quy hoạch		76.489,0	100						
1	Đất ở mới		29.740,3	38,88		5	100	5,0	292	1168
	Nhà ở liền kề	A	892,0						9	36
	Nhà ở liền kề	B	1.300,0						13	52
	Nhà ở liền kề	C	913,1						9	36
	Nhà ở liền kề	D	3.689,8						36	144
	Nhà ở liền kề	E	3.704,0						36	144
	Nhà ở liền kề	F	2.691,1						26	104
	Nhà ở liền kề	G	1.090,4						11	44
	Nhà ở liền kề	H	2.073,4						20	80
	Nhà ở liền kề	I	983,1						9	36
	Nhà ở liền kề	K	1.332,5						17	68
	Nhà ở liền kề	L	3.689,8						36	144
	Nhà ở liền kề	M	3.704,0						36	144
	Nhà ở liền kề	N	2.640,8						24	96
	Nhà ở liền kề	O	1.036,3						10	40
2	Đất thương mại dịch vụ	TMDV	3.016,7	3,94		5	40	2		
3	Đất cây xanh	CX	8.208,2	10,73		1	5	0,05		
	Công viên cảnh quan	CX-01	3.432,0							
	Công viên thể dục thể thao	CX-02	3.144,3							
	Cây xanh đường phố	CX-03	1.631,9							
4	Đất công cộng	CC	807,0	1,06		5	40	2		
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2.236,5	2,92		1	30	03		
	Trạm xử lý nước thải	HT-01	1.137,7							
	Ta luy kè chắn	HT-02	1.098,8							
6	Đất giao thông	GT	32.480,3	42,46						

[Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết 1/500]

- Quy mô dân số: 1.168 người.

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

Khi dự án hoạt động các công trình hạ tầng phục vụ hoạt động gồm các công trình cụ thể như sau:

➤ **Hệ thống đường giao thông:**

+ Giao thông đối ngoại: Các tuyến đường nội bộ khu dân cư mới kết nối thuận lợi với đường tỉnh TL393 tại 01 nút giao tại Km14+150 qua cầu vượt mương hiện trạng phía Bắc dự án (hay còn gọi là sông Hồng Quang) đầu nối ra đường TL.393 (cầu xây vĩnh cửu bằng BTCT, khổ cầu B = 11,5m gồm phần xe chạy 10,5m và lan can 2x0,5m = 1,0m) và đường nối ra khu dân cư xã qua 02 nút giao phía Đông và phía Tây.

+ Giao thông nội bộ khu dân cư mới: Hệ thống giao thông của dự án gồm các tuyến đường sau:

Mặt cắt ngang 1-1 có lộ giới rộng 20,5m (trong đó: Lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè rộng 5m+5m = 10m).

Mặt cắt ngang 2-2 có lộ giới rộng 16,5m (trong đó: Lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè và kênh tưới hiện trạng rộng 4m+5m = 9m).

Mặt cắt ngang 3-3 có lộ giới rộng 15,5m (trong đó: Lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè rộng 4m+4m = 8m).

Mặt cắt ngang 4-4 có lộ giới rộng 13,5m (trong đó: Lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè rộng 5m+1m = 6m).

Bảng 1. 3. Thống kê đường giao thông khu vực dự án

Tên tuyến	Ký hiệu mặt cắt ngang	Bề rộng mặt cắt ngang (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)	Chiều dài tuyến (m)	Diện tích nằm trong ranh giới quy hoạch (m ²)
Tuyến D1	MC3-3	4,0+7,5+4,0	15,5	183,58	2.645,49
Tuyến D2	MC3-3	4,0+7,5+4,0	15,5	70,86	898,33
Tuyến D3	MC1-1	5,0+10,5+5,0	20,5	217,46	4.257,93
Tuyến D4	MC3-3	4,0+7,5+4,0	15,5	184,45	2.658,98
Tuyến N1	MC2-2	4,0+7,5+5	16,5	332,51	5.286,42
Tuyến N2	MC3-3	4,0+7,5+4,0	15,5	291,68	4.321,04
Tuyến N3	MC3-3	4,0+7,5+4,0	15,5	291,68	4.321,04
Tuyến N4	MC4-4	5,0+7,5+1,0	13,5	621,25	8.091,08
Tổng					32.480,3

[Nguồn: Thuyết minh thiết kế thi công của dự án]

➤ **Hệ thống cấp điện:**

+ Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ tuyến đường dây 22kV hiện trạng tại xã Hồng Quang (cũ) nằm ở phía Đông Bắc dự án. Dự án xây dựng mới 01 trạm biến áp 22/0.4kV 2x560kVA và hệ thống cấp điện 22kV, tủ công tơ, cáp điện 0,4kV, cáp điện 22kV dịch chuyển. Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát đã ký Hợp đồng với Tổng Công ty điện lực Miền Bắc (EVNNPC) – Ủy quyền thực hiện: Đội quản lý điện lực Khu vực Thanh Miện số 25/EVNNPC-PCHAIPHONG/HĐMBĐNMĐSH ngày 20/09/2025. Mã khách hàng: PM21000062526.

+ Lưới điện trung áp 22kV: Xây dựng tuyến cáp ngầm 22kV sử dụng cáp 3 lõi đồng tiết diện theo quy định của điện lực tỉnh Hải Dương (cũ), có đặc tính chống thấm dọc và giáp kim loại bảo vệ bên ngoài. Cáp được bọc cách điện XLPE, vỏ bọc PVC luôn trong ống nhựa HDPE và chôn trực tiếp trong đất.

+ Trạm biến áp lưới điện 22/0,4KV: Các trạm biến áp đặt ngoài trời sử dụng loại trạm kios. Vị trí đặt các trạm phải đảm bảo bán kính phục vụ của lưới điện hạ thế ≤ 300m. Vị trí các trạm biến áp được bố trí gần trung tâm phụ tải, gần đường giao thông để tiện thi công và quản lý.

+ Lưới điện hạ thế 0.4KV: Các tuyến hạ thế xuất phát từ các trạm 22/0,4KV sử dụng cáp 0,4KV. Xây dựng tuyến cáp ngầm 0,4kV để cấp điện cho các hộ tiêu thụ. Cáp

được bọc cách điện XLPE, vỏ bọc PVC luồn trong ống nhựa PIDPE và chôn trực tiếp trong đất. Công tơ điện được đặt trong tủ công tơ. Tủ công tơ được đặt trên vỉa hè tại vị trí ranh giới giữa 2 nhà.

+ Lưới điện chiếu sáng: Lưới điện chiếu sáng được bố trí đi ngầm trên vỉa hè. Cáp chiếu sáng được chôn ngầm trực tiếp trong các hào cáp tiêu chuẩn.

Bảng 1. 4. Tổng hợp khối lượng hạng mục cấp điện trung hạ thế

TT	Tên thiết bị, vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Cáp điện 22kV	m	388
2	Tủ công tơ	cái	40
3	Cáp điện 0,4kV	m	2285
4	Cáp điện 22kV dịch chuyển	m	560
5	Trạm biến áp 22/0.4kV 2x560kVA	trạm	01

[Nguồn: Thuyết minh thiết kế thi công của dự án]

Bảng 1. 5. Tổng hợp khối lượng hạng mục cấp điện chiếu sáng

TT	Tên thiết bị, vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Tủ điện chiếu sáng	cái	1
2	Cột đèn chiếu sáng cần đơn 8m + bóng led 100w	cái	65
3	Cột đèn chiếu sáng cần đơn 10m + bóng led 120w	cái	4
4	Cáp điện 0,4kv CU/XLPE/PVC 4x10 mm ²		2281

[Nguồn: Thuyết minh thiết kế thi công của dự án]

➤ **Hệ thống cấp nước:**

+ Nguồn cấp nước cho Dự án lấy từ hệ thống cấp nước sạch của khu vực tại tuyến ống cấp nước trên đường TL393. Mạng lưới đường ống cấp nước và phân phối của Dự án sử dụng ống HDPE D110, D50 với tổng chiều dài là 3.542m. Trên mạng lưới cấp nước có bố trí 08 trụ cứu hỏa.

+ Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát đã có Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch với Đơn vị cấp nước tại địa phương để cấp nước sinh hoạt cho dự án.

➤ **Hệ thống thoát nước mưa:**

Dự án xây dựng hệ thống công thoát nước mưa là BTCT đường kính D400, D600, D800 với tổng chiều dài là 2.200 m. Bố trí các loại ga thu, ga thăm và ga kết hợp dọc theo các tuyến công thoát nước mưa (khoảng cách trung bình 30-50 m/hố, tổng số hố ga là 140 cái). Hướng thoát nước mưa của dự án ra mương hiện trạng ở 2 phía là Đông và Tây, sau đó thoát theo hệ thống mương hiện trạng vào mương phía Bắc dự án (hay còn gọi là sông Hồng Quang). Hệ thống thoát nước mưa được chia thành các lưu vực thu nước và thoát về 2 tuyến công chính chạy dọc dự án theo hướng Tây Bắc xuống Đông Nam vào nguồn tiếp nhận qua 03 cửa xả nước mưa.

➤ **Hệ thống thu gom, xử lý nước thải:**

+ Dự án xây dựng hệ thống công tròn BTCT D300 thu gom và thoát nước thải với tổng chiều dài là 2.229 m, trên hệ thống công bố trí 186 hố ga thăm.

+ Dự án xây dựng 01 Trạm XLNT tập trung công suất 400 m³/ngày; bố trí 01 cửa xả ra mương hiện trạng phía Bắc dự án thuộc hệ thống Bắc Hưng Hải, tọa độ vị trí xả

thải: $X(m) = 2301946.284$; $Y(m) = 571878.674$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°) và 01 hệ thống xử lý mùi (khí thải) của hệ thống XLNT công suất $800 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ Hoạt động xả thải của dự án đã được Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (cũ) và Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương chấp thuận thiết kế thoát nước của Dự án tại Công văn số 462/SNN-TL ngày 06/4/2021.

➤ **Hệ thống cây xanh:** Diện tích $8.208,2 \text{ m}^2$. Cây xanh đường phố trồng cách nhau trung bình từ 6m-12m. Đường kính cây trồng từ 10cm-20cm, cao từ 3m-5m.

+ Cây xanh đường phố: Sử dụng gồm các loại cây xanh quanh năm như Sao đen, cây sấu. Ngoài ra, để tạo cảnh quan đẹp, kết hợp một số loại cây hoa như bằng lăng.

+ Cây xanh công viên: Gồm các nhóm cây chính như cây bóng mát, cây bụi, cây hoa và cỏ. Cây bóng mát sử dụng các loại cây phù hợp với khí hậu địa phương và có hình thức đẹp như: Cây muồng hoa vàng, cây bằng lăng.... Cây bụi, cây hoa sử dụng các loại cây như: Dừa cạn, chuỗi ngọc, mắt nai, hoa giấy, cẩm tú mai.

+ Cây xanh vườn hoa: Cây xanh công viên tập trung nằm ở trung tâm khu dân cư giáp khu thương mại dịch vụ. Tạo lập một không gian hiện đại, cây xanh được trồng và phối kết một cách hợp lý nhằm tận dụng các hướng nhìn chính, đem lại một không gian vui chơi giải trí tiện nghi cho người dân sống trong khu dân cư. Cây xanh được lựa chọn cho công viên là Cây Tùng và cây Bách Diệp, kết hợp với các loại cây trang trí như cây ngâu hay cây có hoa như hoa giấy.

➤ **Hệ thống thông tin liên lạc:**

Tổng nhu cầu về thông tin liên lạc của toàn bộ khu dự án xây dựng tuyến đường dây thông tin có dung lượng là 350 lines, qua 1 tủ cáp tổng.

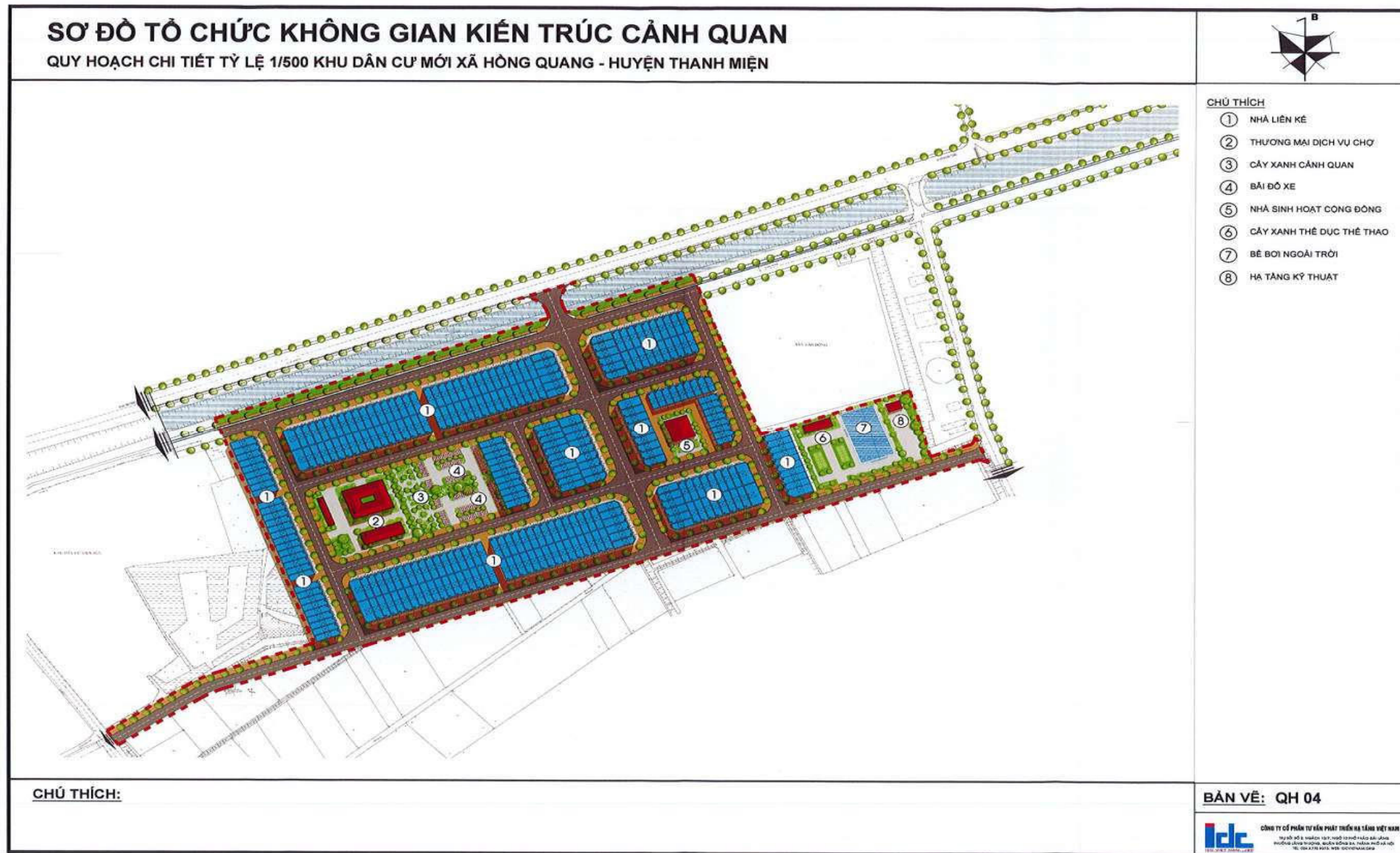
Tuyến ống Viễn thông: Được xây dựng ngầm dọc vỉa hè 1 bên hoặc 2 bên đường trong khu vực để đảm bảo ngầm hoá đến từng khu nhà ở, ... Tuyến ống trên hè dùng loại HDPE D105/80mm chôn sâu 0,7m so với mặt cốt nền tự nhiên.

Bể cáp Viễn thông: Tại các vị trí tuyến đi vào các đường nhánh phụ, cần bố trí các bể cáp 1 đơn dọc hè nối các khoảng ống, từ 60m-80m bố trí 1 bể.

b/ Hiện trạng thi công xây dựng các công trình của dự án

- Hiện nay, toàn bộ diện tích sử dụng đất của Dự án đã Chủ đầu tư hoàn thành thi công xây dựng các công trình theo thiết kế đã được phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại 523/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND huyện Thanh Miện (cũ); theo giấy phép xây dựng số 21/GPXD ngày 12/10/2022 của UBND huyện Thanh Miện (cũ) và Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 1839/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ).

- Sơ đồ tổng thể mặt bằng các hạng mục công trình của dự án:



Hình 1. 2. Sơ đồ tổng thể mặt bằng công trình của dự án

c/ Phạm vi của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện” đã được UBND tỉnh Hải Dương (cũ) phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 21/6/2021. Hiện nay, Dự án đã hoàn thiện 100% các công trình, biện pháp xử lý giảm thiểu tác động tới môi trường cụ thể gồm:

+ Trạm xử lý nước thải tập trung: 01 trạm XLNT công suất 400 m³/ngày xử lý nước thải đầu ra đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K = 1,0).

+ Hệ thống xử lý mùi (khí thải) của hệ thống xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý mùi của hệ thống XLNT với công suất 800 m³/giờ.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước thải: Công BTCT D300 với tổng chiều dài 2.229m và 01 cửa xả ra mương hiện trạng phía Bắc dự án.

+ Hệ thống thoát nước mưa: Hệ thống thu gom thoát nước mưa với công tròn BTCT D400, D600, D800 với tổng chiều dài là 2.200 m và 03 cửa xả thoát nước mưa ra mương hiện trạng ở phía Đông và phía Tây Nam dự án.

==> **Như vậy**, phạm vi xin cấp giấy phép môi trường là toàn bộ khu đất dự án và các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường của dự án.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án

Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện” thuộc nhóm dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư mới, Dự án không hoạt động sản xuất sản phẩm do đó không có công nghệ sản xuất.

1.3.3. Sản phẩm của dự án

Dự án thực hiện với mục tiêu hoạt động là khu dân cư mới với hạ tầng hoàn thiện, đồng bộ do đó sản phẩm là các lô đất ở, đất công cộng, đất thương mại dịch vụ và công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động của dự án. Cụ thể như sau:

Bảng 1. 6. Các công trình sản phẩm của dự án

TT	Tên hạng mục	Ô quy hoạch	Quy mô
I	Các ô đất dự án		
1	Đất ở mới	292 lô	29.740,3 m ²
2	Đất thương mại dịch vụ	TMDV	3.016,7 m ²
3	Đất cây xanh	CX	8.208,2 m ²
4	Đất công cộng (nhà ăn hóa)	CC	807 m ²
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2.236,5 m ²
6	Đất giao thông	GT	32.480,3 m ²
II	Công trình bảo vệ môi trường		
7	Hệ thống thoát nước mưa	-	Cống BTCT D400, D600, D800, chiều dài 2.200m
8	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	-	Cống BTCT D300, ống thép D300, chiều dài 2.229m
9	Trạm xử lý nước thải tập trung	HTKT	01 trạm xử lý nước thải công suất 400 m ³ /ngày
10	Hệ thống xử lý mùi của hệ thống XLNT	HTKT	01 hệ thống công suất 800 m ³ /giờ

[Nguồn: Công ty Cổ phần đầu tư Quốc Tế An Lộc Phát]

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án

1.4.1. Nhu cầu nguyên nhiên liệu, vật liệu, hóa chất

Dự án khi hoạt động thực hiện quản lý vận hành hạ tầng khu dân cư do đó các nguyên nhiên liệu, hóa chất sử dụng chủ yếu cho hoạt động xử lý nước thải. Cụ thể như sau:

Bảng 1. 7. Nhu cầu hoá chất cho trạm xử lý nước thải

TT	Hoá chất	Lượng sử dụng (kg/ngày)	Ghi chú
1	Cơ chất (ethanol)	14,28	Bể thiếu khí
2	Javen (NaClO)	15	Quá trình khử trùng

[Nguồn: Thuyết minh hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải]

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- *Nguồn cung cấp điện:* Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ tuyến đường dây 22kV hiện trạng tại xã Hồng Quang (cũ) sau di chuyển ở phía Nam dự án tại cột 3M thuộc đường dây sau di chuyển nhánh Hữu Trung lộ 472E8.14.

+ Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát đã ký Hợp đồng với Tổng Công ty điện lực Miền Bắc (EVNNPC) – Ủy quyền thực hiện: Đội quản lý điện lực Khu vực Thanh Miện số 25/EVNNPC-PCHAIPHONG/HĐMBĐNMĐSH ngày 20/09/2025. Mã khách hàng: PM21000062526.

+ Điểm đổi nối cấp điện: Tại cột 68A, thuộc đường dây ĐDK 373E6.22 -35kV.

+ Điểm cuối: TBA 1120kVA (2x560kVA-35/0,4kV) của dự án.

+ Cấp điện áp đầu nối: 22kV

+ Số mạch: 1 mạch 3 pha

+ Kiểu trạm: Trạm nền ngoài trời

+ Chế độ vận hành: Vận hành ở cấp điện áp 22kV liên tục 24h/ngày.

- *Nhu cầu sử dụng điện của Dự án:*

Căn cứ theo quy hoạch sử dụng đất của Dự án và chỉ tiêu cấp điện của các loại hình hoạt động, nhu cầu cấp điện như sau:

Bảng 1. 8. Nhu cầu cấp điện cho dự án

TT	Hạng mục	Diện tích	Công suất (kW/ngày)	Chọn MBA
1	Cấp điện cho hộ dân ở	76.489 m ²	1043,3	MBA 01 2x560KVA
2	Cấp điện hạ tầng (trạm XLNT, trạm XL nước cấp, bơm PCCC)	-	23,8	
3	Chiếu sáng giao thông	-	15	
	Tổng		1.073,3	

[Nguồn: Thuyết minh thiết kế thi công của dự án]

- *Phương án cấp điện như sau:*

+ Chủ dự án đã lắp đặt 01 trạm biến áp có công suất TBA 1.120kVA (22/0.4kV 2x560kVA) tại vị trí tại lô đất HTKT.

+ Lưới điện hạ thế 0.4KV: Các tuyến hạ thế xuất phát từ các trạm 22/0,4KV sử dụng cáp 0,4KV. Xây dựng tuyến cáp ngầm 0,4kV để cấp điện cho các hộ tiêu thụ. Cáp được bọc cách điện XLPE, vỏ bọc PVC luồn trong ống nhựa PIDPE và chôn trực tiếp trong đất. Công tơ điện được đặt trong tủ công tơ. Tủ công tơ được đặt trên vỉa hè tại vị trí ranh giới giữa 2 nhà.

+ Hệ thống chiếu sáng: Dự án dùng đèn LED cao áp để chiếu sáng đường giao thông, đèn sân vườn bóng compact để chiếu sáng trang trí. Các đèn chiếu sáng được bố trí so le trên vỉa hè hai bên đường, cột đèn bằng thép mạ kẽm nhúng nóng cao 10m cần đơn, lắp 1 bóng LED cao áp 220V/120W, khoảng cột trung bình 35m - 45m.

Bảng 1. 9. Tổng hợp khối lượng hệ thống cấp điện

TT	Tên thiết bị, vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Cáp điện 22kV	m	388
2	Tủ công tơ	cái	40
3	Cáp điện 0,4kV	m	2285
4	Cáp điện 22kV dịch chuyển	m	560
5	Trạm biến áp 22/0.4kV 2x560kVA	Trạm	1
	Khối lượng chiếu sáng		
1	Tủ điện chiếu sáng	Cái	1
2	Cột đèn chiếu sáng cần đơn 8m + bóng led 100w	Cái	65
3	Cột đèn chiếu sáng cần đơn 10m + bóng led 120w	Cái	4
4	Cáp điện 0,4kV CU/XLPE/PVC 4X10mm ²	m	2281

[Nguồn: Thuyết minh thiết kế thi công của dự án]

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

*** Nguồn cung cấp:**

- Nguồn cấp nước cho Dự án lấy từ hệ thống cấp nước sạch của khu vực tại tuyến ống cấp nước sạch trên đường TL393 của xã Hồng Quang (cũ).

- Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát đã có Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch với Đơn vị cấp nước tại địa phương để cấp nước sinh hoạt cho dự án.

*** Mục đích sử dụng nước:** Dự án cấp cho nhu cầu sinh hoạt của khu dân cư mới, cấp cho vệ sinh chung, tưới cây, rửa đường, hệ thống xử lý nước thải tập trung

*** Nhu cầu sử dụng nước:**

- Tiêu chuẩn cấp nước theo: TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế và QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước khi vận hành của dự án trong bảng sau:

Bảng 1. 10. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và xả thải của dự án

TT	Chức năng	Diện tích (m ²)	Định mức sử dụng	Căn cứ	Nhu cầu sử dụng (m ³)	Nhu cầu xả nước thải (m ³)
1	Đất ở mới (1.168 người)	29.740,3	150 lít/người /ngày	TCVN 13606:2023	175,2	175,2
2	Đất thương mại dịch vụ	3.016,7	2 lít/m ² /ng.đ	QCVN 01:2021/ BXD	6,03	6,03
3	Đất công cộng	807			1,61	1,61
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	2.236,5			4,47	4,47
5	Đất cây xanh	8.208,2	3 lít/m ² /ng.đ	TCVN 13606:2023	24,62	0
6	Đất giao thông	32.480,3	0,5 lít/m ² /ng.đ	TCVN 13606:2023	16,24	0
	Tổng				228,18	187,32
	Nước rò rỉ, dự phòng (20% Q sinh hoạt)				45,63	37,46
	TỔNG				273,82	224,78

⇒ **Như vậy:** Theo nhu cầu cấp nước tính tại bảng trên, tổng lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của dự án lớn nhất là **273,82 m³/ngày đêm** (chưa tính cho hoạt động PCCC).

- **Nhu cầu cấp nước PCCC:**

+ Nhu cầu cấp nước chữa cháy tính toán cho khu dân cư 1 đám cháy xảy ra trong 3 giờ mỗi đám cháy có lưu lượng 10 lít/s được tính như sau:

$$Q_{cc} = 1 \times 3 \times 10 \times 3600/1000 = 108 \text{ (m}^3\text{)}$$

+ Nguồn cấp nước lấy từ hệ thống cấp nước của dự án và trên mạng lưới hệ thống cấp nước có bố trí 08 trụ cứu hỏa trên phần hè các tuyến đường giao thông nội bộ.

*** Mạng lưới đường ống cấp nước:**

- Mạng lưới cấp nước cho sinh hoạt thiết kế mạng lưới cấp nước theo nguyên tắc mạng vòng kết hợp mạng lưới cụt.

- Xây dựng mạng vòng đường kính ống HDPE D50, D110 với tổng chiều dài là 3.542m bao quanh dự án, đảm bảo cấp nước là liên tục. Xây dựng mạng cụt D50 đảm bảo cấp nước đến từng công trình.

- Các tuyến ống cấp nước phân phối được bố trí trên hè, đảm bảo khoảng cách ly an toàn đối với các công trình ngầm khác theo quy chuẩn quy định.

- Cấp nước cứu hỏa: Các họng cứu hỏa được đầu nối với đường ống cấp nước phân phối có đường kính từ HDPE D110 trở lên và được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa trên mạng lưới từ 120m - 150m theo quy chuẩn hiện hành, đảm bảo thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy.

*** Tổng hợp hệ thống cấp nước của dự án:**

Bảng 1. 11. Tổng hợp hệ thống cấp nước của dự án

TT	Chủng loại	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống HDPED110	m	1.134
2	ống HDPE D50	m	2.114
3	Ống thép đen D150	m	274
4	Ống thép đen D80	m	20
5	Hố van chặn D110	Cái	1
6	Van chặn D50	Cái	11
7	Trụ cứu hỏa	Cái	8

[Nguồn: Thuyết minh thiết kế thi công của dự án]

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

1.5.1. Vị trí địa lý của dự án

- Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện có tổng diện tích là 76.489 m² tại xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ là xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương).

- Ranh giới tiếp giáp khu đất dự án như sau:

- + Phía Bắc tiếp giáp đường tỉnh lộ TL393 và trạm y tế xã Hồng Quang;
- + Phía Nam tiếp giáp khu dân cư làng Hữu Chung;
- + Phía Đông tiếp giáp khu dân cư thôn An Lâu;
- + Phía Tây tiếp giáp khu dân cư thôn Bích Thuý;

- Tọa độ khép góc ranh giới khu đất của dự án được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1. 12. Tọa độ vị trí thực hiện dự án

Tên điểm	Tọa độ VN-2000 kinh tuyến trực 105° 30' múi chiều 3°		Tên điểm	Tọa độ VN-2000 kinh tuyến trực 105° 30' múi chiều 3°	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
M1	2301832.20	571567,28	M14	2301813.06	572062.37
M2	2301312.12	571785,25	M15	2301818.31	572065.17
M3	2301516.31	571784.40	M16	2301738,38	572073.21
M4	2301526.20	571776.15	M17	2301800.77	572068.08
M5	2301926.74	571765.13	M18	2301636.23	571617.98
M6	2301940.49	571803.12	M19	2301619.56	571572.39
M7	2301533.05	571755.07	M20	2301612.09	571557.77
M8	2301920.10	571795.12	M21	2301575.58	571503.86
M9	2301916.27	571797.10	M22	2301586.76	571496.29
M10	2301946.63	571379.61	M23	2301623.27	571550.21
M11	2301820.43	571924.36	M24	2301632.25	571567.76
M12	2301855.40	572022.05	M25	2301655.67	571631.85
M13	2301803.30	572035,68			

[Nguồn: Thuyết minh dự án đầu tư]



1.5.2. Mục tiêu, quy mô của dự án

a/ Các đối tượng tự nhiên, kinh tế- xã hội xung quanh dự án

- Các đối tượng kinh tế - xã hội:

+ Khoảng cách đến khu dân cư gần nhất: Dự án có vị trí giáp với các khu dân cư hiện hữu tại xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện (nay là xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng). Do đó khi dự án hoạt động vận hành sẽ kết nối các công trình hiện tại thành một tổng thể cảnh quan liền mạch và thống nhất.

+ Dự án xây dựng phù hợp với chủ trương của UBND tỉnh Hải Dương cũ (nay là thành phố Hải Phòng) và định hướng phát triển của huyện Thanh Miện (cũ).

- Các đối tượng tự nhiên:

+ Hệ thống giao thông: Phía Bắc của dự án giáp đường TL393 (mặt đường nhựa quy mô mặt cắt theo quy hoạch là 9m)

+ Hệ thống thoát nước: Toàn bộ thoát nước mưa của dự án thoát theo hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam, nước mưa sau khi thu gom sẽ thoát ra mương hiện trạng ở 2 phía Đông Nam và Tây Nam dự án sau đó chảy vào mương hiện trạng phía Bắc dự án. Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được thoát ra mương hiện trạng phía Bắc dự án.

b/ Mục tiêu dự án

- Cụ thể hoá Quy hoạch nông thôn mới xã Hồng Quang (cũ) đến năm 2020, tỷ lệ 1/5.000 đã được UBND huyện Thanh Miện (cũ) phê duyệt.

- Quy hoạch khai thác sử dụng hiệu quả quỹ đất hiện có, ưu tiên phát triển các công trình công cộng, cây xanh, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật... còn thiếu, trong khu vực hạn chế phát triển của địa phương.

- Giải pháp quy hoạch sử dụng đất để đáp ứng các yêu cầu về nhà ở, công trình công cộng, cây xanh phục vụ đời sống kinh tế xã hội, văn hoá của dân cư khu vực, phù hợp với quy hoạch nông thôn mới xã Hồng Quang (cũ).

- Hình thành khu chức năng dân cư có không gian kiến trúc hiện đại, hài hoà giữa khu vực lân cận.

- Đảm bảo khả năng cân đối lợi ích kinh tế của cộng đồng, nhân dân, địa phương và các đơn vị, tổ chức có liên quan trong khu vực, phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, khớp nối đồng bộ giữa các khu vực xây dựng.

c/ Quy mô, công suất

- Diện tích đất thực hiện dự án: 76.489 m².

- Quy mô dân số dự kiến: khoảng 1.168 người.

d/ Công nghệ và loại hình dự án

- Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư, sau đó chia lô và bàn giao đất cho hộ dân sử dụng lâu dài. Các hạng mục đơn lẻ như đất công cộng (nhà văn hóa, đất dịch vụ thương mại) sẽ do nhà thầu thứ cấp xây dựng và không thuộc phạm vi đầu tư của dự án. Ngoài ra, phạm vi báo cáo không có hoạt động xây dựng nhà ở của các hộ dân.

** Các hạng mục công trình đầu tư của dự án*

- + San nền
- + Xây dựng cầu nối ra đường TL390;
- + Hoàn trả kênh mương phạm vi dự án;
- + Hệ thống đường giao thông;
- + Hệ thống thoát nước mưa;
- + Hệ thống thoát nước thải;
- + Hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC;
- + Di chuyển đường dây điện hiện trạng;
- + Hệ thống cung cấp điện;
- + Hệ thống thông tin liên lạc;
- + Hệ thống cây xanh;
- + Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

** Cơ cấu sử dụng đất*

Bảng 1. 13. Tổng hợp cơ cấu sử dụng đất của dự án

TT	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới		29.740,3	38,88
	Số lô đất ở	lô	292	-
2	Đất thương mại dịch vụ (mật độ xây dựng 40%)	TMDV	3.016,7	3,94
3	Đất cây xanh	CX	8.208,2	10,73
4	Đất công cộng (nhà văn hóa)	CC	807	1,06
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2.236,5	2,92
6	Đất giao thông	GT	32.480,3	42,46
	Tổng		76.489	100

[Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết 1/500]

1.5.3. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

a/ Chuyển giao công trình và quản lý hành chính

- Chuyển giao công trình:

+ Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật đã hoàn thành (hệ thống cấp nước, cấp điện, giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải) thì Nhà đầu tư sẽ tổ chức bàn giao toàn bộ cho cơ quan quản lý chuyên ngành của thành phố Hải Phòng để quản lý, khai thác và vận hành theo quy định.

+ Sau khi đầu tư xây dựng xong hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các lô đất công cộng, đất cây xanh, đất đường giao thông và đất hạ tầng kỹ thuật, Nhà đầu tư sẽ bàn giao đất cho UBND xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng để quản lý, sử dụng và vận hành theo quy định. Với đất ở mới, đất thương mại dịch vụ sẽ bàn giao cho các hộ dân để quản lý, sử dụng.

- Chuyển giao quản lý hành chính

+ Trong thời gian chưa chuyển giao, Nhà đầu tư sẽ phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để tổ chức quản lý công tác hành chính.

+ Sau khi hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng toàn bộ dự án hoặc một phần (nếu có), Nhà đầu tư sẽ tổ chức chuyển giao cho chính quyền địa phương để giải quyết các thủ tục như: Quản lý hộ khẩu, đảm bảo an ninh công cộng, cấp giấy phép xây dựng, ...

b/ Công tác quản lý trước và sau chuyển giao

- Công tác quản lý trong giai đoạn thi công xây dựng

+ Trước khi chuyển giao công trình hạ tầng kỹ thuật, Nhà đầu tư và các đơn vị Nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo dưỡng, sửa chữa (nếu có) và quản lý vận hành đảm bảo chất lượng theo thiết kế cho đến khi kết thúc dự án và bàn giao cho UBND xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng và các đơn vị quản lý chuyên ngành.

+ Kinh phí thực hiện toàn bộ công tác duy tu, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật sẽ do Nhà đầu tư và các đơn vị Nhà thầu thi công chi trả. Các khoản mục chi phí cụ thể sẽ được quy định trong hợp đồng giao khoán giữa Nhà đầu tư và Nhà thầu thi công.

- Công tác quản lý sau khi chuyển giao công trình

+ Sau khi đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, Nhà đầu tư sẽ tổ chức bàn giao cho UBND xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng và các đơn vị quản lý chuyên ngành để quản lý, khai thác và vận hành theo quy định của Tỉnh.

+ Toàn bộ công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi Nhà đầu tư đã bàn giao thì công tác duy tu, bảo dưỡng và duy trì hoạt động sẽ do các đơn vị quản lý chuyên ngành tiếp nhận theo sự phân công, chỉ đạo của UBND thành phố Hải Phòng, xã Bắc Thanh Miện kinh phí thực hiện do UBND tỉnh quyết định.

+ Đối với các lô đất xây dựng công trình công cộng, Nhà đầu tư sẽ hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài lô đất sau đó sẽ bàn giao cho UBND xã Bắc Thanh Miện để quản lý và xây dựng các công trình theo quy hoạch được duyệt.

+ Đối với công tác quản lý hành chính trước và sau khi bàn giao như: Quản lý hộ khẩu, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động (đối với công tác xây dựng công trình nhà ở), cấp giấy phép xây dựng, ... sẽ do chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện, Nhà đầu tư có trách nhiệm phối hợp quản lý theo quy định.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

*** Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:**

- Sự phù hợp của dự án với Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

+ Dự án nằm tại xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ là xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải, xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công nghệ xử lý đảm bảo tiêu chuẩn xả thải và đảm bảo khoảng cách an toàn về vệ sinh môi trường đối với khu dân cư lân cận. Dự án có lập kế hoạch, theo dõi, chủ động phòng ngừa, ứng phó với các sự cố ô nhiễm môi trường nước mặt.

+ Dự án có thực hiện bố trí các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại. Tổ chức phân loại rác thải tại nguồn, thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật.

- Sự phù hợp của dự án với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ; cụ thể như sau:

+ Các tác động xấu gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, các sự cố môi trường được Công ty chủ động phòng ngừa, kiểm soát như xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công nghệ xử lý đảm bảo tiêu chuẩn xả thải trước khi vào nguồn tiếp nhận.

+ Các vấn đề môi trường trọng điểm (phát sinh nước thải, phát sinh chất thải rắn) cấp bách cơ bản được giải quyết và có phương án khắc phục, chất lượng môi trường khu vực từng bước được cải thiện.

*** Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường Thành phố Hải Phòng, phân vùng môi trường và các quy định khác như sau:**

Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện” phù hợp với các quy định, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của xã Hồng Quang (cũ) nói riêng và các quyết định quy hoạch; Chương trình phát triển đô nhà của tỉnh Hải Dương (cũ) nói chung. Cụ thể dự án phù hợp với những quyết định như sau:

- Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 17/03/2021 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thanh Miện (cũ).

- Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 23/03/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện (cũ) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040.

- Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 của UBND huyện Thanh Miện (cũ) về việc phê duyệt quy hoạch nông thôn mới xã Hồng Quang đến năm 2020, tỷ lệ 1/5000: phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội xã Hồng Quang giai đoạn 2020 - 2030.

- Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định 321/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 2830/QĐ-UBND phê duyệt chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Dự án phù hợp với Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Hải Dương (cũ) đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030 theo Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Hải Dương. Mục tiêu của Chương trình phát triển đô thị là làm cơ sở để lập chương trình phát triển cho từng đô thị, lập đề án nâng loại đô thị; thành lập đô thị mới, lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị, kế hoạch triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị.

- Theo Chương trình phát triển đô thị được phê duyệt, giai đoạn từ 2017 - 2020, tỉnh Hải Dương (cũ) nâng cấp một số đô thị và thành lập mới thị trấn, mở rộng ranh giới hành chính đô thị; nâng tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 33,98%; giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục nâng cấp một số đô thị và thành lập mới thị trấn, mở rộng ranh giới hành chính đô thị; nâng tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 46,13%; giai đoạn 2026 - 2030 tiếp tục nâng cấp một số đô thị và thành lập mới thị trấn, mở rộng ranh giới hành chính đô thị, hoàn chỉnh hệ thống đô thị phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng tỷ lệ dân số đô thị toàn tỉnh đạt 51,84%.

- Giai đoạn 2021-2025, hệ thống đô thị tỉnh Hải Dương (cũ) có 40 đô thị, gồm: Nâng cấp lên đô thị loại III cho Thị xã Kinh Môn, loại IV cho các Thị trấn: Lai Cách Phú Thái, Ninh Giang, Nam Sách, Thanh Miện. Thành lập mới đô thị loại V cho 20 đô thị đô thị trên cơ sở nâng cấp các xã nông thôn, gồm Tân Hồng, Thái Học, Phúc Kháng, Vĩnh Tuy (huyện Bình Giang); Tân Trường (huyện Cẩm Giàng); Đoàn Thượng, Gia Khánh, Gia Hòa, Toàn Thắng (huyện Gia Lộc); Cộng Hòa, Kim Anh (huyện Kim Thành); An Lâm, Quốc Tuấn (huyện Nam Sách); Đồng Tâm, Nghĩa An, Vĩnh Hòa (huyện Ninh Giang); Hồng Lạc (huyện Thanh Hà); Tứ Cường (huyện Thanh Miện); Kỳ Sơn, Nguyên Giáp (huyện Tứ Kỳ).

→ Như vậy, dự án thực hiện là hoàn toàn phù hợp với chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Hải Dương (cũ) đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030 của tỉnh.

- Dự án phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hải Dương (cũ) đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 của UBND tỉnh Hải Dương.

+ Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 về diện tích nhà ở diện tích nhà ở bình quân: Phát triển diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt khoảng 27,0 m² sàn/người, trong đó tại đô thị đạt 29,0 m² sàn/người và tại nông thôn đạt 22,0 m² sàn/người. Như vậy, việc điều chỉnh và mở rộng diện tích khu dân cư tập trung, tăng diện tích đất ở của khu dân cư là hoàn toàn phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hải Dương (cũ) đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

+ Phương hướng phát triển nhà ở đến 2020, định hướng 2030 đối với khu vực đô thị, tại các khu dân cư mới:

+ Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải được thiết kế hoàn chỉnh, đồng bộ, đặc biệt là các hệ thống ngầm dưới đất; cần tính toán định hướng phát triển lâu dài, như tạo không

gian mở và khoảng lùi phù hợp.

+ Xây dựng các công trình phục vụ công cộng đảm bảo bán kính phục vụ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng. Các khu thấp tầng được xây dựng đồng bộ và thống nhất về kiến trúc mặt ngoài nhà.

+ Phát triển nhà ở tại các trung tâm huyện, thị xã, thị trấn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kết hợp phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội với cải tạo chỉnh trang đô thị và phát triển nhà ở, nâng cao chất lượng nhà ở.

Các khu vực đã được đô thị hóa ổn định, việc thực hiện phát triển theo hướng giữ mật độ xây dựng thấp, đảm bảo yêu cầu nhà ở có vườn, cây xanh, tạo môi trường, cảnh quan đẹp.

Dành diện tích phù hợp cho việc bố trí không gian công cộng như: cây xanh, mặt nước, quảng trường... khi quy hoạch phát triển các khu đô thị mới.

*** Môi liên hệ của dự án với các khu dân cư, khu đô thị lân cận.**

- Khu vực dự án nằm trên địa bàn huyện Thanh Miện (cũ) nay là xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng. Xung quanh khu vực dự án ngoài các khu dân cư hiện trạng còn có một số dự án khu dân cư, khu dân cư đã được đầu tư. Cụ thể như sau:

+ Hiện nay, Công ty cổ phần đầu tư Tây Bắc đang đầu tư triển khai xây dựng Dự án Khu chợ Thông và dân cư thương mại xã Đoàn Tùng cách Khu dân cư mới xã Hồng Quang khoảng 2 km. Dự án có quy mô 3,02 ha và số lô đất ở theo thiết kế là 117 lô, tỷ lệ lấp đầy 65%.

+ Dự án Khu dân cư tập trung thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện (cũ) do Công ty cổ phần xây dựng Hà Phương đầu tư xây dựng; cách khu dân cư mới xã Hồng Quang khoảng 2 km; có quy mô 18,8 ha, diện tích đất ở quy hoạch 6,3 ha, tỷ lệ lấp đầy 15%.

+ Khu đô thị mới Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (cũ) do Liên danh Công ty TNHH đầu tư Anh Quang - Công ty TNHH đầu tư xây dựng và dịch vụ thương mại Thái Dương - Công ty TNHH Hoàng Thanh (viết tắt là Liên danh Anh Quang - Thái Dương - Hoàng Thanh) là Nhà đầu tư có tổng diện tích là 913.317,06 m² thuộc địa bàn thị trấn Thanh Miện và xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Dự án đang trong quá trình chuẩn bị mặt bằng.

+ Ngoài ra, xung quanh dự án là các khu dân cư hiện hữu của thôn An Lâu, thôn Bích Thủy. Phía Đông có một điểm đầu nối với đường thôn An Lâu, hiện trạng lòng đường rộng khoảng 4m, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Phía Tây kết nối với đường thôn Bích Thủy hiện trạng lòng đường rộng khoảng 3,5m, kết cấu mặt đường bê tông xi măng.. Các khu dân cư này được kết nối với dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, nhà đầu tư áp dụng các biện pháp xử lý bụi, khí thải và an toàn giao thông để không ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh.

- Các khu dân cư này được kết nối với giao thông chính của huyện Thanh Miện (cũ), nước thải được thu gom riêng biệt với nước mưa; CTR do đơn vị môi trường địa phương thu gom và xử lý.

- Việc xây dựng Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện cùng với các dự án lân cận nêu trên sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của

huyện Thanh Miện (cũ) nay là xã Bắc Thanh Miện nói riêng và của thành phố Hải Phòng nói chung.

*** Sự phù hợp về phân vùng môi trường:**

- Theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó Chính phủ quy định phân 3 vùng gồm: Vùng bảo vệ nghiêm ngặt - Vùng hạn chế phát thải - Vùng khác.

+ Việc phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác được thực hiện theo tiêu chí về yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường nhằm mục tiêu giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật.

+ Có 5 khu vực thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm: Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; Vùng lõi của di sản thiên nhiên (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Dự án được thực hiện tại xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (nay là xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng), nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo quy chuẩn quy định trước khi chảy ra mương hiện trạng phía Bắc dự án do Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương quản lý, mục đích sử dụng không dùng cho cấp nước sinh hoạt. Ngoài ra, Dự án không thuộc khu vực nội thành, nội thị, không thuộc khu bảo tồn thiên nhiên, không thuộc khu vực cần bảo vệ của di tích lịch sử - văn hóa và di sản thiên nhiên.

=> Như vậy, dự án không thuộc vùng hạn chế phát thải theo quy định về phân vùng môi trường của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Hoạt động vận hành của Dự án là phù hợp với phân vùng môi trường của thành phố Hải Phòng.

- Mối quan hệ của dự án với các dự án xung quanh:

Dự án tại xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, hiện nay xung quanh dự án bán kính 3,0 km không có nhà máy, xí nghiệp lớn sản xuất hoạt động và xung quanh khu vực dự án thực hiện có một số khu dân cư và hộ kinh doanh nhỏ lẻ, cụ thể như sau:

+ Khu dân cư thôn An Lâu xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng cách dự án 200m phía Đông;

+ Khu dân cư làng Hữu chung xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng cách dự án 150m phía Nam;

+ Khu dân cư thôn Bích Thủy xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng cách dự án 120m phía Tây;

=> Như vậy, khi dự án hoạt động sẽ có tác động về nước thải đến môi trường nước mặt khu vực nhất là đoạn mương hiện trạng phía Bắc dự án chảy qua dự án và tác động đến hệ thống hạ tầng khu vực như: Hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, Ngoài ra, việc hoạt động của dự án cũng có thể tác động đến đời sống, kinh tế của các khu dân cư lân cận do tăng số lượng người sinh sống tại địa phương từ đó thúc đẩy kinh tế khu vực.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện” đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại 1839/QĐ-UBND ngày 21/06/2021 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) và dự án đã có công văn thỏa thuận điểm đối nối thoát nước thải, nước mưa tại Văn bản số 462/SNN-TL ngày 06/04/2021 với Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương (đơn vị quản lý mương hiện trạng phía Bắc dự án nơi tiếp nhận nước thải, nước mưa của dự án). Hiện nay, các công trình BVMT, công trình hoạt động xả thải của dự án xây dựng không thay đổi quy mô, công suất, vị trí so với nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt do đó báo cáo giấy phép môi trường không đánh giá lại khả năng chịu tải môi trường của dự án.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

*** Thông số kỹ thuật công trình thu gom, thoát nước mưa:**

- Hệ thống thoát nước mưa của Dự án được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Dự án sử dụng cống tròn BTCT D400, D600, D800 với tổng chiều dài là 2.200 m; bố trí các loại ga thu, ga thăm và ga kết hợp dọc theo các tuyến cống thoát nước mưa (tổng số hố ga là 140 cái).

- Hướng thoát nước mưa của dự án vào mương hiện trạng ở phía Đông Nam và Tây Nam dự án, sau đó thoát về hệ thống thoát nước Trạm bơm Phí Xá. Hệ thống thoát nước mưa được chia thành các lưu vực thu nước và thoát về 2 tuyến cống chính chạy dọc dự án theo hướng Tây Bắc xuống Đông Nam vào nguồn tiếp nhận qua 02 cửa xả nước mưa.

- Cấu tạo: Ống cống sử dụng cống BTCT đúc sẵn M250 bằng công nghệ rung - ép. Cống chịu tải trọng HL93.

+ Đế cống sử dụng là BTCT đúc sẵn M200.

+ Mỗi nối các ống cống được thực hiện bằng sự lắp ráp giữa đầu dương và đầu âm của các đốt cống. Vật liệu dùng để làm mỗi nối là trát vữa xi măng.

- Hố ga: Hố ga được bố trí với khoảng cách trung bình 30-50 m/hố, để đảm bảo thuận tiện cho quản lý và đấu nối.

Thành xây gạch không nung VXM M75 dày 22cm, trát trong VXM M75 dày 1,5cm. Mũ mố hố ga BTCT M250, tấm bản đáy bằng BTCT M250 dày 15cm. Đáy hố ga BTCT M250 dày 15cm trên lớp bê tông lót dày 10cm.

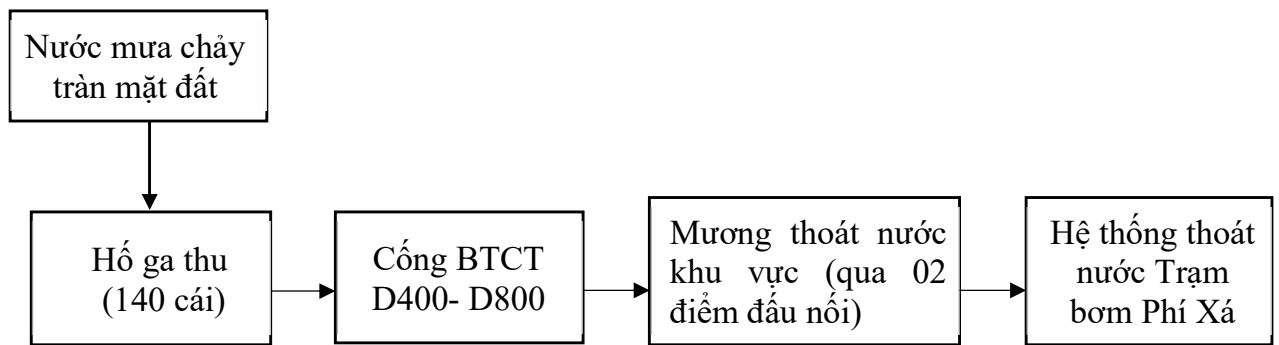
- Hiện nay, Dự án đã hoàn thành thi công 100% công trình thoát nước mưa với khối lượng cụ thể như sau:

Bảng 3. 1. Tổng hợp khối lượng thoát nước mưa của dự án

TT	Tên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng thi công
1	Cống BTCT D400	m	1133
2	Cống BTCT D600	m	716
3	Cống BTCT D800	m	351
4	Ga thăm các loại	Cái	12
5	Ga thu	Cái	64
6	Ga thu thăm kết hợp	Cái	64
7	Cửa xả	Cái	02

[Nguồn: Thuyết minh thiết kế thi công của dự án]

*** Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa:**



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa của dự án

- Hình ảnh hệ thống thoát nước mưa dự án đã xây dựng:



Hình 3. 2. Hệ thống thoát nước mưa dự án đã xây dựng

- Tổng mặt bằng hệ thống thoát nước mưa dự án đã xây dựng:



Hình 3. 3. Bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước mưa của dự án

*** Số lượng, vị trí điểm thoát nước mưa của dự án:**

- Dự án đối nối thoát nước mưa ra ngoài khu vực qua 02 điểm đầu nối theo nội dung thỏa thuận đầu nối thoát nước mưa của dự án. Hoạt động xả thải của dự án đã được Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (cũ) và Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương chấp thuận thiết kế thoát nước của Dự án tại Công văn số 462/SNN-TL ngày 06/04/2021.

- Hiện nay, dự án đã hoàn thiện 02 điểm đầu nối thoát nước mưa với tọa độ như sau:

TT	Điểm xả nước mưa	Tọa độ điểm xả: hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°	
1	Cửa xả số 1 (CX1): Đầu nối vào mương khu vực phía Đông qua cống tròn D800	X(m) = 2301629.010	Y(m) = 571556.650
2	Cửa xả số 2 (CX2): Đầu nối vào mương khu vực phía Tây qua cống tròn D800	X(m) = 2301789.452	Y(m) = 572070.879

- Phương thức xả nước mưa: Tự chảy, xả mặt và xả ven bờ.

- Hình ảnh cửa xả nước mưa dự án đã xây dựng:



Hình 3. 4. Cửa xả nước mưa của dự án

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a/ Nguồn phát sinh nước thải

- Trong giai đoạn vận hành dự án phát sinh nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của khu dân cư và hoạt động vận hành quản lý hạ tầng của khu dân cư.

+ Theo số liệu tính toán tại bảng 1.10 Chương 1 lượng nước thải phát sinh từ dự án là 273,82 m³/ngày.

+ Trong quá trình hoạt động sinh hoạt ăn, ở của các hộ dân và quản lý vận hành, bảo dưỡng các công trình hạ tầng của dự án các nguồn phát sinh nước thải gây ô nhiễm

môi trường là nước thải sinh hoạt. Thành phần chất ô nhiễm đặc trưng: Độ màu, COD, BOD, TSS, NH_4^+ , PO_4^{3-} , coliform, ...

- Ngoài ra, dự án có hoạt động tưới cây xanh, rửa đường tuy nhiên lượng nước này được thấm thấu vào đất trồng cây và được chảy vào hệ thống thoát nước mưa do đó không thu gom vào hệ thống xử lý nước thải.

=> Như vậy, tổng lưu lượng nước thải cần xử lý của dự án là **273,82 m³/ngày**.

b/ Công trình thu gom nước thải:

*** Thông số kỹ thuật công trình thu gom, thoát nước thải:**

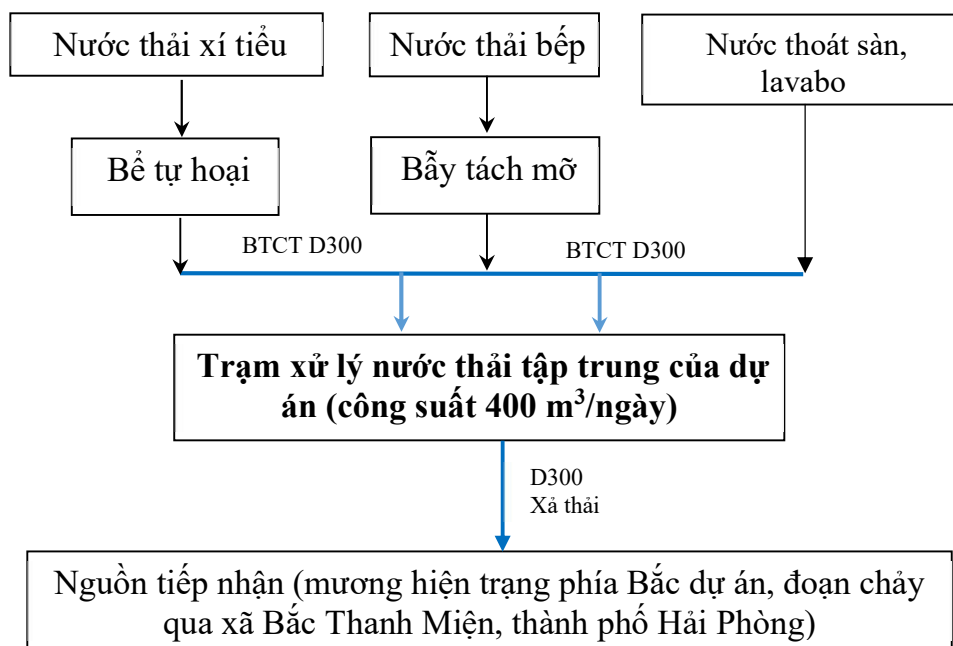
- Dự án thiết kế hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.
- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại của các hộ dân trước khi chảy vào hệ thống thu gom nước thải của dự án về Trạm XLNT tập trung (công suất 400 m³/ngày) để xử lý.
- Hệ thống thu gom nước thải của dự án sử dụng cống BTCT D300 với tổng chiều dài là 2.229 m, các tuyến cống thoát nước thải sẽ được bố trí nằm sát hào kỹ thuật của các lô đất.
- Mạng lưới thoát nước thải được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, được tính toán để không gây ảnh hưởng đến các lưu vực thoát nước xung quanh. Để tiện cho việc đấu nối dự án bố trí 186 hố ga thăm, khoảng cách trung bình 20m – 30 m/ga và 01 cửa xả nước thải sau xử lý ra mương thoát nước khu vực phía Bắc.
- Hiện nay, Dự án đã hoàn thành thi công 100% khối lượng hệ thống công thu gom nước thải. Tổng hợp khối lượng công trình thu gom và thoát nước thải như sau:

Bảng 3. 2. Tổng hợp khối lượng thu gom và thoát nước thải

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống thoát nước thải BTCT D300 (thu nước thải đầu vào và thoát nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT)	m	2.229
3	Hố ga thăm	ga	186
4	Trạm xử lý nước thải 400 m ³ /ngày	HT	Đã xây dựng

[Nguồn: Hồ sơ thiết kế hạ tầng kỹ thuật]

*** Sơ đồ thu gom nước thải của dự án:**



Hình 3. 5. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của dự án

*** Công trình thoát nước thải:**

Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột A; K = 1,0) được chảy qua 01 tuyến cống BTCT D300, chiều dài 215m vào mương hiện trạng phía Bắc dự án tại 01 điểm xả nước thải. Công ty đã có biên bản thỏa thuận đối nổi hạ tầng thoát nước thải số 462/SNN-TL ngày 06/04/2021 với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (cũ) và Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương) đơn vị quản lý đoạn mương khu vực phía Bắc chảy qua khu vực dự án).

*** Điểm xả nước thải sau xử lý:**

- Vị trí xả nước thải: Tại cửa xả ra mương hiện trạng phía Bắc dự án đoạn chảy qua dự án tại xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng.

+ Tọa độ điểm xả nước thải: X(m) = 2301946.284; Y(m) = 571878.674.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương hiện trạng phía Bắc dự án tại xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (do Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương quản lý).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt và xả ven bờ.

- Chế độ: Liên tục (24/24h).

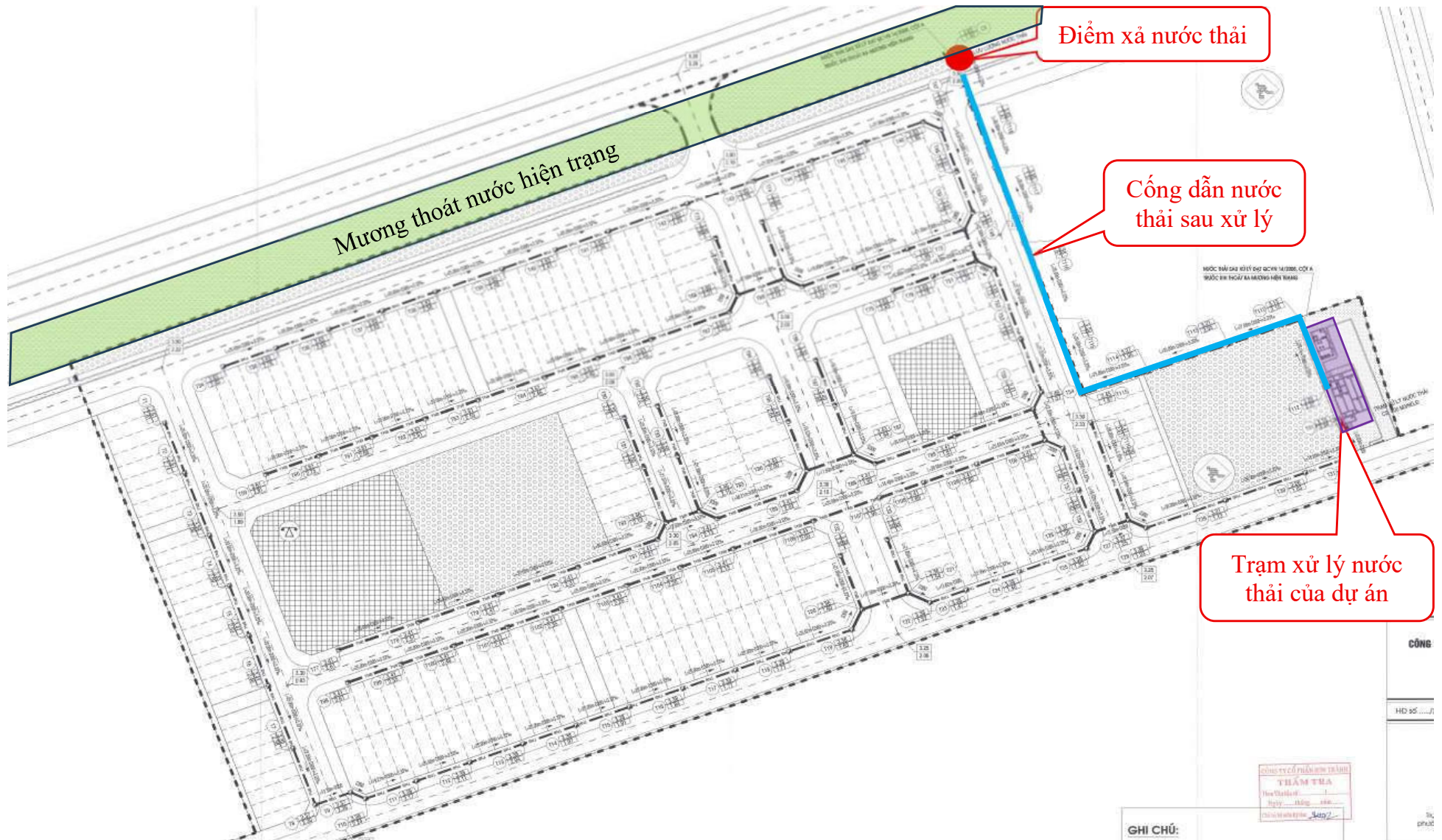
- Hình ảnh cửa xả nước thải dự án đã xây dựng:



Hình 3. 6. Cửa xả nước thải của dự án ra nguồn tiếp nhận

- Tổng mặt bằng thu gom nước thải của dự án như sau:

- Tổng mặt bằng thu gom nước thải của dự án như sau:



Hình 3. 7. Tổng mặt bằng thu gom nước thải của dự án

3.1.3. Công trình xử lý nước thải

a/ Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư được thu gom và tiền xử lý bằng bể tự hoại và bể tách mỡ trước khi thải vào hệ thống cống dẫn chảy về trạm XLNT tập trung.

b/ Trạm xử lý nước thải tập trung

- Chủ dự án đã đầu tư xây dựng 01 Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Công suất thiết kế: 400 m³/ngày đêm.

- Vị trí xây dựng: Trạm XLNT được xây dựng ở lô đất HTKT phía Đông của dự án. Khu đất có vị trí cách xa khu dân cư >200m hoàn toàn đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường, đồng thời được bố trí dải cây xanh cách ly xung quanh trạm xử lý nước thải với tổng chiều rộng dải cây xanh là 10m.

* Thông tin đơn vị thi công lắp đặt công trình xử lý khí thải

- Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần tư vấn phát triển hạ tầng Việt Nam IDC

+ Địa chỉ: Số 2, ngách 10/7, ngõ 10 phố Pháo Đài Láng, Phường Láng, TP Hà Nội

+ Người đại diện: Nguyễn Văn Catô Đình Phú

- Đặc điểm của nước thải đầu vào:

+ Nước thải cần xử lý tại dự án là nước thải sinh hoạt của các hộ dân đã được xử lý cục bộ. Đặc điểm chung của loại nước thải này là thành phần hữu cơ, chất dinh dưỡng, chất rắn lơ lửng, vi sinh vật gây bệnh.

+ Theo kết quả tính toán thành phần, tính chất nước thải đầu vào của các công trình tương tự và theo số liệu trong báo cáo ĐTM đã phê duyệt thì thành phần nước thải của dự án cụ thể như sau:

Bảng 3. 3. Đặc tính nước thải sinh hoạt đầu vào

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	250 - 400
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200 - 420
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	600 - 900
5	Sunfua (tính theo HS)	mg/l	4 - 6
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	50 - 70
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	15 - 50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	15 - 40
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10 - 25
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	8 - 16
11	Coliform	vi khuẩn/100ml	10 ⁷ - 10 ⁹

[Nguồn: Báo cáo ĐTM của dự án đã được phê duyệt]

- Chất lượng nước thải đầu ra:

Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là mương hiện trạng phía Bắc dự án, mục đích sử dụng cho tưới tiêu nông nghiệp, tuy nhiên để đảm bảo chất lượng môi trường khu vực, Chủ dự án lựa chọn chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT

(cột A; K = 1,0).

Bảng 3. 4. Chất lượng nước thải sinh hoạt đầu ra sau xử lý

TT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/ BTNMT (cột A, K=1)
1	pH	-	5 – 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500
5	Sunfua (tính theo HS)	mg/l	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	6
11	Coliform	MPN/100ml	3.000

- Cơ sở lựa chọn công suất và công nghệ xử lý nước thải:

*** Về công suất thiết kế:**

Căn cứ vào lưu lượng sử dụng nước dự báo đã tính toán tại Bảng 1.10 Chương 1 thì nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt của dự án là 224,78 m³/ngày. Với hệ số điều hòa hệ thống XLNT K = 1,1–1,4 Chủ dự án lựa chọn lấy K = 1,4 do đó công suất Trạm xử lý nước thải cần thiết kế tối thiểu là:

$$Q_{HT} = 224,78 \times 1,4 = 314,69 \text{ m}^3/\text{ngày} \text{ (lựa chọn công suất là } 400 \text{ m}^3/\text{ngày đêm)}.$$

*** Về công nghệ xử lý nước thải:**

Công nghệ xử lý nước thải của dự án được lựa chọn dựa vào những cơ sở sau:

+ Nước thải từ các hộ dân đã được xử lý cục bộ nên có thể coi như mức độ ô nhiễm trung bình.

+ Nước thải của dự án được dẫn xả ra mương thoát nước khu vực phía Bắc dự án, chất lượng nước đầu ra đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K = 1) do đó phương án công nghệ xử lý nước thải của Dự án là công nghệ sinh học để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra theo quy định.

+ Hệ thống XLNT được lựa chọn có công trình vận hành đơn giản, không yêu cầu các thao tác đặc biệt.

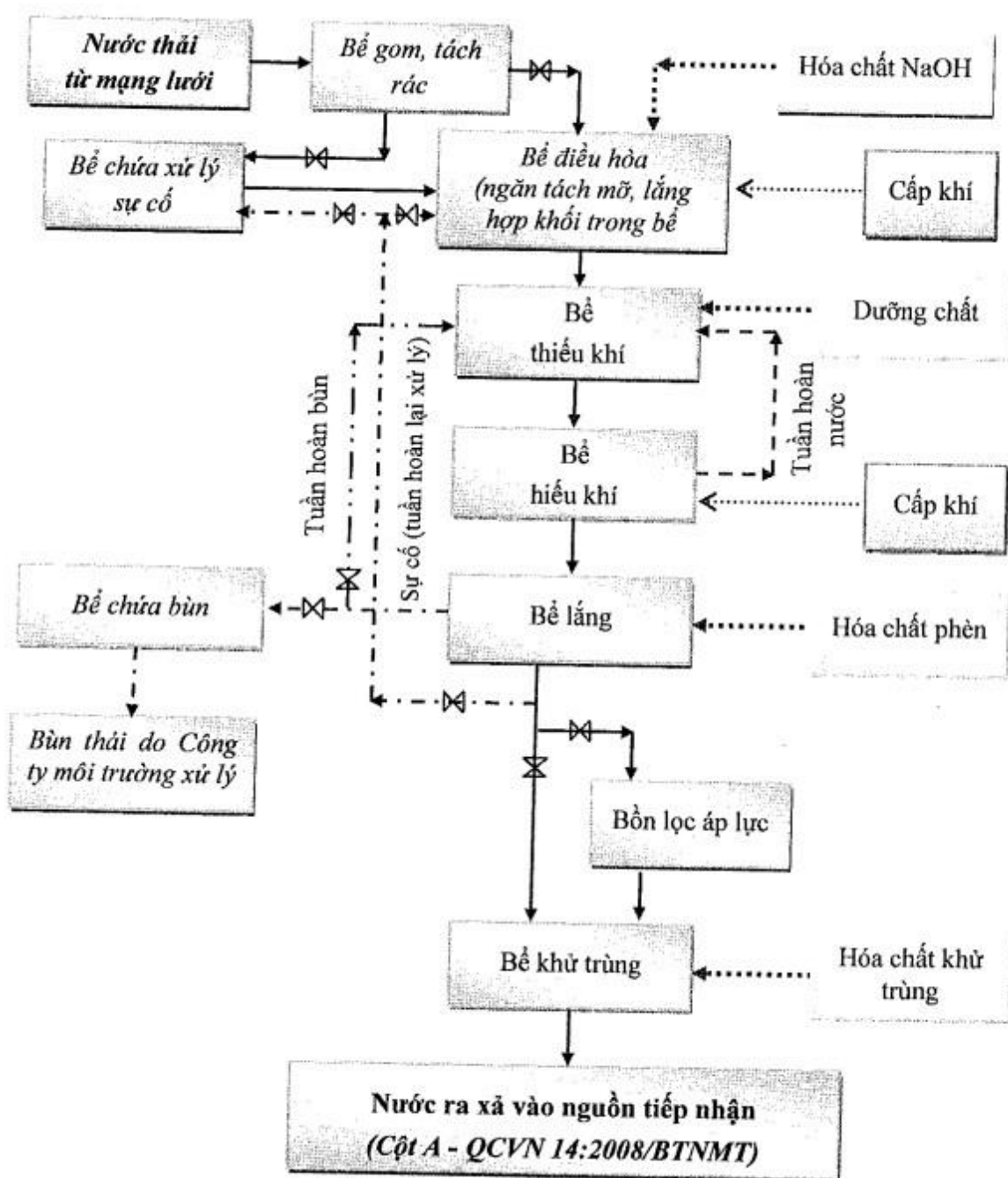
+ Chi phí vận hành thấp.

+ Yêu cầu thiết kế: Đảm bảo sự vận hành tốt khi chưa đủ công suất thiết kế và đảm bảo công suất dự phòng khi tăng nhu cầu xả nước thải.

+ Vận hành: Đã tính đến phương án vận hành tự động và bằng tay khi có sự cố.

+ Nguồn kinh phí vận hành hệ thống: Từ nguồn kinh phí được lấy từ nguồn ngân sách địa phương hay chi phí duy trì hạ tầng kỹ thuật của địa phương sau khi bàn giao công trình.

- Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của dự án:



Hình 3. 8. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của dự án

- Thuyết minh công nghệ:

Công nghệ xử lý nước thải của trạm xử lý được chia thành các giai đoạn: Xử lý bậc một, xử lý bậc hai, xử lý hoàn thiện và xử lý bùn.

✓ **Giai đoạn xử lý bậc một hay xử lý sơ bộ**

Mục đích của quá trình này nhằm thu gom, loại bỏ các chất thải có kích thước lớn, đồng thời ổn định lưu lượng và điều hòa nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải. Vận chuyển nước thải đến quá trình xử lý tiếp theo. Quá trình xử lý sơ bộ gồm các công trình đơn vị sau:

+ Song chắn rác;

+ Bể thu gom kết hợp tách dầu mỡ;

+ Bể điều hòa;

✓ *Giai đoạn xử lý bậc hai: Xử lý sinh học kết hợp lắng*

Quá trình xử lý sinh học nhờ cơ chế hoạt động của vi sinh vật phân hủy các chất ô nhiễm có trong nước thải nhằm giảm tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải qua các quá trình sau:

+ Bể Anoxic - bể sinh học thiếu khí;

+ Bể hiếu khí;

+ Bể lắng sinh học, lọc;

✓ *Giai đoạn xử lý hoàn thiện và xử lý bùn*

+ Khử trùng: Dựa vào khả năng diệt khuẩn của Javen nhằm xử lý triệt để các vi khuẩn gây bệnh như Coliform, E-Coli,... Nước thải đầu ra của bể khử trùng đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.

+ Xử lý bùn: Toàn bộ lượng bùn dư được thu gom về bể chứa bùn thải.

❖ **Công dụng của từng giai đoạn xử lý:**

- **Bể gom:**

Bể gom có nhiệm vụ thu gom toàn bộ nước thải về điểm thấp nhất theo dòng chảy tự nhiên. Bể gom còn có nhiệm vụ lắng cát, tách rác và tách dầu mỡ. Nước thải sau bể gom được bơm sang bể điều hòa theo chế độ van phao.

- **Bể điều hòa:**

Bể điều hòa có chức năng:

+ Điều hòa về lưu lượng và nồng độ dòng nước thải, đảm bảo ổn định cho các công trình xử lý phía sau.

+ Quá trình xử lý sinh học được nâng cao do không bị hoặc giảm đến mức thấp nhất “shock” tải trọng, các chất ảnh hưởng đến quá trình xử lý.

+ Chất lượng nước thải sau xử lý được cải thiện do tải trọng chất thải lên các công trình ổn định. Để tránh lắng cặn, các đĩa phân phối khí tạo sự khuấy trộn được lắp đặt trong bể điều hòa. Dung tích chứa nước càng lớn thì độ an toàn về nhiều mặt càng cao.

+ Bể điều hòa được đảo trộn bởi quá trình cấp khí từ máy thổi khí đặt trong phòng điều khiển vận hành, tránh tình trạng phát sinh mùi trong quá trình xử lý do vi sinh yếm khí.

- **Bể thiếu khí – Anoxic:**

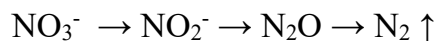
Trong nước thải, có chứa các hợp chất Nito và Photpho, những hợp chất này cần được loại bỏ khỏi nước thải.

+ Tại bể thiếu khí (Anoxic) trong điều kiện thiếu khí, hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển xử lý N, P thông qua quá trình Nitrat hóa và Photphoril.

+ *Quá trình Nitrat hóa xảy ra như sau:*

Hai chủng loại vi khuẩn chính tham gia vào quá trình này là Nitrosonas và

Nitrobacter. Trong môi trường thiếu oxy, các loại vi khuẩn này sẽ khử Nitrat (NO_3^-) và Nitrit (NO_2^-) theo chuỗi chuyển hóa:



Khí nitơ phân tử N_2 tạo thành sẽ thoát khỏi nước và ra ngoài. Như vậy là nitơ đã được xử lý.

+ *Quá trình Photphoryl hóa:*

Chủng loại vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng loại vi khuẩn hiếu khí.

Cũng tại đây cơ chất được bổ sung cho quá trình khử nito.



Để quá trình Nitrat hóa và Photphoril hóa diễn ra thuận lợi, tại bể thiếu khí bố trí máy khuấy chìm với tốc độ khuấy phù hợp. Máy khuấy có chức năng khuấy trộn dòng nước tạo ra môi trường thiếu oxy cho hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển.

- Bể hiếu khí:

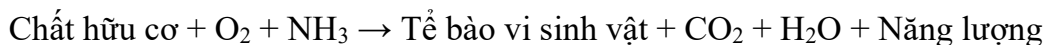
Tại bể hiếu khí, nhờ quá trình cấp khí cưỡng bức nhằm đảm bảo nồng độ oxy trong bể khoảng 2 mg/lít để cung cấp dưỡng khí cần thiết cho vi sinh vật hiếu khí phân hủy sinh hoạt các hợp chất hữu cơ. Tại đây nhờ quá trình phân hủy các chất hữu cơ dưới tác dụng của vi sinh vật hiếu khí, xử lý toàn bộ các chất hữu cơ. Hiệu suất xử lý đạt 80 - 90% tổng lượng BOD có trong nước thải.

Các phản ứng chính xảy ra trong bể xử lý sinh học hiếu khí như:

+ Quá trình Oxy hóa và phân hủy chất hữu cơ:



+ Quá trình tổng hợp tế bào mới:



+ Quá trình phân hủy nội sinh:



Nồng độ bùn hoạt tính duy trì trong bể hiếu khí: 2500 - 3500 mg/l. Hệ vi sinh vật trong bể hiếu khí được nuôi cấy bằng chế phẩm men vi sinh hoặc từ bùn hoạt tính. Thời gian nuôi cấy một hệ vi sinh vật hiếu khí từ 45 đến 60 ngày. Oxy cấp vào bể bằng máy thổi khí đặt cạn.

*** Giá thể vi sinh MBBR trong bể:**

Giá thể vi sinh MBBR dạng cầu là một loại giá thể vi sinh kiểu di động được sử dụng trong các hệ thống xử lý nước thải, giá thể vi sinh dạng cầu thường được sử dụng cho các hệ thống xử lý sinh học hiếu khí, do tận dụng được lưu lượng sục khí sẽ làm giá thể quả cầu di chuyển khắp nơi trong hệ thống.

+ *Giá thể vi sinh:* Giá thể vi sinh là một loại vật liệu được bổ sung vào quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học để tăng diện tích tiếp xúc giữa vi sinh và

nước thải. Từ đó gia tăng sinh khối làm quá trình phân hủy sinh học diễn ra nhanh chóng với hiệu suất xử lý cao.

+ *Nguyên lý hoạt động của giá thể vi sinh*: Nguyên lý hoạt động của giá thể vi sinh dựa vào diện tích tiếp xúc của giá thể, vi sinh sẽ dính bám trên bề mặt tạo thành lớp màng nhầy có tác dụng phân hủy sinh học. Quy luật chung trong sự phát triển của màng vi sinh vật bởi quá trình tiêu thụ cơ chất có trong nước thải và làm sạch nước thải.

Quá trình dính bám của giá thể vi sinh có thể chia thành 4 giai đoạn như sau:

+ **Giai đoạn 1: Kết dính ban đầu.** Là quá trình vi sinh bám vào bề mặt của giá thể tạo thành lớp màng. Trong điều kiện này, tất cả vi sinh vật phát triển như nhau, cùng điều kiện, sự phát triển giống như quá trình vi sinh vật lơ lửng.

+ **Giai đoạn 2: Phát triển.** Vi sinh vật bắt đầu phát triển trên lớp màng bắt đầu quá trình phân hủy sinh học.

+ **Giai đoạn 3: Trưởng thành.** Là giai đoạn vi sinh đã phát triển, lớp màng đã dày lên, hiệu suất phân hủy sinh học cao nhất. Lượng cơ chất đưa vào phải đủ cho quá trình trao đổi chất, nếu không sẽ có sự suy giảm sinh khối và lớp màng sẽ bị mỏng dần đi nhằm đạt tới cân bằng mới giữa cơ chất và sinh khối.

+ **Giai đoạn 4: Phân tán.** Sau khi phát triển đến độ dày nhất định, lớp màng không dày lên nữa và trở nên ổn định, vi sinh sẽ tróc ra khỏi bề mặt của giá thể. Sự trao đổi chất diễn ra để phân hủy chất hữu cơ thành CO_2 và nước. Lượng vi sinh vật không thay đổi do chiều dày lớp màng hiệu quả không thay đổi và không có sự gia tăng sinh khối trong giai đoạn này. Lượng cơ chất phải đủ cho quá trình trao đổi chất, nếu không vi sinh sẽ thiếu dinh dưỡng và bắt đầu phân hủy nội bào để cân bằng với cơ chất và sinh khối.

Các giai đoạn trên sẽ diễn ra cùng lúc xen kẽ với nhau giúp quá trình phân hủy sinh học diễn ra liên tục. Quá trình phân hủy nội bào và quá trình trao đổi chất sẽ diễn ra đồng thời với nhau. Khi đó tốc độ phát triển màng cân bằng với tốc độ suy giảm bởi sự phân huỷ nội bào.

* **Quá trình xử lý nước thải sử dụng giá thể vi sinh** có nhiều ưu điểm nổi trội hơn so với quá trình xử lý bằng bùn hoạt tính hiếu khí lơ lửng. Các ưu điểm đó bao gồm:

+ **Hệ vi sinh bền**: Các giá thể vi sinh tạo cho màng sinh học 1 môi trường bảo vệ, do đó, hệ vi sinh xử lý dễ phục hồi hơn.

+ **Mật độ vi sinh xử lý trong mỗi đơn vị thể tích cao hơn**: So với bể thổi khí thông thường, mật độ vi sinh xử lý trong mỗi đơn vị thể tích cao hơn, do đó thể tích bể xử lý nhỏ hơn và hiệu quả xử lý chất hữu cơ cao hơn.

+ **Vi sinh xử lý được “chuyên môn hóa”**: Các nhóm vi sinh khác nhau phát triển giữa các lớp màng vi sinh, điều này giúp cho các lớp màng sinh học phát triển theo xu hướng tập trung vào các chất hữu cơ chuyên biệt.

+ **Tiết kiệm năng lượng**.

+ **Thân thiện môi trường hơn** so với các hệ thống xử lý hiếu khí nước thải sinh hoạt và công nghiệp.

+ **Dễ vận hành**.

+ **Tải trọng cao**: Khả năng phát triển của màng sinh học theo tải trọng tăng dần của chất hữu cơ làm cho bể MBBR có thể vận hành ở tải trọng cao với đầu tư vận hành thấp.

+ Chống shock tải trọng.

+ Dễ dàng cải tạo, nâng cấp.

+ Dễ kiểm soát hệ thống, có thể bổ sung giá thể MBBR tương ứng với tải trọng ô nhiễm và lưu lượng nước thải. Trường hợp tăng công suất hoặc tải trọng hệ thống lên 50%, chỉ cần bổ sung giá thể MBBR vào bể sinh học mà không cần mở rộng thể tích bể sinh học.

*** Mật độ giá thể:**

+ Lượng giá thể vi sinh cho vào bể MBBR tùy thuộc vào hàm lượng BOD và hiệu suất xử lý của bể.

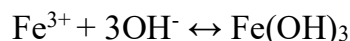
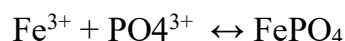
+ Thông thường với nước thải sinh hoạt thì lượng giá thể vi sinh cần có trong bể khoảng 10 đến 20% dung tích bể.

- Bể lắng sinh học:

+ Nước sau bể hiếu khí được chảy sang bể lắng sinh học. Nước được lắng nhờ quá trình trọng lực lắng các bông bùn hoạt tính và kéo theo các chất rắn trong nước. Tại bể lắng, bùn hoạt tính được tuần hoàn lại một lần nhằm đảm bảo nồng độ bùn trong bể hiếu khí sau 5 phút lắng. Phần bùn dư được bơm qua bể chứa bùn, sau đó được thu gom định kỳ.

+ Trong bể lắng được bổ sung dung dịch hóa chất phèn sắt để hỗ trợ cho quá trình lắng và xử lý phốt pho khi cần thiết.

+ Nguyên lý loại bỏ Phospho là sử dụng các phản ứng giữa chất Phospho trong nước và các hợp chất hóa học, các ion kim loại đa hóa trị, để tạo thành kết tủa của phosphate ít hòa tan, sau đó có thể được loại bỏ ra khỏi chất lỏng bằng cách sử dụng một quá trình tách chất rắn. Hóa chất sử dụng là phèn sắt, phương trình phản ứng được diễn ra như sau:



- Bồn lọc áp lực:

Nước xử lý sau bể lắng nếu TSS đạt quy chuẩn sẽ được dẫn trực tiếp sang bể khử trùng để khử trùng trước khi xả ra môi trường; Nếu TSS chưa đạt quy chuẩn sẽ được dẫn qua bể lọc áp lực để tăng khả năng loại bỏ cặn lơ lửng (TSS) và các chất ô nhiễm còn lại để đảm bảo nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Bể khử trùng:

Sau khi nước thải qua bể lắng sẽ tự chảy qua bể tiếp xúc khử trùng. Tại bể này, hóa chất khử trùng được đưa vào bể để loại các vi sinh vật có hại trong nước thải trước khi thải ra môi trường.

Sử dụng hóa chất khử trùng là Javen. Lượng Clo hoạt tính trong nước là 3-5 (g/m³). Liều lượng Clo hoạt tính sẽ điều chỉnh trong quá trình vận hành để đảm bảo liều lượng Clo trong nước thải sau bể khử trùng không nhỏ hơn 1,5 (g/m³).

Nước thải tại bể khử trùng đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT, cột A xả ra điểm thoát nước sau xử lý.

- Bể chứa bùn:

Bể chứa bùn có chức năng chứa lượng bùn dư được tạo thành trong quá trình xử lý. Bùn dư sẽ được phân hủy, điều này làm giảm thể tích lượng bùn dư. Một phần nước dư được tuần hoàn trở lại Bể điều hòa để tiếp tục được xử lý, đồng thời dòng nước này cũng làm thức ăn và dinh dưỡng cho vi sinh vật. Bùn sau khi nén được Công ty môi trường hút định kỳ và xử lý.

➤ Khối lượng bùn phát sinh:

+ Quá trình hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung sẽ phát sinh một lượng bùn thải đáng kể. Ước tính lượng bùn thải phát sinh như sau:

$$G_{\text{Bùn thải}} = Q(0,8[\text{SS}] + 0,3 [\text{BOD}_5]), \text{ kg/ngày đêm}$$

$$G_{\text{Bùn thải}} = 400 \times (0,8 \times 420/1000 + 0,3 \times 400/1000) = 182,4 \text{ (kg/ngày đêm)}$$

Khối lượng bùn thải bỏ hàng ngày chiếm 30% khối lượng bùn phát sinh (do lượng bùn còn lại tuần hoàn lại bể xử lý sinh học). Vậy khối lượng bùn phát sinh hàng ngày khoảng 54,72 kg/ngày, tương đương khoảng 19.973 kg/năm.

- Thông số thiết kế các bể xử lý nước thải:

Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải 400 m³/ngày đêm

TT	Tên bể	Kích thước thông thủy	Số lượng	Thiết bị/mô tả
1	Bể gom (tách rác, tách mỡ)	LxWxH = 3,7x1,8x5,2 (m)	01	Bố trí 02 máy bơm nước thải đặt chìm trong bể để bơm nước thải sang bể điều hòa
2a	Bể điều hòa-ngăn tách mỡ, lắng sơ bộ	LxWxH = 5.0x1.2x2.35 (m)	01	-
2b	Bể điều hòa	LxWxH = 8,0x2.375x4.8 (m)	02	+ Hệ thống phân phối khí trong bể điều hòa dạng đĩa disc diffuser (khí thô). + Trong bể bố trí 02 máy bơm nước thải đặt chìm để bơm nước thải vào bể thiếu khí
3	Bể thiếu khí	LxWxH = 4.9x2.0x4.8 (m)	02	+ Trong bể bố trí 02 máy khuấy trộn loại đặt chìm để đảo trộn nước thải
4	Bể hiếu khí	LxWxH = 8,45 x2.025x4.8 (m)	02	+ Hệ thống ống phân phối khí dạng đĩa disc diffuser (khí mịn) được lắp đặt trong bể;
5	Bể lắng	LxWxH = 5,0 x2,55x4,8 (m)	02	+ Ống trung tâm phân phối nước + Trong bể bố trí hệ thống gạt bùn + Nước từ bể lắng được dẫn sang bể khử trùng thông qua hệ thống máng thu răng cưa. + Hỗn hợp nước - bùn thải được dẫn sang bể trung gian.

TT	Tên bể	Kích thước thông thủy	Số lượng	Thiết bị/mô tả
				+ Lắp đặt 02 bơm bùn chìm, bơm bùn tuần hoàn về bể thiếu khí, bùn dư về bể chứa bùn.
6	Ngăn bơm bể lọc, tuần hoàn xử lý	LxWxH = 1,8x1,5x4,8 (m)	01	+ Trong bể bố trí 02 máy bơm nước thải đặt chìm: + Khi TSS chưa đạt quy chuẩn sẽ bơm nước thải qua bồn lọc áp lực trước khi vào bể khử trùng + Khi nước thải chưa đạt quy chuẩn sẽ tuần hoàn lại để xử lý
7	Bể lọc áp lực	DxH = 1,25x2,75m	01	Được vận hành khi nước thải chưa đạt quy chuẩn về TSS
8	Bể khử trùng	LxWxH = 3,0x1,5x4,8 (m)	01	+ Trong bể bố trí ống đục lỗ cấp khí để tăng khả năng tiếp xúc của nước thải với hóa chất khử trùng + Trong bể bố trí 02 máy bơm nước thải đặt chìm để bơm nước thải xả ra môi trường
9	Bể chứa bùn	LxWxH = 4,3x1,5x4,8 (m)	01	+ Nước từ bể bùn chảy tràn sang bể gom
10	Nhà vận hành, điều khiển	Diện tích: 51,07m ²	01	+ Bên trong nhà điều hành bố trí hệ thống tủ điện, máy thổi khí, hệ thống hóa chất, hệ thống xử lý mùi

[Nguồn: Thuyết minh hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt]

- Máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3. 6. Danh mục máy móc thiết bị lắp đặt cho hệ thống XLNT

TT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thông số kỹ thuật	Hãng, xuất xứ	Model
I	BỂ THU GOM					
1	Rọ chắn rác	Bộ	1	Kích thước: Khe chắn 2mm, chế tạo theo bản vẽ Vật liệu: Inox 304	Gia công theo thiết kế	VSUD Việt Nam
2	Bơm chuyển tiếp	Bộ	2	Chủng loại: Bơm nước thải đặt chìm. - Lưu lượng: 25m ³ /hr - Cột áp: 10mH ₂ O - Công suất: 1,5kw - Điện áp: 3ph, 380V - Đường kính ống thoát: DN80	80U21.5	Tsurumi CO: Japan CQ: Việt Nam

TT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thông số kỹ thuật	Hãng, xuất xứ	Model
	Bộ khớp nối nhanh	Bộ	2	- Bộ khớp nối nhanh, bao gồm: Chân đế, ngàm trên, ngàm dưới - Bulong, long den, ma-ni, dây xích (6m), thanh inox dẫn hướng.	TOSH-80Y	Tsurumi Nhật Bản
3	Phao mực nước	Bộ	2	Kiểu: phao dùng trong nước thải Kiểu cáp: H07RN - 3 x 1 Nhiệt độ hoạt động: 0 - 50 độ C	Mac 3	Mac3 Italy
II NGĂN TÁCH MỖ						
4	Song chắn rác tinh	Bộ	1	Vật liệu: Inox 304 Khe lưới: 2mm	Gia công theo thiết kế	VSUD Việt Nam
5	Thùng chứa rác	Bộ	1	Vật liệu: nhựa HDPE Dung tích 120 lít		Việt Nam
III BỂ ĐIỀU HÒA						
6	Bơm chuyên tiếp	Bộ	4	Chủng loại: Bơm nước thải đặt chìm. - Lưu lượng: 6m ³ /hr - Cột áp: 6,0mH ₂ O - Công suất: 0,4Kw - Đường kính ống thoát: DN40	50UT2.4	Tsurumi CO: Đài Loan CQ: Việt Nam
	Bộ khớp nối nhanh	Bộ	4	- Bộ khớp nối nhanh, bao gồm: Chân đế, ngàm trên, ngàm dưới - Bulong, long den, ma-ni, dây xích (6m), thanh inox dẫn hướng.	TOSH-50Y	Tsurumi Nhật Bản
7	Phao mực nước	Bộ	2	Kiểu: phao dùng trong nước thải Kiểu cáp: H07RN - 3 x 1 Nhiệt độ hoạt động: 0 - 50 độ C	Mac 3	Mac3 Italy
8	Đồng hồ đo lưu lượng nước	Bộ	2	Loại cơ Đường kính: DN50	KM50	Komax Hàn Quốc
9	Đĩa phân phối khí	Hệ	1	Đĩa phân phối khí thô Thông số kỹ thuật: - Kiểu: bọt thô - Lưu lượng hoạt động: 2	CBD 150	Jager Đức

TT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thông số kỹ thuật	Hãng, xuất xứ	Model
				– 25 m3/h - Đường kính tổng: 105 mm - Đầu nối: ren 27 mm - Đã bao gồm khâu nối nhanh giảm chấn.		
IV	BỂ THIẾU KHÍ					
10	Máy khuấy chìm	Hệ	4	Kiểu khuấy chìm Công suất : 0,75kW Điện áp: 3ph, 380V, 50Hz Lưu lượng" 3,2m3/phút.	EM-5.10	Evak Taiwan
0	Xích kéo, thanh trượt	HT	4	Vật liệu SUS304 dày 2mm		Việt Nam
11	Thiết bị đo PH online	Bộ	2	Máy đo pH online Tranmitter: HP-480 Cảm biến: 6108-50B (Cáp 5m) Vỏ cảm biến: CH-101-1.0 Dung dịch KCl, LK-500	HP-480	Horiba Nhật Bản
V	BỂ HIẾU KHÍ					
12	Máy thổi khí	Bộ	0			
13	Bơm chuyên tiếp	Bộ	4	Bơm chìm Thông số kỹ thuật - Lưu lượng: 10m3/hr - Cột áp: 5,5m - Công suất: 0,4kw - Đường kính ống thoát: DN50	50UT2.4	Tsurumi CO: Đài Loan CQ: Việt Nam
	Bộ khớp nối nhanh	Bộ	4	- Bộ khớp nối nhanh, bao gồm: Chân đế, ngàm trên, ngàm dưới - Bulong, long den, ma-ni, dây xích (6m), thanh inox dẫn hướng.	TOSH-50Y	Tsurumi Nhật Bản
14	Bộ đo DO	Bộ	2	Máy đo DO online Tranmitter: HD-480 Đầu dò: DP-100 Cảm biến: 5400 Tủ điện Bao gồm: Thiết bị hiển	HD-480	Horiba Nhật Bản

TT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thông số kỹ thuật	Hãng, xuất xứ	Model
				thị (hiển thị DO và nhiệt độ)		
15	Phao mực nước	Bộ	0	Kiểu: phao dùng trong nước thải Kiểu cấp: H07RN - 3 x 1 Nhiệt độ hoạt động: 0 - 50 độ C	Mac 3	Mac3 Italy
16	Hệ thống phân phối khí	Hệ	1	Đĩa phân phối khí mịn - Đường kính đĩa: 268mm - Phạm vi hoạt động: 218mm - Lưu lượng: 2 - 6 m ³ /hr - Lưu lượng max: 10m ³ /hr Vật liệu chế tạo: - Màng: EPDM F053A - Đĩa bộ: Nhựa PP gia cường sợi thủy tinh.	HD270	Jager Đức
17	Giá thể vi sinh	m ³	17,6	Màu sắc: Trắng Kích thước DxH: 25x10mm Trọng lượng riêng: 95kg/m ³ Diện tích tiếp xúc: 500m ² /m ³ Vật liệu chế tạo: HDPE		Việt Nam
VI	BỂ LẮNG					
18	Ống phân phối trung tâm inox SUS304	Bộ	2	Kích thước: DxH = 700x1800 mm, dày 2 mm Vật liệu: Inox 304		Việt Nam
19	Tấm răng chưa, tấm chắn bọt	Hệ	2	Vật liệu: SUS304, dày 2mm Chiều cao tấm chắn 300mm		Việt Nam
20	Bơm Bùn nước thải Model: 50U2.4	Cái	4	Bơm chìm Thông số kỹ thuật: Lưu lượng Q= 6,7 m ³ /h. H= 6m. Công suất P=0,4 Kw	50UT2.4	Tsurumi Nhật Bản Đài Loan
21	Bộ khớp nối nhanh	Cái	4	- Bộ khớp nối nhanh, bao gồm: Chân đế, ngàm trên, ngàm dưới - Bulong, long đen, ma-	TOSH-50Y	Tsurumi Nhật Bản

TT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thông số kỹ thuật	Hãng, xuất xứ	Model
				ni, dây xích (6m), thanh inox dẫn hướng.		
VII HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI						
1	Hệ thống xử lý mùi	Hệ	1	Kích thước: D1500xH3000 (mm) Vật liệu: thép CT3, mặt trong bọc composite, mặt ngoài sơn phủ epoxy. Hệ thống đệm phân phối, Hệ thống ống nước dẫn phun.		VSUD Việt Nam
2	Bơm cấp dung môi hấp thụ	cái	1	Công suất: 0,15 Kw Điện áp: 220 V Lưu lượng max: 70 l/p Cột áp tổng: 8 m Nhiệt độ nước: 60 độ C	PM-150PE	Wilo Hàn Quốc
3	Quạt hút mùi	Bộ	1	Quạt hút ly tâm Công suất:0.37kw, Tốc độ quay: 1450v/p, Điện áp: 380v, Lưu lượng khí: Q=600-800m3/h, Áp suất H=600-400pa. Vật liệu khung:Thép Ct3		Việt Nam
4	Bồn chứa dung dịch hấp thụ tuần hoàn	Cái	1	Kích thước: DxRxC: 1200x500x600 (mm)Vật liệu thép CT3, mặt trong bọc composite, mặt ngoài sơn phủ epoxy		
VIII BỒN LỌC ÁP LỰC XẢ THẢI						
1	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải	Cái	1	Đồng hồ đo lưu lượng loại cơ, Vật liệu: Thân gang nối bích Đường kính: DN80	KM80	Komax Hàn Quốc
2	Bơm chìm nước thải (phục vụ cột lọc áp lực)	Bộ	2	Bơm chìm Thông số kỹ thuật - Lưu lượng: 20m3/hr - H = 25m - Công suất: 7,5kw - Đường kính ống thoát: DN100	100B47.5	Tsurumi Nhật Bản
3	Bộ Auto coupling bơm chìm	Bộ	2	-Bộ khớp nối nhanh: Bao gồm: Chân đế, ngàm trên, ngàm dưới,	TOS3-100-100 YSD	Tsurumi Trung Quốc

TT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thông số kỹ thuật	Hãng, xuất xứ	Model
				- Bulong - lông đên, ma-ní, dây xích (6m). Thanh Inox dẫn hướng		
4	Bồn lọc áp lực	Bộ	1	- Vật liệu Inox 304 dày 3mm - Kích thước DxH = 1,25x2,1m - Vật liệu lọc, van khóa điều khiển đồng bộ		Việt Nam
IX NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ						
1	Máy thổi khí bể điều hòa	Bộ	2	Lưu lượng = 1.47 m ³ /phút Cột áp: 4mH ₂ O Động cơ: 4 kW Teco Tốc độ đầu máy: 1200 vòng/phút Điện áp: 380V/3 pha/50Hz Cấp bảo vệ động cơ IP 55 Phụ kiện bao gồm: + Ống giảm thanh đầu đẩy, hút + Khớp nối mềm, puli C-King, dây curoa, bulong + Van một chiều, van an toàn + Đồng hồ đo áp, bệ máy	TSR3-50	Tsurumi CO Đài Loan CQ Nhật Bản
2	Máy thổi khí bể hiếu khí	Bộ	2	Lưu lượng = 5.83 m ³ /phút Cột áp: 4mH ₂ O Động cơ: 7.5 kW Teco Tốc độ đầu máy: 1200 vòng/phút Điện áp: 380V/3 pha/50Hz Cấp bảo vệ động cơ IP 55 Phụ kiện bao gồm: + Ống giảm thanh đầu đẩy, hút + Khớp nối mềm, puli C-King, dây curoa, bulong + Van một chiều, van an toàn + Đồng hồ đo áp, bệ máy	TSR3-80	Tsurumi CO Đài Loan CQ Nhật Bản

TT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thông số kỹ thuật	Hãng, xuất xứ	Model
3	Bơm định lượng hóa chất NaOH	cái	2	Thông số làm việc: - Lưu lượng: Qmax =155 lít/h. - Áp suất: Hmax = 10 bar. - Công suất: 0.25 Kw - Đầu bơm: PP - Màng bơm: TEFLON - Điện áp: 3 pha/380V/50Hz - Cấp bảo vệ động cơ: IP55 - Cấp cách điện: Class F Loại bơm màng.	M155 PP	OBL Italia
4	Bơm định lượng hóa chất Dinh dưỡng	cái	1	Thông số làm việc:- Lưu lượng: Qmax =155 lít/h.- Áp suất: Hmax = 10 bar.- Công suất: 0.25 Kw- Đầu bơm: PP- Màng bơm: TEFLON- Điện áp: 3 pha/380V/50Hz- Cấp bảo vệ động cơ: IP55- Cấp cách điện: Class FLoại bơm màng.	M155 PP	OBLItalia
5	Bơm định lượng hóa chất Javen	cái	1	Thông số làm việc: - Lưu lượng: Qmax =155 lít/h. - Áp suất: Hmax = 10 bar. - Công suất: 0.25 Kw - Đầu bơm: PP - Màng bơm: TEFLON - Điện áp: 3 pha/380V/50Hz - Cấp bảo vệ động cơ: IP55 - Cấp cách điện: Class F Loại bơm màng.	M155 PP	OBL Italia
6	Bồn pha chế hóa chất NaOH	Bộ	2	Bồn loại đứng Thể tích: V = 500l Vật liệu: LDPE		Sơn Hà Tân Á Đại Thành
7	Bồn pha chế hóa chất Dinh dưỡng	Bộ	1	Bồn loại đứng Thể tích: V = 500l Vật liệu: LDPE		Sơn Hà Tân Á Đại Thành

TT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thông số kỹ thuật	Hãng, xuất xứ	Model
8	Bồn pha chế hóa chất Javen	Bộ	1	Bồn loại đứng Thể tích: V = 500l Vật liệu: LDPE		Son Hà Tân Á Đại Thành
9	Động cơ khuấy bồn hóa chất NaOH	Bộ	2	Thông số kỹ thuật: Công suất 0.4kw/3pha/380V/50Hz Tốc độ: 70-80 v/p	CNVM	Sumitomo Singapore
10	Động cơ khuấy bồn hóa chất dinh dưỡng	Bộ	1	Thông số kỹ thuật: Công suất 0.4kw/3pha/380V/50Hz Tốc độ: 70-80 v/p	CNVM	Sumitomo Singapore
11	Động cơ khuấy bồn hóa chất Javen	Bộ	1	Thông số kỹ thuật: Công suất 0.4kw/3pha/380V/50Hz Tốc độ: 70-80 v/p	CNVM	Sumitomo Singapore
12	Hệ thống giá đỡ bơm định lượng, máy khuấy	Hệ	1	Vật liệu Inox 304 Chế tạo theo bản vẽ thiết kế		Việt Nam
X	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN					
1	Tủ điện động lực, bao gồm tủ hóa chất	Bộ	1	Vỏ tủ bằng thép dày 2mm, sơn tĩnh điện; tủ điều khiển PLC công suất 3 pha 380V AC, điện áp điều khiển 24V DC; Biến tần máy thổi khí 7,5kW Chức năng: Chứa toàn bộ hệ thống điều khiển cho hệ thống Nguyên lý hoạt động: tự động - bằng tay		Việt Nam/liên doanh

[Nguồn: Thuyết minh thiết kế hệ thống xử lý nước thải của dự án]

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải:

Các loại hóa chất và khối lượng sử dụng cho hoạt động của hệ thống xử lý nước thải được thể hiện cụ thể tại bảng sau:

Bảng 3. 7. Hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định lượng (lít-kg/m ³)	Khối lượng (lít-kg/ngày)
1	NaOH	Lít	0,03	12
2	Dưỡng chất	Lít	0,03	12
3	Phèn	Kg	0,015	6
4	Hóa chất khử trùng: Javen 10%	Kg	0,0625	25

[Nguồn: Thuyết minh thiết kế hệ thống xử lý nước thải của dự án]

❖ Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải của dự án:



Tủ điều khiển



Tủ điều khiển



Máy bơm, máy thổi khí



Bồn chứa hóa chất



Hệ thống cấp khí



Bể lắng



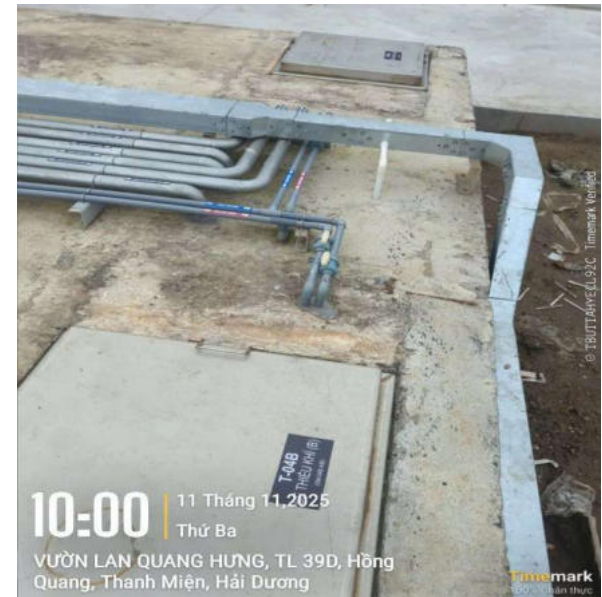
Bể bơm lọc



Hố bơm



Bể thiếu khí



Bể hiếu khí

Hình 3. 9. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải của dự án

c/ Quy trình, hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải

1- TÍNH TOÁN TỶ LỆ LẤP ĐẦY KHU DÂN CƯ

Tổng lưu lượng nước thải tính toán theo tỷ lệ lấp đầy diện tích đất dân cư và hoạt động theo quy hoạch là 400 m³/ngày.

Căn cứ vào khảo sát thực tế, nhu cầu dân cư và lợi ích thực tế từ dự án Khu dân cư mới xã Hồng Quang, đồng thời căn cứ vào nội dung của nghiên cứu tiền khả thi.

Đơn vị tư vấn đưa ra lưu lượng nước thải cho khoảng thời gian lấp đầy như sau:

+ Tỷ lệ lấp đầy 2025 - 2026: 60% diện tích dân cư quy hoạch. Từ đó → lưu lượng nước thải tính toán là: $400 * 60\% = 240 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$

+ Tỷ lệ lấp đầy 2025 - 2027: 80% diện tích dân cư quy hoạch. Từ đó → lưu lượng nước thải tính toán là: $400 * 80\% = 320 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$

+ Tỷ lệ lấp đầy 2025 - 2028: 100% diện tích dân cư quy hoạch. Từ đó $\rightarrow$ lưu lượng nước thải tính toán là: $400 * 100\% = 400 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$

Kết luận: Qua tỷ lệ lấp đầy dự án có thể đánh giá được khả năng nước thải phát sinh với khối lượng lớn, đạt mức độ cần thiết phải xử lý khi dự án được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng. Qua đó xây dựng trạm xử lý nước thải với công suất $400 \text{ m}^3/\text{ngày}$ là phù hợp, đảm bảo an toàn môi trường. Ngoài ra trạm xử lý nước thải là một trong những Chủ trương phát triển đô thị mới, nông thôn mới mà Chính phủ và tỉnh đang rất chú trọng phát triển.

2- PHƯƠNG ÁN VẬN HÀNH HỆ THỐNG

- Giai đoạn dự án mới bàn giao đưa vào khai thác và sử dụng, tỷ lệ dân cư trong Khu dân cư mới đạt 25%, 50% với lượng nước thải phát sinh khoảng $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và $200 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nhằm đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt chất lượng, và không để hao phí trong quá trình vận hành ở mức công suất thấp, đơn vị tư vấn đề xuất phương án vận hành tương ứng với các giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn đầu khi lưu lượng nước thải chưa đạt 100% công suất thiết kế của trạm xử lý nước thải. Vận hành bơm và các van khóa cấp khí, cấp hóa chất phù hợp với công suất nước thải đầu vào để đạt hiệu quả xử lý nước thải là tốt nhất.

+ Giai đoạn vận hành khi lưu lượng nước thải về trạm xử lý đạt 100% công suất thiết kế. Vận hành ổn định theo đúng quy trình thiết kế của hệ thống.

+ Giai đoạn khi lưu lượng về trạm xử lý lớn hơn lưu lượng thiết kế. Đánh giá và kiểm tra hệ thống, có thể chạy 2 máy thổi khí đồng thời để cung cấp đủ lượng oxi cần thiết cho quá trình xử lý, điều chỉnh tăng lượng hóa chất bổ sung vào hệ thống.

- Bên cạnh đó Tư vấn thiết kế hệ thống điều khiển tự động theo thiết bị và phao báo mực nước như sau:

* Lắp đặt phao báo mực nước tại bể gom theo 03 mức phao:

+ Mức báo phao cạn: Mức phao này báo tín hiệu ngắt máy bơm, tránh tình trạng bơm hoạt động khi mực nước không đủ chiều cao tối thiểu như trong khuyến cáo, catalog thiết bị bơm.

+ Mức báo phao bơm: Mức báo phao này hoạt động truyền tín hiệu cho máy bơm, bơm nước từ bể gom lên điều hòa.

+ Mức báo phao tràn: Để đảm bảo nước thải từ bể gom không bị ức chế ngược lại lòng ống, đảm bảo không bị tràn ngấm ra đất. Khi mực nước trong bể đạt đến ngưỡng có khả năng tràn, phao báo định mức sẽ truyền tín hiệu để kích hoạt 02 bơm nước bể gom cùng chạy.

* Lắp đặt phao báo mực nước tại bể điều hòa theo 03 mức phao:

+ Mức báo phao cạn: Mức phao này báo tín hiệu ngắt máy bơm, tránh tình trạng bơm hoạt động khi mực nước không đủ chiều cao tối thiểu như trong khuyến cáo, catalog thiết bị bơm.

+ Mức báo phao bơm: Mức báo phao này hoạt động truyền tín hiệu cho máy bơm, bơm nước từ bể gom lên điều hòa.

+ Mức báo phao tràn: Để đảm bảo nước thải từ bể gom không bị ức chế chảy ngược lại lòng ống, đảm bảo không bị tràn ngấm ra đất. Khi mực nước trong bể đạt đến ngưỡng

có khả năng tràn, phao báo định mức sẽ truyền tín hiệu để kích hoạt 02 bơm nước bể điều hòa cùng chạy.

Đối với các thiết bị tại các công trình xử lý phía sau sẽ được kéo dây tín hiệu theo máy bơm bể điều hòa và chạy tự động theo sơ đồ động lực và sơ đồ tín hiệu do đơn vị tư vấn đưa ra. Nhằm đảm bảo an toàn thiết bị và đặc biệt thiết bị sẽ hoạt động đúng với công suất cũng như lưu lượng nước thải phát sinh. Trong trường hợp lượng nước thải phát sinh quá ít, Bể điều hòa sẽ là nơi tích hợp khối lượng nước, khi đủ mực nước bơm tự động hoạt động và dẫn tín hiệu đến các thiết bị phía sau.

Bảng 3. 8. Thông số vận hành trong các điều kiện khác nhau

	Vận hành non tải (50%)	Đủ tải (100%)	Vượt tải (120%)
Lưu lượng đầu vào (m ³ /ngđ)	200	400	480
Lưu lượng cấp khí bể hiếu khí (m ³ /phút)	1,5	3	3,6
DO bể hiếu khí (mg/l)	1-3	1-3	1-3
DO bể thiếu khí	0.5-1	0.5-1	0.5-1
Thời gian lưu nước thải bể thiếu khí (giờ)	2,5	5	4,2
Thời gian lưu nước thải bể hiếu khí (giờ)	4,25	8,5	7,1
MLSS bể thiếu khí (mg/l)	2500-3500	2500-3500	2500-3500
Thời gian lưu bùn bể hiếu khí (ngày)	15-30	15-30	15-30
Tỷ lệ F/M	0,23	0,23	0,28
Lưu lượng bùn thải hàng ngày (m ³ /ngđ)	7,5	15,15	18,18
Lượng hóa chất cho kết tủa p (Kg phèn)	3	6	7,2

3- QUI TRÌNH VẬN HÀNH THEO TỪNG HẠNG MỤC

a/ Quy trình pha hóa chất phèn, Javen (NaOCL), NaOH, dưỡng chất

- Chuẩn bị:

- + Mang đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động: Quần áo, găng tay, kính, khẩu trang...
- + Dụng cụ pha: ống đồng, dụng cụ chuyển hóa chất.
- + Kiểm tra máy khuấy, bơm định lượng, các van đường vào, đường ra, van xả đáy.

- Trình tự pha:

- + Đóng van xả đáy, van đường vào của bơm định lượng.
- + Mở van cấp nước sạch vào khoảng 1/2 bồn chứa.
- + Bật máy khuấy, chuyển từ từ hóa chất tương ứng vào bồn chứa bằng dụng cụ chuyển hóa chất.
- + Sau khi chuyển hết lượng hóa chất cần pha vào bồn chứa, bổ sung nước sạch cho đầy bồn.

+ Chạy cánh khuấy thêm khoảng 5 phút cho dung dịch được trộn đều sau đó mở van đường vào và ra của bơm định lượng, dung dịch pha đã sẵn sàng để sử dụng.

b/ Quy trình vận hành máy thổi khí

- Chuẩn bị, kiểm tra trước khi vận hành:

- + Kiểm tra puli, độ căng của dây đai, cánh quạt động cơ, van an toàn xem có bị

vướng mắc, đảm bảo an toàn cho quá trình vận hành không?

+ Dùng tay quay thử puli xem có vướng mắc gì không?

+ Mở van tay trên đường ống ra, bao gồm: Van ở đầu ra sát máy thổi khí mở hết cỡ, van tay trên đường ống các bể còn lại ban đầu mở nhỏ khoảng 3 đến 4 khác để điều chỉnh sau không mở quá lớn khi áp suất tăng đột ngột để làm rách đĩa (ống) phân phối khí.

- Vận hành:

+ Chuyển chế độ trên tmặt tử điện về chế độ điều khiển bằng tay.

+ Khởi động dần từng máy thổi khí và theo dõi áp suất (không nên vượt quá áp suất định mức là 0.7-0.8 bar), trạng thái hoạt động của thiết bị trong khoảng 5 phút. Nếu có gì bất thường dừng động cơ và tiến hành kiểm tra và khắc phục.

+ Nếu thiết bị hoạt động bình thường chuyển sang chế độ tự động. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của thiết bị: áp suất, tiếng ồn, nhiệt độ động cơ...

- Dừng máy:

+ Dừng máy khẩn cấp:

Trong trường hợp gặp sự cố nhấn nút dừng khẩn cấp trên bảng điều khiển.

Đóng van tay đường ống đầu ra.

Tiến hành kiểm tra khắc phục sự cố trước khi vận hành trở lại.

+ Dừng máy bình thường:

Chuyển chế độ trên màn hình về chế độ điều khiển bằng tay, ta lần lượt tắt từng máy một

Tiến hành vệ sinh thiết bị và các khu vực xung quanh.

- Chế độ hoạt động luân phiên máy:

+ Nếu chạy ở chế độ tự động thì theo chế cài đặt sẵn các máy sẽ được mở ngẫu nhiên sau mỗi lần khởi động và tự động luân phiên thay đổi trong quá trình chạy

+ Nếu chạy ở chế độ tay thì sau 3-4 giờ phải chuyển đổi bằng tay cho máy khác chạy

- Bảo dưỡng:

+ Thường xuyên lau chùi máy móc sạch sẽ.

+ Định kỳ (khoảng 2 tuần) bơm mỡ vào các vú mỡ trên máy một lần, kiểm tra độ căng của dây đai nếu trùng thì phải căng thêm.

+ Định kỳ 3 tháng thay dầu nhớt cho máy một lần

+ Định kỳ 6 tháng bảo dưỡng toàn bộ máy một lần.

c/ Qui trình vận hành máy bơm nước thải

- Kiểm tra trước khi vận hành: Kiểm tra mực nước trong các bể gom, bể điều hoà, bể lắng, bể khử trùng.

- Vận hành:

Mở van trên đường ống đầu ra.

Bơm nước thải hoạt động theo báo mức nước..

Chuyển chế độ điều khiển trên mặt tủ điện về chế độ điều khiển bằng “tay”.

Nhấn nút khởi động trên mặt tủ điện, kiểm tra xem có vấn đề gì bất thường không.

Chuyển chế độ “tay” về chế độ “tự động”.

Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi sự hoạt động của thiết bị, mức nước trong bể điều hoà và bể gom để kịp thời xử lý.

- Dừng máy:

+ Chuyển chế độ “tự động” về chế độ “tay” máy tự dừng. Nhấn nút dừng động cơ trên màn hình điều khiển nếu chạy ở chế độ “tay”.

+ Trong trường hợp khẩn cấp xảy ra sự cố (Báo mức không hoạt động khi hết nước trong bể...) nhấn nút dừng khẩn cấp trên bảng điều khiển

- Chế độ hoạt động luân phiên máy: Nếu đang ở chế độ “tự động”, chuyển sang chế độ “tay”, nhấn nút “đảo” hoặc “không đảo”

4- QUI TRÌNH VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Quy trình này áp dụng để vận hành hệ thống sau khi đã vận hành hệ thống đi vào hoạt động trơn tru và ổn định.

- Chuẩn bị, kiểm tra trước khi vận hành:

Để có một ca vận hành hệ thống được trơn tru và ổn định, người vận hành phải thực hiện tốt khâu kiểm tra, chuẩn bị. Nếu làm tốt những việc cần kiểm tra, chuẩn bị sau đây sẽ giúp người vận hành hoàn thành tốt công việc của mình:

+ Kiểm tra mực nước tại bể gom, bể điều hoà.

+ Chuẩn bị lượng hoá chất đầy đủ cho ca trực. Kiểm tra lượng nước trong bồn pha hóa chất.

+ Kiểm tra toàn bộ hệ thống van và để chúng ở trạng thái phù hợp khi hoạt động máy móc thiết bị.

+ Kiểm tra tình trạng của các máy móc, thiết bị trong hệ thống bao gồm: dầu máy, độ căng dây đai, quay thử bằng tay(nếu có thể), chạy thử ở chế độ bằng tay...

- Vận hành hệ thống:

+ Chạy máy bơm nước thải bể gom, bể điều hoà ở chế độ tự động.

+ Khởi động các máy thổi khí theo quy trình vận hành máy thổi khí.

+ Điều chỉnh các van tay cấp khí vào các ngăn bể cho phù hợp.

+ Điều chỉnh các van tay để điều chỉnh lưu lượng nước cấp vào các ngăn bể cho phù hợp.

+ Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi sự hoạt động của toàn bộ hệ thống để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Dừng hệ thống:

+ Dừng khẩn cấp: Chỉ nên dừng khẩn cấp trong trường hợp xảy ra sự cố. Nhấn nút dừng khẩn cấp trên mặt tủ điện.

+ Dừng bình thường: Dừng lần lượt các máy móc thiết bị cho đến hết. Nếu đang chạy ở chế độ “tự động” thì chuyển sang chế độ “tay” máy tự tắt. Nếu đang chạy ở chế độ “tay” thì nhấn nút màu xanh tên các máy để tắt

- Tiến hành vệ sinh toàn bộ hệ thống thiết bị và các khu vực xung quanh.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý mùi, khí thải

- Hoạt động xử lý nước thải nói chung cũng như xử lý nước thải áp dụng phương pháp sinh học đều có nguy cơ phát sinh mùi hôi khó chịu không mong muốn. Thực tế cho thấy, các điểm phát sinh mùi trong hệ thống xử lý nước thải là: Bể gom nước thải, bể điều hòa nước thải, bể xử lý sinh học. Thành phần khí ô nhiễm chủ yếu gồm: Sunfua (H_2S), Amoniac (NH_3),

- Để giảm thiểu mùi (khí thải) từ các bể xử lý nước thải, Chủ dự án đã hoàn thiện việc xây dựng lắp đặt xong 01 hệ thống xử lý mùi (khí thải) tại Trạm xử lý nước thải.

* Thông tin đơn vị thi công lắp đặt công trình xử lý khí thải

- Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần tư vấn phát triển hạ tầng Việt Nam IDC

+ Địa chỉ: Số 2, ngách 10/7, ngõ 10 phố Pháo Đài Láng, Phường Láng, TP Hà Nội

+ Người đại diện: Nguyễn Văn Catô Đình Phú

- Đơn vị giám sát: Công ty

* Công trình xử lý mùi, khí thải

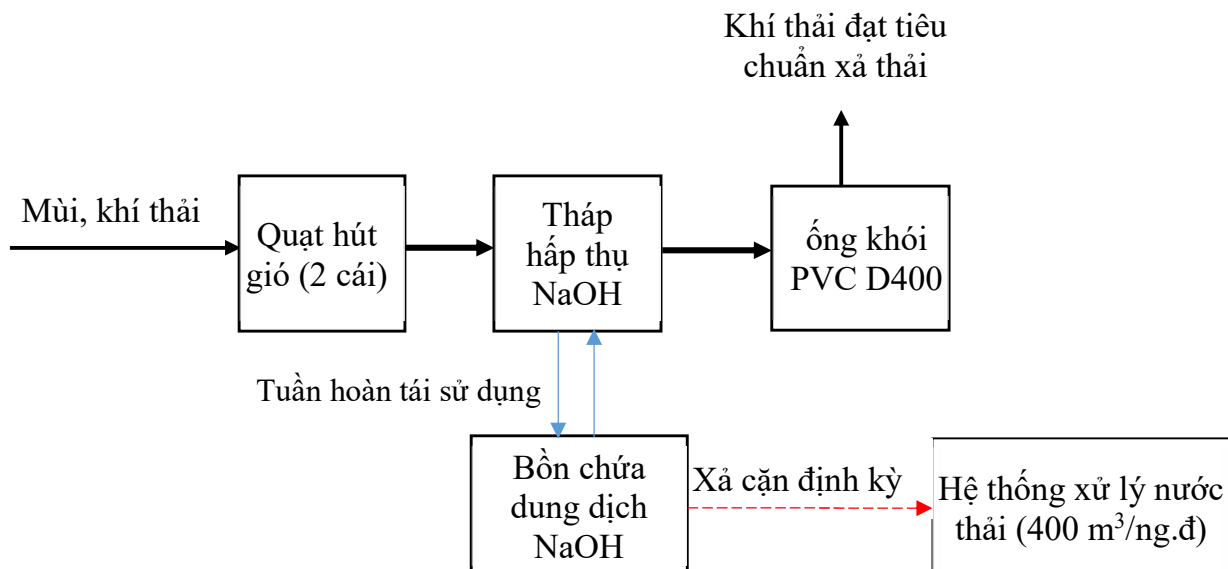
- Trạm xử lý nước thải đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý mùi, khí thải công suất 800 m³/giờ bằng dung dịch NaOH.

- Vị trí lắp đặt: Cạnh nhà điều hành trạm xử lý nước thải tại lô đất HTKT.

- Phương án thu gom mùi, khí thải:

Mùi, khí thải từ các bể (gồm: Bể thu gom, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng, bể chứa bùn thải) được thu gom thông qua các ống thu mùi, khí lắp đặt tại các bể phát sinh mùi với kích thước D110 → Quạt hút → Tháp xử lý mùi, khí thải (bằng dung dịch NaOH) → Ống thoát khí.

- Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý mùi, khí thải như sau :



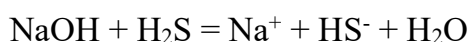
Hình 3. 10. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý khí thải của hệ thống XLKT

- Thuyết minh quy trình:

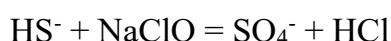
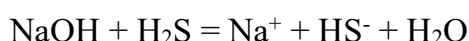
Nguyên tắc hoạt động của hệ thống xử lý mùi (khí thải) là tháp hấp thụ bằng hóa chất. Sau khi đi qua hệ thống tháp xử lý mùi (khí thải) này được làm sạch và được phóng không ra ngoài không khí.

Quá trình hấp thụ bằng hóa chất là tạo ra các phản ứng hóa học, làm chuyển hóa các khí ô nhiễm thành, khí ô nhiễm được thổi từ dưới lên, dung dịch hỗn hợp hoá chất NaOCl, NaOH được phun dưới dạng sương từ trên xuống. Ở giữa có các lớp vật liệu tiếp xúc tạo điều kiện cho khí tiếp xúc với dung dịch hoá chất tạo ra các phản ứng hoá học làm sạch khí. Các phương trình sau đây minh họa các kết hợp hóa học để loại bỏ H₂S và NH₃ trong hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

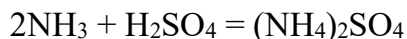
Quá trình hấp thụ (chỉ NaOH):



Hấp phụ với oxy hóa (NaOH và NaClO):



Hấp thụ NH₃ với axit:



Sau khi đi qua tháp hấp thụ bằng hóa chất, dòng khí thải được tách ẩm, khí thải sẽ được làm sạch đạt tiêu chuẩn về chất lượng QCVN 19:2009/BTNMT sau đó thải ra môi trường.

➤ *Dung dịch hấp thụ và bơm tuần hoàn, bổ sung hóa chất*

+ Chất hóa học sử dụng: NaOH ≥ 98%

+ Khối lượng NaOH sử dụng: 2,5 kg (khối lượng dung dịch bổ sung sẽ theo nồng độ khí thải phát sinh thực tế)

+ Thiết bị thêm hóa chất tự động:

Nhằm đảm bảo vận hành tự động của hệ thống tháp xử lý mùi (khí thải) này lắp đặt hệ thống châm hóa chất tự động. Chất lỏng kiềm của dự án do CĐT cung cấp, CĐT sẽ đưa chất lỏng vào trong thiết bị và sẽ phối trộn với nước tuần hoàn trong bể.

Khi chất lỏng tuần hoàn có giá trị pH thấp hơn giá trị quy định, bơm định lượng sẽ khởi động điều hòa bổ sung kiềm, đảm bảo chất lỏng tuần hoàn có hiệu quả tốt trong việc rửa phun.

- Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý mùi, khí thải:

Bảng 3. 9. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý mùi, khí thải

TT	Tên thiết bị	Quy cách sản phẩm	Đơn vị	Số lượng
1	Hệ thống ống thu gom khí	Tại mỗi bể phát sinh mùi (khí thải) bố trí 01 ống PVC D110 thu khí, mùi	HT	01

TT	Tên thiết bị	Quy cách sản phẩm	Đơn vị	Số lượng
		dẫn vào đường ống chung dẫn về hệ thống xử lý mùi. Tổng chiều dài ống khoảng 120m		
2	Vị trí lắp đặt	Trong nhà điều hành Trạm XLNT (ký hiệu HTKT)	-	-
3	Hệ thống xử lý mùi	Kích thước: D1500xH3000 (mm) Vật liệu: thép CT3, mặt trong bọc composite, mặt ngoài sơn phủ epoxy Hệ thống đệm phân phối, Hệ thống ống nước dẫn phun.	Hệ	1
3	Bơm cấp dung môi hấp thụ (bơm hóa chất)	Công suất: 0,1 Kw Điện áp: 220 V Lưu lượng max: 50 l/p Cột áp tổng: 4,5 m Nhiệt độ nước: 60 độ C	cái	1
4	Quạt hút mùi	Quạt hút ly tâm Công suất: 0,37kw, Tốc độ quay: 1450v/p, Điện áp: 380v Lưu lượng khí: Q = 600-800 m ³ /h, Áp suất: 600-400pa. Vật liệu khung: Thép Ct3	Bộ	1
5	Bồn chứa dung dịch hấp thụ tuần hoàn	Kích thước: DxRxH: 1200x500x600 (mm) Vật liệu thép CT3, mặt trong bọc composite, mặt ngoài sơn phủ epoxy	Cái	1
6	Ống phóng không	Ống thoát khí: Kích thước D200, Vật liệu: PVC Chiều cao H = 1,5m	Bộ	1

[Nguồn: Thuyết minh thiết kế hệ thống xử lý nước thải]

- Hình ảnh hệ thống xử lý mùi, khí thải.



Hình 3. 11. Hệ thống xử lý mùi (khí thải) đã lắp đặt

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Trong quá trình hoạt động vận hành khu dân cư phát chất thải sinh hoạt từ khu đất ở, đất dịch vụ; hoạt động dọn dẹp cây xanh; hoạt động nạo vét bùn thải của hệ thống cống thoát nước mưa và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

a/ Thành phần và khối lượng phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư có thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ bao nylon, giấy vụn, thủy tinh, vỏ lon, chất hữu cơ... Theo “Bảng 4.3 văn bản số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ TNMT” tỷ lệ phát sinh chất thải rắn trên đầu người tại khu vực đô thị khoảng 1,3 kg/người/ngày”. Số dân cư của dự án khoảng 1.168 người. Vậy khối lượng rác thải phát sinh là:

Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh: $1.168 \times 1,3 = 1.560$ kg/ngày.

- Đối với khu cây xanh và các trục đường nội bộ 20% chất thải sinh hoạt. Rác thải phát sinh từ hoạt động cắt tỉa cây xanh, dọn dẹp đường giao thông.

Tổng khối lượng ước tính khoảng 312 kg/ngày.

- Với hoạt động nạo vét bùn thải tại hệ thống cống thoát nước mưa: Tần suất khoảng 03 đến 06 tháng/lần đối với mùa khô.

Khối lượng bùn ước tính khoảng 5-10 kg/lần.

b/ Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý

- Dự án thực hiện thu gom và phân loại rác theo khu dân cư thông thường tại địa phương. Rác thải tại các hộ gia đình được phân loại tại nguồn theo đúng quy định tại Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ và Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy. Việc bố trí các thùng chứa rác tại các hộ gia đình sẽ do chủ hộ tự bố trí và lưu giữ trong phạm vi sử dụng đất nhà ở của mình.

- Khu vực công cộng khác (đường giao thông, cây xanh, ...): Bố trí các thùng loại 240 lít có nắp đậy tại các vị trí thích hợp như khu đất dịch vụ, đất hạ tầng để thu gom rác công cộng.

+ Khoảng cách khoảng 50 m/thùng.

+ Dự án có 06 điểm tập kết rác công cộng.

- Hàng ngày nhân viên vệ sinh môi trường của địa phương đến từng hẻm nhà và phát lệnh thu gom rác thải. Hộ gia đình sẽ chuyển rác ra khu vực thu gom của nhân viên vệ sinh để thu gom rác theo quy định. Rác thải sau khi thu gom được vận chuyển về nơi đổ thải của khu vực theo quy định của thành phố Hải Phòng.

➤ Biện pháp lưu giữ:

+ Khu dân cư không bố trí khu vực thu gom rác thải tập trung. Rác thải sẽ được các hộ dân tự quản lý, lưu giữ trong lô đất ở. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh môi trường của địa phương sẽ thu gom theo giờ quy định và vận chuyển đến điểm tập kết chất thải sinh hoạt của khu vực theo quy định.

+ Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.

+ Chi phí thu gom rác thải sẽ do địa phương quy định và thông báo đến các hộ dân theo quý.

- Hình ảnh thùng chứa rác thải:



Hình 3. 12. Thùng chứa rác thải sinh hoạt

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a/ Thành phần, khối lượng phát sinh

- Chất thải nguy hại chỉ phát sinh từ quá trình vận hành khu dân cư rất ít, chủ yếu từ hoạt động của nhà dân và bảo dưỡng, vận hành hệ thống XLNT: giẻ lau dính dầu, hộp đựng dầu mỡ thải, ...

+ Với các loại CTNH phát sinh từ các hộ dân sẽ do các hộ dân tự thu gom, bảo quản và chuyển đến điểm thu gom CTNH của khu vực.

+ Với các loại CTNH phát sinh từ bảo dưỡng, vận hành trạm là rất ít do đó đơn vị quản lý vận hành trạm xử lý nước thải sẽ yêu cầu đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa thu hồi, chuyển rác thải đi ngay sau khi bảo dưỡng. Không phát sinh rác thải cần lưu giữ tại trạm xử lý nước thải.

*** Bùn thải từ hệ thống XLNT**

- Quá trình hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung của dự án sẽ phát sinh một lượng bùn thải đáng kể. Ước tính lượng bùn thải phát sinh theo tính toán ở trên (mức công nghệ xử lý nước thải) khoảng 19.973 kg/năm.

- Khối lượng bùn được lưu chứa tại bể chứa bùn: Dung tích 30,96 m³.

- Định kỳ Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút bùn và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

b/ Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý

- Chủ dự án thực hiện tốt công tác quản lý rác thải và phối hợp với các đơn vị có liên quan theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số: 03092025/HĐKT/AS-ALP ngày 03/09/2025 với Công ty Cổ phần công nghệ môi

trường An Sinh về việc thu gom chất thải của dự án (*Hợp đồng được đính kèm phụ lục báo cáo*).

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Bùn sẽ được lưu chứa tại bể chứa bùn. Định kỳ khoảng 6 tháng - 01 năm/lần Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a/ Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông:

- Hoạt động giao thông của khu dân cư chủ yếu là xe của các hộ dân ra vào khu dự án. Theo số liệu đánh giá của báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tiếng ồn từ các phương tiện giao thông chỉ diễn ra trong thời gian ngắn và không tập trung, thông thường chênh lệch mức ồn của các phương tiện giao thông từ 5-10 dBA.

- Biện pháp giảm thiểu:

+ Tuyên truyền ý thức tham gia giao thông cho các hộ dân, không được bấm còi xe vào giờ nghỉ; các phương tiện lưu thông cần đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

+ Duy trì trồng cây xanh sân vườn và hè phố, kết nối hệ thống cây xanh giữa các công trình xây dựng, cây xanh vành đai theo đúng thiết kế, nhằm tạo môi trường cảnh quan, đồng thời làm giảm tiếng ồn và khói bụi từ các phương tiện giao thông gây ra.

+ Bố trí cây xanh hợp lý nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí, tăng cường quét dọn vệ sinh, tưới nước, rửa đường làm giảm bụi và khí thải.

b/ Tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải:

- Hoạt động của máy thổi khí, máy bơm gây mức ồn khá cao, trung bình từ 80 dBA - 85 dBA.

- Biện pháp để hạn chế giảm thiểu:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì đảm bảo thiết bị vận hành tốt.

+ Bố trí phòng đặt vị trí máy thổi khí khu vực riêng cách âm và vị trí xa dân cư đảm bảo độ khuếch tán ra môi trường cao.

c/ Tiếng ồn, độ rung từ tháp xử lý mùi, khí thải:

- Hệ thống xử lý mùi, khí thải, bao gồm quạt hút có thể gây ra tiếng ồn và độ rung do các yếu tố khí động học, cơ khí và cộng hưởng. Mức ồn không cao.

- Biện pháp để hạn chế giảm thiểu:

+ Quạt hút được lắp đặt có công nghệ hiện đại, các máy này thường là máy hoàn chỉnh, đồng bộ đã được hiệu chuẩn và cấp phép lưu hành với các thông số phát sinh tiếng ồn, độ rung được kiểm soát theo quy chuẩn.

+ Vị trí lắp đặt máy lựa chọn phù hợp với khu vực thu gom mùi, khí thải và cách xa khu nhà văn phòng, khu sản xuất để không ảnh hưởng đến công nhân và khu dân cư lân cận.

+ Chân quạt hay động cơ, thiết bị có đặt lót đệm chống rung khi máy hoạt động.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì đảm bảo thiết bị vận hành tốt nhằm hạn chế sự cố và phát sinh tiếng ồn, độ rung.

d/ Biện pháp giảm thiểu các tác động đến kinh tế xã hội

- Chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương, UBNDTTQ, Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên với mục đích tuyên truyền cho người dân tới sinh sống tại dự án hiểu biết về các tệ nạn xã hội, mại dâm, bệnh dịch, HIV trong khu vực...

- Chủ dự án phối hợp và hợp tác chặt chẽ với địa phương làm tốt công tác vệ sinh cộng đồng khi có triệu chứng bệnh dịch xuất hiện trong khu vực.

- Chủ dự án phối hợp và hợp tác với chính quyền địa phương trong ngăn ngừa và đấu tranh chống các tệ nạn xã hội.

e/ Biện pháp giảm thiểu đến công trình nguồn tiếp nhận nước thải

Dự án có hoạt động xả nước thải và nước mưa vào công trình thủy lợi (mương hiện trạng phía Bắc dự án thuộc hệ thống sông Bắc Hưng Hải do Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương quản lý). Theo văn bản số 462/SNN-TL ngày 06/4/2021 với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (cũ) và Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương (đơn vị quản lý mương thoát nước khu vực) trong đó: nước mưa được thu gom, lắng đọng và thiêu thoát nước mương hiện trạng phía Đông và Tây dự án; nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả vào nguồn tiếp nhận tại vị trí K5+950.

➤ Biện pháp giảm thiểu tác động đến công trình thủy lợi gồm:

- Biện pháp bảo vệ nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cảnh quan môi trường khu vực: Chủ Dự án đầu tư xây dựng 01 trạm xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh, đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMTM (cột A, K=1,0) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Biện pháp đảm bảo chất lượng nước nguồn tiếp nhận là công trình thủy lợi sau khi tiếp nhận nước thải từ Dự án: Chủ Dự án xây dựng hệ thống thu gom thoát nước thải tách biệt với hệ thống thoát nước mưa; định kỳ quan trắc, giám sát chất lượng nước nguồn tiếp nhận; định kỳ nạo vét bùn thải tại cửa xả thoát nước thải ra ngoài với tần suất 1 - 2 lần/năm (tần suất có thể thay đổi theo lượng bùn cặn tích tụ thực tế phát sinh).

- Biện pháp bảo vệ công trình thủy lợi: Chủ Dự án xây dựng công xả nước thải theo thỏa thuận thiết kế và yêu cầu kỹ thuật xây dựng của đơn vị quản lý công trình thủy lợi để không làm ảnh hưởng đến kết cấu bờ của mương hiện trạng phía Bắc dự án.

- Các biện pháp bảo vệ khác:

+ Chủ Dự án cam kết không xâm phạm, chiếm dụng đất hành lang của mương khu vực và cam kết khắc phục sự cố môi trường do dự án gây ra và phối hợp với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để khắc phục sự cố theo yêu cầu.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý vận hành hệ thống xử lý để kịp thời phát hiện các sự cố và không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước và công trình nguồn tiếp nhận.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

3.6.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải

Giai đoạn vận hành Dự án hoạt động 01 hệ thống XLNT công suất 400 m³/ngày.

- Biện pháp quản lý:

+ Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục

công trình XLNT.

+ Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân vận hành trạm XLNT tập trung kịp thời phát hiện và ứng phó khi xảy ra sự cố.

+ Kiểm tra thường xuyên chất lượng và lưu lượng nước thải phát sinh từ các nhà máy, doanh nghiệp trong CCN.

+ Định kỳ duy tu, bảo dưỡng, ghi chép nhật ký vận hành Trạm XLNT đầy đủ, cụ thể theo đúng quy định.

- Phương án vận hành:

+ Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống XLNT và từng công trình đơn vị. Trong đó, ngoài các số liệu về mặt kỹ thuật, còn cần chỉ rõ lưu lượng thực tế và lưu lượng thiết kế của các công trình.

+ Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống XLNT để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý.

+ Công nhân có kinh nghiệm trong vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra.

+ Vận hành hệ thống đúng quy trình.

+ Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế trong kho cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động của chúng. Tuy nhiên một số thiết bị như máy bơm sẽ thực hiện lắp đặt dự phòng trước.

+ Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ. Theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải, các yếu tố bất thường. Chủ dự án sẽ có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải bằng tiếng Việt được ghi chép đầy đủ (lưu lượng, thông số vận hành hệ thống xử lý nước thải, kết quả quan trắc nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải), lưu giữ tối thiểu 02 năm.

+ Bố trí các thiết bị dự phòng đối với các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy,... để thay thế khi cần thiết.

+ Bố trí các thiết bị dự phòng để hoạt động luân phiên đối với các máy bơm, máy thổi khí,...

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên vận hành hệ thống

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

✓ *Khi trạm XLNT xử lý không đạt yêu cầu do các yếu tố như:* Mất điện, hư hỏng thiết bị

Tiến hành dừng hoạt động trạm XLNT để kiểm tra và khắc phục.

+ Đối với các sự cố dễ xử lý thực hiện khắc phục ngay sau đó tiếp tục vận hành trở lại.

+ Trường hợp không thể khắc phục ngay, thực hiện bơm toàn bộ nước thải tại vị trí cần sửa chữa về bể điều hòa hay các bể xử lý khác. Sau khi sửa chữa xong, tiến hành bơm nước trở lại để xử lý đạt yêu cầu QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K = 1,0) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Kết hợp đồng thời các biện pháp dưới đây để hạn chế thấp nhất các sự cố xảy ra:

+ Bố trí nguồn điện dự phòng để cấp điện cho hệ thống XLNT khi mất điện thời gian dài.

+ Bố trí nhân viên có chuyên môn giám sát quá trình vận hành của trạm XLNT để kịp thời phát hiện sự cố xảy ra.

+ Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy bơm, hệ thống phân phối khí, hệ thống sục khí, máy khuấy,... Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho các hạng mục bể điều hòa, bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được khống chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường. Cam kết không xả nước thải ra ngoài môi trường trong thời gian xảy ra sự cố.

Ngoài ra, một số biện pháp xử lý đối với một số sự cố có khả năng xảy ra tại hệ thống XLNT được đưa ra như sau:

Bảng 3. 10. Một số biện pháp ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải

TT	Hư hỏng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Máy bơm không làm việc	- Không có nguồn điện cung cấp đến.	- Kiểm tra nguồn điện, cấp điện.
2	Máy bơm làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Điện nguồn mất pha đưa vào motor. Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng. Hộp giảm tốc bị thiếu dầu, mỡ ... Bị chèn các vật lạ có kích thước lớn vào buồng bơm, trục vít.	Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm. Kiểm tra và bổ sung thêm, hoặc thay nhớt mới. - Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ.
3	Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước.	- Ngược chiều quay. Van đóng mở bị nghẹt, hoặc hư hỏng. - Đường ống bị tắc nghẽn. - Chưa mở van. - Rách màng bơm.	- Đảo lại chiều quay. Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới. Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại. - Mở van. - Thay màng bơm khác.
4	Lưu lượng bơm bị giảm	Bị nghẹt rác ở cánh bơm, van, đường ống. - Mực nước bị cạn. “ Nguồn điện cung cấp không đúng. - Màng bơm bị đóng cặn	- Kiểm tra, khắc phục lại. - Tắt bơm ngay. Kiểm tra nguồn điện và khắc phục. Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt.
5	Máy bơm làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	Điện áp thấp dưới quy định. Độ cách điện của bơm giảm quá quy định, < 01MQ. Bị sự cố về cơ khí: bánh răng, vòng bi, ...	Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp. Sấy nâng cao độ cách điện. Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục.

[Nguồn: Thuyết minh vận hành hệ thống xử lý nước thải]

Bảng 3. 11. Khắc phục các sự cố ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý nước thải

TT	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Bể thu gom		
	Trong bể có nhiều rác	- Song chắn rác không lược được hết cặn thô	- Vệ sinh song chắn rác và xem có chỗ nào bị hỏng hay không.
2	Bể điều hòa		
	Nước thải có mùi hôi vượt quá mức mùi hôi hàng ngày	- Quá trình phân hủy yếm khí xảy ra trong bể điều hòa	- Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh gây hiện tượng lắng cặn và tạo điều kiện yếm khí trong bể.
3	Bể xử lý sinh học		
	Bùn bị đen và phát sinh mùi	- Bùn bị phân hủy yếm khí - Vi sinh bị chết	- Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh tạo điều kiện yếm khí trong bể.
	Xuất hiện nhiều bọt trắng	- Quá trình bị quá tải, nồng độ chất ô nhiễm đầu vào tăng đột ngột. - Tuổi bùn thấp (thời gian lưu bùn nhỏ).	- Kiểm tra hàm lượng bùn trong bể, xem có duy trì ở nồng độ bình thường hay không (3000-5000mg/l). - Cách khắc phục chi tiết
4	Bể lắng		
	Nước thải ra khỏi máng thu nước có nhiều cặn	- Lắng hoạt động không hiệu quả - Bùn nổi nhiều trên mặt bể .	- Kiểm tra chế độ phân phối nước vào. - Kiểm tra MLSS - Hút bùn trong bể.
5	Bể lọc		
	Nước sau lọc còn cặn nhiều	- Hệ thống lọc không hiệu quả	- Kiểm tra lại nước trong bể trung gian còn nhiều cặn hay không. - Đảm bảo chế độ rửa lọc trong thiết bị lọc .
	Nước thải vẫn còn vi khuẩn	- Tính chất nước thải đầu vào thay đổi do đó liều lượng hóa chất bình thường không đáp ứng yêu cầu xử lý.	- Cần phải kiểm tra để điều chỉnh lại liều lượng hóa chất cho phù hợp với điều kiện đầu vào.

[Nguồn: Thuyết minh vận hành hệ thống xử lý nước thải]

- Ghi chú:

+ Người vận hành cần phải theo dõi và ghi chép lại các sự cố và biện pháp khắc phục vào nhật ký vận hành hàng ngày để làm tài liệu cho các quá trình vận hành về sau. Nếu phát hiện được sự cố tương tự thì ta có cách giải quyết như lần trước và có hiệu quả tốt để tránh tốn thời gian điều chỉnh để tìm ra nguyên nhân.

+ Lưu ý: Trong quá trình vận hành thực tế trạm xử lý, trường hợp nồng độ

Phosphat (PO_4^{3-}) đầu vào cao ($>10 \text{ mg/l}$). Khi đó cần bổ sung phèn nhôm vào bể hiếu khí để tạo thành kết tủa của phosphate ít hòa tan sau đó được loại bỏ ra khỏi chất lỏng bằng quá trình tách chất rắn tại bể lắng nhằm đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt mức A, QCVN 14:2008/BTNMT.

3.6.2. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố với tháp xử lý mùi (khí thải)

- Quá trình vận hành hệ thống xử lý mùi, khí thải Chủ dự án có các thiết bị, phương án phòng ngừa sự cố xảy ra như sau:

- + Vận hành hệ thống xử lý mùi, khí thải theo đúng quy trình hướng dẫn.
- + Tuyển nhân viên có chuyên môn, kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý mùi và khí thải theo đúng quy trình công nghệ được chuyển giao của đơn vị thiết kế thi công;
- + Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong hệ thống theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- + Trang bị quạt hút dự phòng khi xảy ra sự cố (giai đoạn hiện nay có 01 quạt hút dự phòng đã được lắp đặt);
- + Thường xuyên kiểm tra hệ thống bồn chứa hóa chất, kiểm tra hệ thống ống dẫn ống dẫn hóa chất.

- Khi phát hiện sự cố về hệ thống xử lý mùi, khí thải công nhân vận hành có các biện pháp khắc phục như sau:

- + Bước 1: Tạm dừng hệ thống quạt hút khí thải để sửa chữa.
- + Bước 2: Kiểm tra toàn bộ hệ thống đường ống thu gom, hệ thống cấp hóa chất, buồng hấp thụ để xác định vị trí sự cố cần xử lý;

Trường hợp quạt hút khí bị hỏng sẽ tiếng hành bật quạt dự phòng để hoạt động xử lý khí tiếp tục và thực hiện sửa chữa quạt hỏng.

Trường hợp hệ thống ống thu gom khí thải bị rò rỉ, bị hở dẫn đến lượng không khí dẫn vào hệ thống quá lớn ảnh hưởng đến qua trình xử lý. Nhân viên phát hiện kiểm tra thiết bị do áp của hệ thống và kiểm tra toàn bộ đường ống dẫn khí thải. Tiến hành thay thế, sửa những khu vực bị rò rỉ, bị hở.

Trường hợp hệ thống cấp hóa chất bị hỏng do bơm cấp hóa chất hỏng, do hóa chất cấp vào bể chứa chưa đảm bảo nồng độ yêu cầu, do tách ngẽn đầu bơm dẫn đến hóa chất không phụ vào buồng hấp thụ. Công nhân tiến hành kiểm tra, bổ sung hóa chất, thay bơm hóa chất mới.

Biện pháp kiểm soát lượng hóa chất sử dụng, tần suất cung cấp hóa chất vào bể. tại bể hóa chất có các bơm định lượng được cài đặt định mức cấp hóa chất vào buồng hấp thụ theo quy định vận hành và tại bể chứa hóa chất có thiết bị đo PH của dung dịch để xác định lượng hóa chất cần cung cấp bổ sung (độ PH của bể sẽ chuyển từ độ kiềm đến trung tính). Khi nồng độ đạt độ bão hòa công nhân sẽ tiến hành lượng hóa chất mới.

- + Bước 3: Tiến hành vận hành lại hệ thống xử lý khí thải và sau đó là vận hành trạm xử lý nước thải lại.

3.6.3. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

a/ Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy cho nhà ở và công trình, trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.

- Thời gian diễn tập, các biện pháp an toàn được thông báo cho toàn bộ người dân, nhân viên; lập hàng rào cách ly, đặt biển báo và bố trí lực lượng canh gác đầy đủ. Trong giờ diễn tập tuyệt đối nghiêm cấm người không có phận sự qua lại trong khu vực nguy hiểm.

- Thực hiện đúng quy trình vận hành của từng loại máy móc thiết bị và bảo dưỡng, sửa chữa đúng kỳ và hợp lý.

b/ Phòng chống thiên tai mưa bão, ngập lụt

- Trong mùa mưa bão, công trình không thể tránh khỏi những tác động do nước mưa lớn gây ngập úng, sạt lở, sụt lún, nứt vỡ các công trình,... Do vậy, chủ Dự án sẽ có những biện pháp hạn chế và khắc phục những tác động xấu đến các công trình của dự án.

+ Thực hiện san nền dự án theo đúng quy hoạch của khu vực để đảm bảo hướng thoát nước thuận tiện.

+ Thực hiện thi công xây dựng hệ thống công thoát nước đảm bảo kích thước theo thiết kế để tiêu thoát nước nhanh, không bị ngập úng cục bộ.

+ Thỏa thuận với đơn vị quản lý nguồn tiếp nhận về hướng thoát nước và phối hợp với đơn vị quản lý nguồn tiếp nhận thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai mưa bão, ngập lụt theo hướng dẫn quy định.

+ Bố trí các bơm dự phòng để bơm thoát nước khi có sự cố xảy ra, đảm bảo hoạt động thoát nước cho khu vực dự án.

c/ Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó và phòng chống dịch bệnh lây lan

Khi có dịch bệnh xảy ra, đơn vị quản lý công trình dự án có trách nhiệm thông báo và cảnh báo cho tất cả người dân sinh sống khu vực dự án và khu vực lân cận thông qua bảng tin của khu dân cư. Kết hợp với đơn vị có chức năng khống chế dịch bệnh kịp thời để đảm bảo sức khỏe cho người dân.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có.

3.8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi

- Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.

- Để đảm bảo chất lượng nguồn tiếp nhận là công trình thủy lợi sau khi tiếp nhận nước thải sau xử lý từ dự án, các biện pháp được áp dụng như sau:

+ Nước thải của dự án được dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày để xử lý, đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K=1,0 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Hệ thống thu gom thoát nước thải hoàn toàn tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

+ Định kỳ giám sát chất lượng nước thải và nước mặt nguồn tiếp nhận.

+ Định kỳ 06 tháng hoặc 01 năm tiến hành nạo vét bùn thải tại cửa xả thoát nước thải ra mương hiện trạng phía Bắc dự án hoặc khi gặp sự cố bùn đầy.

+ Tổ chức các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý cho các cán bộ môi trường của trạm xử lý nước thải thông qua các chương trình khảo sát thực tế, trao đổi kinh nghiệm.

+ Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho các hộ dân sinh sống trong dự án, xem môi trường là tài sản chung cần được bảo vệ.

+ Không xâm phạm, chiếm dụng đất hành lang bảo vệ của các kênh mương thủy lợi, mương hiện trạng phía Bắc dự án khu vực dự án.

3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

Dự án không thuộc đối tượng thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

3.10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện” đã được UBND tỉnh Hải Dương (cũ) phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 21/06/2021. Hiện nay, các hạng mục công trình và các công trình bảo vệ môi trường của dự án không thay đổi quy mô, công suất, vị trí so với nội dung đã phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường nước thải

a/ Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư nhà ở mới;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu đất thương mại dịch vụ;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu đất công cộng;
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu đất hạ tầng kỹ thuật.

b/ Lưu lượng xả nước thải tối đa: 400 m³/ngày đêm.

c/ Dòng nước thải: 01 dòng

Toàn bộ nước thải từ các nguồn số 01 đến 04 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm để xử lý. Nước thải sau xử lý được chảy vào mương hiện trạng phía Bắc dự án tại 01 điểm xả nước thải.

d/ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

- Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,0 áp dụng với dự án trụ sở cơ quan có diện tích sàn xây dựng >10.000 m²)

- Từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt hoặc có mục đích quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước).

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A, K=1)	QCVN 14:2025 /BTNMT (cột B)		
1	pH	-	5 -9	6 - 9	Không thuộc đối tượng thực hiện ^(*)	Không thuộc đối tượng thực hiện ^(*)
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	≤40		
3	COD	mg/l	-	≤90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	≤60		
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	-		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	≤8		
7	Tổng N (T- N)	mg/l	-	≤30		
8	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	-	≤6		
9	Sunfua (tính theo	mg/l	1,0	≤0,5		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A, K=1)	QCVN 14:2025 /BTNMT (cột B)		
	H ₂ S)					
10	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30	-		
11	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	≤15		
12	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	≤5		
13	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6	-		
14	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3000	≤5.000		
15	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	-	≤5		

e/ Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn được chảy qua 01 tuyến cống BTCT D300, chiều dài 215m vào mương hiện trạng phía Bắc dự án qua 01 điểm xả nước thải.

- *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Mương hiện trạng phía Bắc dự án tại xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (do Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương quản lý).

- *Vị trí xả nước thải:* Trong khuôn viên của dự án tại xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng.

+ Tọa độ điểm xả nước thải: X(m) = 2301946.284; Y(m) = 571878.674.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt và xả ven bờ.

- Chế độ: Liên tục (24/24h).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với mùi (khí thải)

a/ Các nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Mùi, khí thải phát sinh từ các bể của hệ thống XLNT.

b/ Dòng khí thải, vị trí xả thải: 01 dòng khí

Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý mùi, khí thải công suất 800 m³/giờ (thu gom xử lý mùi, khí thải từ các bể xử lý nước thải).

c/ Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 800 m³/giờ.

d/ Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

- Chất lượng mùi, khí thải trước khi xả vào môi trường đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (K_p = 1,0; K_v = 1,2).

- Từ ngày 31/12/2031, chất lượng khí thải khi xả vào môi trường tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải).

Bảng 4. 2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B; K _p =1; K _v = 1,2)	QCVN 19:2024/ BTNMT (cột B)*		
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Amoni và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	12	≤20		
3	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	9	≤7		
4	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)		-	≤12		

e/ Vị trí, phương thức xả khí thải vào nguồn tiếp nhận

- Vị trí xả khí thải: Trong khuôn viên của dự án tại xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng. Khí thải sau xử lý thoát theo ống thoát khí D300, cao 1,5m.

+ Tọa độ vị trí xả khí thải: X(m) = 2301806.793; Y(m) = 572018.106.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', mũi chiếu 3°)

+ Phương thức xả khí thải: Liên tục 24/24h.

4.3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung

a/ Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Từ hoạt động của quạt hút của hệ thống xử lý mùi, khí thải tại trạm xử lý nước thải.

b/ Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 2301837.574; Y(m) = 572009.134.

- Vị trí nguồn số 02: Tọa độ X(m) = 2301806.793; Y(m) = 572018.106.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', mũi chiếu 3°)

c/ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung:

Bảng 4. 4. Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

- Từ ngày 01/01/2027 tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	50	Khu vực B (khu nhà ở riêng lẻ)

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ	
1	65	60	Khu vực B (khu nhà ở riêng lẻ)

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên dự án đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Chủ dự án lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường gồm: 01 hệ thống XLNT tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.

- Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường đã lắp đặt như sau:

Bảng 5. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường

TT	Công trình	Thời gian dự kiến bắt đầu	Thời gian dự kiến kết thúc	Công suất
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	Sau khi có giấy phép môi trường và hệ thống đủ điều kiện đi vào vận hành	Không quá 6 tháng từ khi có giấy phép môi trường và hệ thống đủ điều kiện đi vào vận hành	400 m ³ /ngày đêm

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Căn cứ khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Dự án thuộc đối tượng tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Kế hoạch lấy mẫu, đánh giá hiệu suất của hệ thống xử lý chất thải như sau:

Bảng 5. 2. Kế hoạch lấy mẫu, giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Vị trí giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Tần suất
Công trình xử lý nước thải		
Nước thải đầu vào	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, TDS, sunfua, amoni (tính theo Nito), nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliforms.	Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong thời gian ít nhất là 03 ngày liên tiếp)
Nước thải đầu ra		

- Vị trí lấy mẫu:

- + Vị trí số 01: Tại bể điều hoàn của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- + Vị trí số 02: Sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K = 1,0)
- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Chủ dự án dự kiến sẽ ký hợp đồng với đơn vị phân tích có đầy đủ số hiệu Vimcerts, vilas thực hiện công việc lấy mẫu quan trắc và phân tích mẫu trong thời gian vận hành thử nghiệm trạm XLNT và hệ thống xử lý khí thải.

5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ, tự động, liên tục chất thải

a/ Giám sát nước thải

Căn cứ theo khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b khoản 1 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, dự án thuộc đối tượng không phải thực hiện quan trắc tự động liên tục và quan trắc nước thải định kỳ đối với nước thải.

b/ Giám sát khí thải

Dự án hoạt động vận hành là tòa nhà văn phòng hành chính và không phát sinh khí thải công nghiệp do đó không thực hiện quan trắc tự động liên tục và quan trắc khí thải định kỳ đối với nước khí thải.

c/ Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí: tại khu vực kho lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại
- Thông số: tổng khối lượng và thành phần các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, CTNH (danh mục, mã CTNH) phát sinh; phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Tần suất: khi có phát sinh chất thải và khi bàn giao chất thải.

5.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Chủ dự án không có hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, tự động khác.

5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ, tự động.

CHƯƠNG VI CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chủ dự án cam kết tại thời điểm dự án xin cấp giấy phép môi trường Dự án chưa có hoạt động vận hành.

Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND thành phố Hải Phòng, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Chủ dự án cam kết xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 48 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án cam kết xử lý nước thải đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A hệ số K =1,0. Từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải đạt QCVN 14:2025/BTNMT (cột B).

Chủ dự án cam kết xử lý khí thải, mùi đảm bảo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (từ ngày 31/12/2031 chất lượng khí thải đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột A)

Chủ dự án cam kết thu gom, phân loại CTNH theo đúng quy định tại Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải CTNH theo quy định tại Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án cam kết tuân thủ việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án cam kết tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công và vận hành đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Từ ngày 01/01/2027 tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm QCVN 26:2025/BTNMT và QCVN 27:2025/BTNMT.

Thông báo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Cam kết khắc phục các sự cố môi trường do dự án gây ra và thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các quy định khác.

PHỤ LỤC 1: VĂN BẢN PHÁP LÝ

1. Giấy đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đầu tư;
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ về đất;
3. Quyết định phê duyệt ĐTM của Dự án;
4. Giấy phép xây dựng và các văn bản khác về quy hoạch;
5. Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC;
6. Biên bản thỏa thuận các điểm đầu nối hạ tầng kỹ thuật của Dự án;
7. Biên bản bàn giao và đưa vào sử dụng của hệ thống xử lý nước thải.
8. Hợp đồng dịch vụ cấp điện;
9. Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch;

PHỤ LỤC 2: BẢN VẼ

1. Bản vẽ quy hoạch sử dụng đất của dự án;
2. Bản vẽ hoàn công hệ thống giao thông;
3. Bản vẽ tổng mặt bằng cấp nước;
4. Bản vẽ hoàn công hệ thống thoát nước mưa;
5. Bản vẽ hoàn công hệ thống thu gom, thoát nước thải;
6. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý mùi;

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0107135440

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 11 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 12 tháng 11 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ AN LỘC PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN LOC PHAT INTERNATIONAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

L7-9 (TT7D-9) , Khu nhà ở thấp tầng, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985515679

Fax:

Email: pketoan.anlocphat@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 86.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám mươi sáu tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.600.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN ĐỨC TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017086000017

Ngày cấp: 27/05/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Vân Trì, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Vân Trì, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: HOÀNG THỊ HÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 05/06/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040199003910

Ngày cấp: 10/05/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 05/06/2039, Xã Diễn Phú, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt
Nam

Địa chỉ liên lạc: 05/06/2039, Xã Diễn Phú, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Lê Hồng Hạnh

Số: 560 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao đất (đợt 2) cho Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát
thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới
xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện; Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh về việc đình chính Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thanh Miện, UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 89/TTr-STNMT ngày 26 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao đất (đợt 2), diện tích 7.282,0 m² đất thuộc xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện (UBND huyện Thanh Miện đã thu hồi đất, hoàn thành bồi thường, hỗ trợ và giải phóng xong mặt bằng) cho Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0107135440, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; đăng ký lần đầu ngày 24/11/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 19/01/2024) để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã

Hồng Quang, huyện Thanh Miện theo quy hoạch chi tiết xây dựng và dự án đầu tư đã được phê duyệt, cơ cấu cụ thể như sau:

- Đất ở nông thôn (ONT): 1.036,3 m²; hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất; thời hạn giao đất: tính từ ngày ban hành Quyết định này đến ngày 07 tháng 10 năm 2030 (*theo thời hạn hoạt động dự án UBND tỉnh chấp thuận tại Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 07/5/2024*); người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở của dự án được sử dụng ổn định lâu dài.

- Đất cây xanh, đất giao thông, đất hạ tầng kỹ thuật: 6.245,7 m²; gồm: đất cây xanh 3.146,1 m², đất hạ tầng kỹ thuật 1.286,4 m², đất giao thông 1.813,2 m². Hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất; Thời hạn giao đất tính từ ngày ban hành Quyết định này đến ngày 30 tháng 4 năm 2025. Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát có trách nhiệm quản lý, đầu tư xây dựng theo quy hoạch chi tiết xây dựng và dự án được phê duyệt. Sau khi hoàn thành đầu tư, xây dựng bàn giao lại cho UBND huyện Thanh Miện và các cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, khai thác sử dụng theo quy định.

- Vị trí, ranh giới giao đất: xác định theo Mảnh trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương lập ngày 16 tháng 12 năm 2024.

- Phương thức giao đất: Giao đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (*theo Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư số 3658/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh*).

2. Điều chỉnh thời hạn giao đất thực hiện dự án tại Điều 1 Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh, cụ thể:

- a) Đối với diện tích 28.699,3 m² đất ở: Thời hạn giao đất tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 đến ngày 07 tháng 10 năm 2030 (*Quyết định chấp thuận chủ trương điều chỉnh số 1090/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 của UBND tỉnh*).

- b) Đối với diện tích 40.460,7 m² đất (gồm đất thương mại, dịch vụ, đất cây xanh, đất công cộng, đất hạ tầng kỹ thuật, đất giao thông): Thời hạn giao đất tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 đến ngày 30 tháng 4 năm 2025 (*Quyết định chấp thuận chủ trương điều chỉnh số 1090/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 của UBND tỉnh*).

Điều 2.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Thanh Miện, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND xã Hồng Quang căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện các công việc liên quan theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Miện, UBND xã Hồng Quang

chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; xác định mốc giới và bàn giao đất trên thực địa cho Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thông báo và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát theo quy định của pháp luật.

UBND huyện Thanh Miện khẩn trương chỉ đạo, hoàn thành công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích còn lại thuộc dự án để hoàn thiện hồ sơ giao đất thực hiện dự án theo quy định.

2. Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, ranh giới, diện tích được giao; chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về đất đai, môi trường và các quy định của pháp luật liên quan trong quá trình sử dụng đất; thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa, nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin (Văn phòng UBND tỉnh) có trách nhiệm đăng Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Thanh Miện; Chủ tịch UBND xã Hồng Quang và Người đại diện pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: TN&MT (3b), KH&ĐT, TC, XD, GTVT, Cục Thuế tỉnh;
- Trung tâm CNTT (VP UBND tỉnh);
- Văn phòng đăng ký đất đai;
- Lưu: VT. (KTN 11b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Văn Bản

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1508/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 31 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng, giao đất (đợt 1) cho Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn Nhà đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các dự án công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Thanh Miện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất công bố lựa chọn Nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2019 (đợt 8); Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện; Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Miện phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 322/TTr-STNMT ngày 27 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Chuyển mục đích sử dụng 69.160 m² đất tại xã Hồng Quang (UBND huyện Thanh Miện đã thu hồi đất, thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng); gồm đất có nguồn gốc đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 42.255 m²; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 964 m²; đất trồng cây lâu năm (CLN) 7.038 m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 8.496 m²; đất giao thông (DGT) 6.705 m²; đất thủy lợi (DTL) 3.589 m²; đất ở nông thôn (ONT) 90 m²; đất năng lượng (DNL) 23 m²; giao đất (đợt 1) cho Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát thực hiện dự án Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện theo quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư được duyệt, cụ thể như sau:

a) Đất ở: 28.699,3m²; thời hạn giao đất: Tính từ ngày ban hành Quyết định này đến ngày 25 tháng 01 năm 2024 (theo thời hạn thực hiện dự án tại Quyết định phê duyệt lựa chọn Nhà đầu tư số 3658/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh và Hợp đồng đầu tư thực hiện dự án 86/2021/HĐDA ký ngày 12/01/2021 giữa UBND huyện Thanh Miện với Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát); hình thức giao đất: giao đất có thu tiền sử dụng đất. Người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở của dự án được sử dụng ổn định lâu dài.

b) Đất thương mại, dịch vụ, đất cây xanh, đất công cộng, đất hạ tầng kỹ thuật, đất giao thông: 40.460,7 m²; gồm đất thương mại, dịch vụ 3.016,7 m²; đất cây xanh 5.062,1 m²; đất công cộng (nhà văn hóa) 807 m²; đất hạ tầng kỹ thuật 939,3 m²; đất giao thông 30.635,6 m².

- Thời hạn giao đất: Tính từ ngày ban hành Quyết định này, đến ngày 25 tháng 01 năm 2024 (theo thời hạn thực hiện dự án tại Quyết định phê duyệt lựa chọn Nhà đầu tư số 3658/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh và Hợp đồng đầu tư thực hiện dự án 86/2021/HĐDA ký ngày 12/01/2021 giữa UBND huyện Thanh Miện với Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát).

- Hình thức giao đất: Giao đất không thu tiền sử dụng đất. Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát có trách nhiệm đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch và dự án đầu tư được duyệt. Sau khi hoàn thành công tác nghiệm thu, tổ chức bàn giao cho UBND huyện Thanh Miện và các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành theo đúng quy định của pháp luật.

* Đối với công trình điện hiện có, Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan liên quan để thực hiện di chuyển và xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

2. Vị trí, ranh giới cụ thể: Xác định theo mảnh đo vẽ lại bản đồ địa chính số 04-2021, do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, ký ngày 29 tháng 4 năm 2021 và mảnh trích bản đồ địa chính khu đất (phục vụ giao đất đợt 1) do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập, UBND xã Hồng Quang ký ngày 26 tháng 4 năm 2022.

Điều 2.

1. Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện, các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân xã Hồng Quang căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xác định ngay tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở cho Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, diện tích được giao; chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về lĩnh vực đất đai, môi trường và các quy định của pháp luật liên quan; nộp tiền sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin (Văn phòng UBND tỉnh) có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ngành và đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND huyện Thanh Miện, Chủ tịch UBND xã Hồng Quang và Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: TN&MT (5b), Tài chính, KH&ĐT, Cục Thuế tỉnh;
- Trung tâm CNTT (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT. KTN (12b)✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Bản

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1829** /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **21** tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của “Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện
Thanh Miện” tại xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
của Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện” tại xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát, họp ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại Phòng họp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện” tại xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh kèm theo Hồ sơ và Công văn số 30/CV-ALP ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số



523/TTr-STNMT ngày 17 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Thanh Miện;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Bản

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của “Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện” tại xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát

(Kèm theo Quyết định số 1839 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thông tin về dự án

- Chủ dự án: Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Số nhà 5A, ngõ 331 đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
- Phạm vi, quy mô của dự án:

+ Tổng diện tích đất dự án: 76.489 m², trong đó: Đất ở mới: 29.740,3 m²; đất thương mại dịch vụ: 3.016,7 m²; đất cây xanh: 8.208,2 m²; đất công cộng: 807,0 m²; đất hạ tầng kỹ thuật: 2.236,5 m²; đất giao thông: 32.480,3 m².

+ Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện bao gồm: San nền, xây dựng cầu vượt sông nổi ra Tỉnh lộ 393, hoàn trả kênh mương, hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp nước sinh hoạt và cấp nước PCCC; di chuyển đường dây điện hiện trạng; hệ thống cấp điện; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống cây xanh; hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Trong giai đoạn thi công xây dựng cơ sở hạ tầng: Chất thải phát sinh trong các giai đoạn này chủ yếu là bụi, khí thải từ quá trình thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước thải rửa xe, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải, khí thải, chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của khu dân cư; chất thải phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp, từ quá trình chăm sóc cây.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh của công nhân trong quá trình xây dựng hạ tầng khoảng $4,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5), các chất dinh dưỡng (NO_3^- , PO_4^{3-}) và các vi sinh vật.

- Nước thải phát sinh từ quá trình trộn vữa, tưới ẩm vật liệu, rửa máy móc thiết bị trong quá trình thi công xây dựng phát sinh $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần trong nước thải thi công là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng trên tuyến thoát nước thi công tạm thời.

- Nước thải từ quá trình rửa lớp xe, gầm xe: phát sinh khoảng $1,74 \text{ m}^3/\text{ngày}$ trong quá trình san lấp và $0,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ trong giai đoạn xây dựng; thành phần chủ yếu chứa đất, cát, dầu mỡ.

b) Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động sinh hoạt của toàn khu dân cư và công trình dịch vụ thương mại khoảng $393,34 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$. Nước thải sinh hoạt có các thành phần ô nhiễm như TSS, COD, BOD_5 , các chất dinh dưỡng (NO_3^- , PO_4^{3-}) và các vi sinh vật.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển: Thành phần phát sinh chủ yếu là bụi, CO, SO_2 , NO_x , HC. Bụi, khí thải phát sinh ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe công nhân lao động trực tiếp tại công trường.

+ Giai đoạn san lấp mặt bằng: Nồng độ phát sinh của các phương tiện vận chuyển ở khoảng cách 20 m: Bụi: $4,37\text{-}5,10 \text{ }\mu\text{g}/\text{m}^3$; SO_2 : $0,01 \text{ }\mu\text{g}/\text{m}^3$; NO_2 : $69,89\text{-}81,54 \text{ }\mu\text{g}/\text{m}^3$; CO: $14,08\text{-}16,42 \text{ }\mu\text{g}/\text{m}^3$; HC: $3,88\text{-}4,53 \text{ }\mu\text{g}/\text{m}^3$.

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Nồng độ phát sinh của các phương tiện vận chuyển ở khoảng cách 20 m: Bụi: $1,00\text{-}1,79 \text{ }\mu\text{g}/\text{m}^3$; SO_2 : $0,01\text{-}0,02 \text{ }\mu\text{g}/\text{m}^3$; NO_2 : $16,07\text{-}28,66 \text{ }\mu\text{g}/\text{m}^3$; CO: $3,24\text{-}5,77 \text{ }\mu\text{g}/\text{m}^3$; HC: $0,89\text{-}1,59 \text{ }\mu\text{g}/\text{m}^3$.

- Bụi cuốn lên từ mặt đất tại khu vực thi công san nền trong cả quá trình san lấp là $0,168 \text{ g/s}$. Bụi phát sinh có kích thước lớn nên không phát tán xa, chỉ ảnh hưởng đến khu vực công trường.

- Bụi từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu, thiết bị máy móc là $0,01 \text{ g/s}$. Bụi phát sinh theo nguồn điểm tác động ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân bốc dỡ.

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường: SO_2 : $45,59 \text{ g/ca}$; NO_x : $319.050,9 \text{ g/ca}$; CO: $63.810,18 \text{ g/ca}$; HC: $18.231,48 \text{ g/ca}$.

- Khí thải từ công đoạn hàn: Thành phần phát sinh chủ yếu là CO, NO_x . Nồng độ các chất ô nhiễm là CO: $0,20 \text{ mg}/\text{m}^3$; NO_x : $0,26 \text{ mg}/\text{m}^3$.

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện tham gia giao thông trong khu dân cư và công trình dịch vụ thương mại: Thành phần phát sinh chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO_x, HC. Nồng độ các chất ô nhiễm từ các phương tiện giao thông: Bụi: 0,27-0,49 $\mu\text{g}/\text{m}^3$; SO₂: 0,01 $\mu\text{g}/\text{m}^3$; NO₂: 2,99-5,33 $\mu\text{g}/\text{m}^3$; CO: 137,11-244,58 $\mu\text{g}/\text{m}^3$; HC: 20,57-36,69 $\mu\text{g}/\text{m}^3$. Bụi, khí thải phát sinh ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe người dân trong khu dân cư.

- Mùi, khí thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: thành phần khí thải phát sinh mùi bao gồm: H₂S, Mercaptane, CO₂, CH₄... Ngoài ra, tại trạm xử lý nước thải còn sinh ra sol khí sinh học (E.Coli, vi khuẩn). Mùi, khí thải phát sinh ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

- Chất thải từ hoạt động chuẩn bị, san lấp mặt bằng:

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động vét bùn với khối lượng phát sinh là 21.866,98 m³. Thành phần chất thải chủ yếu đất đào và một phần ít là bùn thải và đất màu. Lượng đất đào tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án là 15.306,886 m³, đất màu được vận chuyển đổ thải là 6.560,094 m³.

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật là 7,65 tấn. Thành phần chủ yếu các loại cây bụi, cỏ và một số loại cây có thân nhỏ.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng bao gồm: Gạch, đá, xi măng, sắt thép... với khối lượng phát sinh khoảng 0,85-17 tấn/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lượng phát sinh khoảng 30 kg/ngày. Chất thải nếu không được thu gom sẽ gây ô nhiễm môi trường xung quanh và cảnh quan trong công trường

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình với lượng phát sinh khoảng 677 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ cháy, giấy các loại, nylon nhựa, chai thủy tinh, đồ hộp... Đây là lượng chất thải rắn dễ phân hủy gây mùi nếu không được thu gom, vận chuyển và xử lý hợp lý.

- Chất thải rắn phát sinh từ khu vực công cộng (đường giao thông, bãi đỗ xe, cây xanh...) với khối lượng phát sinh khoảng 467 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là lá cây, cành cây, giấy... Chất thải không được thu gom và xử lý hợp lý sẽ gây mất cảnh quan khu vực đồng thời gây ô nhiễm môi trường.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động san lấp mặt bằng: Dầu thải 23,3 kg/tháng.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng gồm: Dầu thải 67,4 kg/tháng; giẻ lau dính dầu 12,0 kg/tháng; bóng đèn huỳnh quang vỡ 3,1 kg/tháng; ốc quy hồng 1,33 kg/tháng; kim loại thải (đầu mẫu que hàn, vỏ thùng sơn) 27,2 kg/tháng, dầu mỡ thải từ quá trình rửa xe tại công trường 3 kg/tháng.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân bao gồm pin, linh kiện điện tử, bông băng y tế,... khoảng 0,14 - 5,55 kg/ngày. Than hoạt tính bão hòa từ quá trình xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 200 kg/3 tháng. Ngoài ra, còn có một lượng CTNH từ quá trình chăm sóc cây xanh bằng hóa chất BVTV,... từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp trong khu dân cư.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác

Trong giai đoạn vận hành phát sinh lượng bùn thải từ hệ thống hố ga, cống rãnh, bể phốt, từ bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung với thành phần chủ yếu là bùn hữu cơ. Khối lượng bùn phát sinh là 9,34 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn san lấp mặt bằng, thi công, xây dựng

- Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng: Lắp đặt 05 nhà vệ sinh lưu động trên công trường có dung tích bồn nước 1.050 lít, bồn chứa chất thải 1.200 lít. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút bể phốt mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải thi công: Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây ngập úng trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước thải của các khu vực bên ngoài dự án; lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước thi công và được kiểm soát bằng các van, vòi khóa để hạn chế lượng nước thải thi công; định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước; xây dựng hố ga (5m × 3m × 1,4 m) để lắng cặn nước rửa xe trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thoát nước mưa: Nước mưa sẽ được thu gom bằng hệ thống cống thu nước mưa D400, D600, D800 dọc các tuyến đường nội bộ. Toàn bộ nước mưa của dự án sau khi thu gom sẽ thoát ra mương hiện trạng ở 2 phía là Đông Nam và Tây Nam dự án, sau đó thoát về hệ thống thoát nước trạm bơm Phú Xá.

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Dự án bao gồm:

+ Mạng lưới thu gom nước thải tách riêng với nước mưa, gồm các tuyến ống đường kính D300 dẫn nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Trước khi người dân vào xây dựng nhà ở, xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất xử lý $400 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Nước thải sau xử lý đạt mức A, giá trị $C_{\max}$ với hệ số $K = 1,0$ của QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải ra mạng thoát nước của khu vực.

+ Nước thải phát sinh từ khu dịch vụ thương mại chủ yếu là nước thải sinh hoạt, nếu có hoạt động phát sinh nước thải đặc trưng thì đơn vị thứ cấp phải xử lý đạt quy chuẩn cam kết với chủ đầu tư của dự án trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất $400 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ của Khu dân cư.

+ Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu dân cư.

+ Quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải tập trung công suất $400 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ $\rightarrow$ Bể thu gom $\rightarrow$ Bể lắng cát, tách dầu mỡ $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể thiếu khí $\rightarrow$ Bể hiếu khí $\rightarrow$ Bể lắng $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Bồn lọc áp lực $\rightarrow$ Mạng thoát nước của khu vực; bùn được tách từ bể lắng vào bể chứa bùn, một phần được tuần hoàn lại bể hiếu khí, bể thiếu khí, một phần chuyển qua bể chứa bùn $\rightarrow$ bùn được đem đi xử lý; dầu mỡ từ bể lắng cát, tách bùn được thu gom và xử lý theo quy định.

+ Quy mô các hạng mục công trình cho trạm xử lý công suất $400 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: Bể thu gom $25,92 \text{ m}^3$; bể lắng cát, tách dầu mỡ 12 m^3 ; bể điều hòa $166,32 \text{ m}^3$; bể thiếu khí $72,21 \text{ m}^3$; bể hiếu khí $151,26 \text{ m}^3$; bể lắng $120,51 \text{ m}^3$; bể khử trùng $26,91 \text{ m}^3$; bể chứa bùn $30,6 \text{ m}^3$; bồn lọc áp lực: kích thước $1250 \times 2750 \text{ mm}$; thiết bị xử lý khí thải: 01 tháp hấp phụ than hoạt tính.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn san lấp mặt bằng, thi công, xây dựng

- Đối với hoạt động của phương tiện vận chuyển: Xe chở nguyên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị được phủ bạt kín; Không chuyên chở quá trọng tải quy định.

- Đối với hoạt động thi công xây dựng: Lắp dựng hàng rào bằng tôn cao 2,5 m tại khu vực thi công; Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị tần suất 3 tháng/lần; Phun ẩm tuyến đường vận chuyển những ngày hanh khô với tần suất 2 lần/ngày.

- Để không làm ảnh hưởng đến tuyến đường giao thông khu vực bên ngoài dự án, lắp đặt 01 máy rửa xe dạng rulo tại cổng ra vào của khu công trường thi công để rửa xe (kích thước $W \times L \times H = 2,24 \text{ m} \times 5,34 \text{ m} \times 1 \text{ m}$; chiều rộng ra vào xe tối đa: 2,8m; áp suất phun 3 - 4 kg/cm^2 ; thời gian rửa 30 - 40 giây; lượng nước tiêu hao: 30 lit/xẻ (tùy thuộc vào mức độ ô nhiễm); máy bơm: 2300 W); trong thời gian bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng, vật tư, máy móc thiết bị xe không được nổ máy.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với bụi từ hoạt động của phương tiện giao thông: Bố trí cây xanh dọc các tuyến đường nội bộ; bố trí bãi đỗ xe hợp lý; có quy chế quản lý với các hộ dân khi đi vào xây dựng.

- Đối với hoạt động thu gom rác: Thu gom rác tại các vị trí để rác thải trước nhà dân, tại các thùng chứa rác phát sinh mùi, tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Hệ thống xử lý nước thải được đặt trong khu hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường là 15m tương ứng với quy mô công suất và quy trình công nghệ xử lý của hệ thống (QCVN 01:2019/BXD).

+ Trong khoảng cách an toàn môi trường tiến hành trồng cây xanh với chiều rộng $\geq 10\text{m}$ (QCVN 01:2019/BXD).

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong quá trình vận hành: Thường xuyên kiểm tra lượng khí sục vào bể điều hòa, bể hiếu khí để đảm bảo không có tình trạng phân hủy kỵ khí diễn ra; có khu vực chứa hóa chất riêng, có mái che dầy; thu gom và xử lý bùn đúng định kỳ, không để bùn tồn đọng lâu ngày và sử dụng các chế phẩm khử mùi như chế phẩm Emwat-1, Gem,...

Quy trình công nghệ xử lý mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Mùi, khí thải từ hệ thống xử lý nước thải $\rightarrow$ Quạt $\rightarrow$ Tháp xử lý khí thải than hoạt tính $\rightarrow$ Khí sạch đi qua ống phóng không; than hoạt tính định kỳ 03 tháng/lần được thay thế hoặc hoàn nguyên (lượng than hoạt tính phát sinh 200 kg/3 tháng).

Thông số kỹ thuật của hệ thống: tháp xử lý khí: 1500 x 3100 mm; Quạt hút ly tâm Lưu lượng khí: $Q=600-800\text{m}^3/\text{h}$, Áp suất $H=600-400\text{pa}$.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

a) Giai đoạn san lấp mặt bằng, thi công, xây dựng

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 04 thùng rác loại 200 lít, có nắp đậy để thu gom tạm chứa trong ngày sau đó thuê đơn vị môi trường có chức năng vận chuyển đến nơi tập trung của khu vực.

- Chất thải rắn do phát quang thảm thực vật được thu gom đưa đến khu vực xử lý rác thải của địa phương.

- Chất thải xây dựng: Đối với chất thải có khả năng tái chế như bao xi măng, đầu mẩu sắt: Được thu gom, tái sử dụng hoặc bán lại cho các đơn vị có nhu cầu thu mua, tái chế; đất đào được tận dùng để san lấp, bùn thải sẽ vận chuyển chở đi xử lý theo đúng quy định. Đất màu được sử dụng để trồng cây.

b) Giai đoạn vận hành

- Tuyên truyền và tổ chức tập huấn cho các hộ dân trong Khu dân cư về xử lý, phân loại rác, phương pháp phân loại rác thải tại các hộ gia đình.

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình: Tự thu gom rác sau đó đợi xe thu gom rác của đơn vị vệ sinh môi trường của địa phương. Xe thu gom chạy theo lịch trình đã định, dừng lại tại ngã ba, ngã tư. Các hộ gia đình ở các khu vực xung quanh mang chất thải đổ vào xe, sau đó xe cơ giới đến thu gom và vận chuyển đi vào giờ cố định.

- Chất thải rắn từ khu vực công cộng: Trang bị các thùng rác cục bộ, tùy theo lượng người và lượng rác thải có thể bố trí các thùng rác chuyên dụng, thùng rác phải đúng quy định, có nắp đậy, thuận tiện cho việc bỏ rác vào cũng như lấy rác đi, tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân vệ sinh thu gom hàng ngày.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thoát nước: Định kỳ thuê các đơn vị có chức năng tới nạo vét, vận chuyển và xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn san lấp mặt bằng, thi công, xây dựng

- Bố trí khu vực chứa chất thải tạm thời, cao ráo, có biển báo rõ ràng với diện tích khoảng 5 m². Dầu mỡ thải và giẻ lau dính dầu phát sinh được thu gom vào 04 thùng chứa có nắp đậy loại 200 lít đặt ở khu vực chứa chất thải tạm thời. Định kỳ 3-6 tháng/lần sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Lượng dầu mỡ thải này sẽ được thu gom và vận chuyển để xử lý tuân thủ đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Toàn bộ chất thải sẽ được vận chuyển ngay sau khi dự án hoàn thành.

b) Giai đoạn vận hành

- Tuyên truyền cho dân cư sinh sống trong khu dân cư phân loại rác thải và có phương án thu gom và xử lý rác thải nguy hại cụ thể ngay tại hộ gia đình.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ các khu vực công cộng, hạ tầng kỹ thuật: đơn vị quản lý có phương án, thu gom lưu trữ đúng quy định sau đó thuê đơn vị chức năng đến vận chuyển và xử lý.

- Lượng chất thải nguy hại như vỏ bao bì, chai lọ trong quá trình phun thuốc trừ sâu với cây xanh được đơn vị cắt tỉa, phun thuốc trực tiếp thu gom và có trách nhiệm xử lý. Không sử dụng hóa chất thuốc trừ sâu, diệt cỏ, kích thích sự phát triển của cây trồng không rõ nguồn gốc. Tổ chức phun hóa chất thuốc diệt cỏ, trừ sâu theo đúng khuyến cáo và quy trình của nhà sản xuất.

- Chất thải nguy hại trong quá trình bảo dưỡng hệ thống điện, đèn chiếu sáng, trạm biến áp,... do công nhân của ngành điện lực trực tiếp thu gom và vận chuyển về Chi nhánh điện huyện Thanh Miện xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Quy định về tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án; lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn cho các máy móc có mức ồn cao như máy phát điện, máy nén khí...; kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng để đưa ra khuyến cáo và thay thế thiết bị thi công; không sử dụng máy móc, thiết bị thi công quá cũ, gây tiếng ồn lớn. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị; không

sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

b) Giai đoạn vận hành

Xây dựng quy chế hoạt động của khu dân cư. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân hạn chế các hoạt động phát sinh tiếng ồn lớn vào các giờ cao điểm và thời gian nghỉ ngơi.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn san lấp mặt bằng, thi công, xây dựng

- Giải pháp phòng chống cháy, nổ: Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện (*aptomat bảo vệ ngắn mạch và ngắn mạch chạm đất...*); kiểm tra mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn điện và có biện pháp thay thế kịp thời; xây dựng và niêm yết các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị.

- Phòng ngừa sự cố ngập úng: Hướng các dòng nước chảy về mương phía Đông Nam và Tây Nam của khu vực; tạm dừng việc thi công xây dựng trong điều kiện thời tiết xấu, tránh làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình, cũng như thực hiện các biện pháp che chắn để giảm tác động của nước mưa cuốn theo vật liệu xây dựng vào nguồn tiếp nhận.

- Phòng ngừa sự cố khi xây cầu nổi Tỉnh lộ 393: Đặt các tấm ngăn bùn đất tạm thời trong suốt thời gian thi công tại chân các mái dốc ngăn giữa các khu vực đào đắp. Tấm ngăn bùn được làm bằng vải địa kỹ thuật, chôn sâu xuống đất ít nhất 10cm và có gia cố để tránh đổ. Bùn đất được chặn lại trước tấm ngăn và được thu dọn thường xuyên. Sau khi thi công xong tấm ngăn sẽ được dỡ bỏ. Để ngăn ngừa những biến đổi về vận tốc dòng chảy khi chảy qua các trụ cầu phải thiết kế, xây dựng trụ cầu đảm bảo việc hạn chế gia tăng tốc độ dòng chảy.

b) Giai đoạn vận hành

- Phòng chống cháy nổ: Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân về công tác PCCC tại các hộ gia đình. Bố trí các họng lấy nước phòng cháy chữa cháy có sẵn, thuận tiện sử dụng khi cần thiết. Trên các trục đường có ống cấp nước chính đặt các trụ cứu hỏa, ưu tiên đặt các trụ cứu hỏa ở ngã ba, ngã tư để thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước chữa cháy. Nâng cao nhận thức cho người dân về việc thoát hiểm, chữa cháy khi sự cố xảy ra.

- Ứng phó và khắc phục sự cố hư hỏng trạm xử lý nước thải tập trung: Nhận chuyên gia và đào tạo nhân lực để vận hành trạm xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà cung cấp hệ thống và thiết bị; vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị; luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế khi hỏng hóc; sử dụng bể điều hòa để chứa nước thải sinh hoạt khi hệ thống gặp sự cố; bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành đối với từng hệ thống, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời. Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải để sớm phát hiện các sự cố.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống xử lý nước thải, với công suất xử lý $400 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn xây dựng

- Giám sát môi trường không khí:
 - + Vị trí giám sát: 01 vị trí khu vực cổng vào công trường; 01 vị trí khu vực giữa công trường, 01 vị trí khu vực cuối công trường; 01 vị trí cuối hướng gió cách công trường 500m.
 - + Tần suất: 03 tháng/lần trong giai đoạn thi công và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.
 - + Thông số quan trắc: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, bụi lơ lửng, SO_2 , CO , NO_2 .
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT.
- Giám sát môi trường nước:
 - + Vị trí giám sát: Mẫu nước thải thi công.
 - + Tần suất: 03 tháng/lần trong giai đoạn thi công và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.
 - + Thông số quan trắc: pH, BOD_5 , COD, TSS, NH_4^+ , $\text{N}_{\text{tổng}}$, $\text{P}_{\text{tổng}}$, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, Zn, Pb, As, Cu.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, mức B, giá trị C_{max} với hệ số $K_f = 1,2$ và $K_q = 0,9$.

5.2. Giai đoạn vận hành ổn định

Giám sát môi trường nước:

- + Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải trước trạm xử lý nước thải tập trung và 01 mẫu nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra ngoài môi trường;
- + Tần suất giám sát 03 tháng/lần.
- + Thông số quan trắc: pH, BOD_5 , TSS, TDS, $\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$, S^{2-} , $\text{NH}_4^+\text{-N}$, $\text{NO}_3^-\text{-N}$, dầu mỡ động thực vật, chất HDBM, Coliform.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, mức A, giá trị C_{max} với hệ số $K = 1,0$.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Phối hợp với UBND xã Hồng Quang niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu vận hành thử nghiệm ít nhất 20 ngày làm việc.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi hết hạn thời gian vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật./.

Số: **523** /QĐ-UBND

Thanh Miện, ngày **24** tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới
xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương và các quy định khác có liên quan;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 29/TTr - KTHT ngày 24 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500 (kèm theo các bản vẽ và thuyết minh quy hoạch do Công ty Cổ phần tư vấn phát triển hạ tầng Việt Nam IDC lập) với những nội dung chủ yếu như sau:

I- Hồ sơ:

1- Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500.

2- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Hồng Quang phối hợp với Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát.

3- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty Cổ phần tư vấn phát triển hạ tầng Việt Nam IDC.

4- Thành phần hồ sơ gồm: Tờ trình, thuyết minh, các bản vẽ quy hoạch chi tiết và một số văn bản khác có liên quan.

II- Quy hoạch:

1- Địa điểm, vị trí quy hoạch: Thôn An Lâu và thôn Bích Thủy, xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện.

- Phía Bắc giáp đất thủy lợi và hành lang đường tỉnh 393;
- Phía Nam giáp đất canh tác;
- Phía Đông giáp Sân vận động trung tâm xã Hồng Quang và đất dân cư;
- Phía Tây giáp đất chuyển đổi và đất dân cư.

(Ranh giới cụ thể thể hiện trên bản đồ trích lục và bản vẽ quy hoạch)

2- Chỉ tiêu quy hoạch.

Stt	Loại đất	Đơn vị	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới	m ²	29.740,3	38,88
	Số lô đất ở	lô	292	
2	Đất thương mại dịch vụ	m ²	3.016,7	3,94
3	Đất cây xanh	m ²	8.208,2	10,73
4	Đất công cộng (Nhà văn hóa)	m ²	807,0	1,06
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	m ²	2.236,5	2,92
6	Đất giao thông	m ²	32.480,3	42,47
	Tổng	m²	76.489,0	100,00

3- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền: Cao độ san lấp, vật liệu và kỹ thuật san lấp phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; hướng thoát nước chính từ phía Tây xuống phía Đông.

b) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Các tuyến đường nội bộ khu dân cư mới được kết nối thuận lợi với đường tỉnh 393 và hệ thống đường xã phía Đông và phía Tây.

- Giao thông nội bộ khu dân cư mới có các mặt cắt: 20,5m (5m+10,5m+5m); 16,5m (4m+7,5m+5m); 15,5m (4m+7,5m+4m); 13,5m (5m+7,5m+1m).

- Đầu nối 01 nút giao với đường tỉnh 393 tại Km14+150, 02 nút giao với đường xã phía Đông và phía Tây.

c) Thoát nước: Thiết kế phương án thoát nước riêng nước mưa, nước thải.

- Nước mưa thu vào hệ thống cống thoát nước BTCT D400mm :- D800mm thoát về mương tiêu hiện có ở phía Đông.

- Nước thải từ các hộ thoát ra hệ thống cống thoát nước thải BTCT D300mm vào bể xử lý nước thải phía Đông của khu vực quy hoạch.

d) Cấp nước: Nước sinh hoạt cấp từ nguồn nước sạch trong khu vực, đường ống cấp sử dụng ống HDPE D50mm :- D100mm. Bố trí 08 trụ cứu hỏa trên các tuyến đường ống cấp D100mm.

e) Cấp điện: Nguồn điện cấp từ đường dây 22KV trong khu vực. Xây dựng mới 01 Trạm biến áp công suất 2x560KVA, việc đấu nối và sử dụng nguồn điện phải đảm bảo tiêu chuẩn cấp điện và quy định của ngành điện. Hệ thống cấp điện sinh hoạt và cấp điện chiếu sáng sử dụng cáp ngầm.

f) Vệ sinh môi trường: Rác thải được thu gom vào các thùng rác trong ngày và đưa về bãi xử lý đảm bảo đúng quy định.

g) Thông tin liên lạc: Thiết kế hệ thống cáp thông tin đi ngầm dưới vỉa hè.

h) Quy hoạch cây xanh: Trồng theo các vị trí quy hoạch đảm bảo cảnh quan, kiến trúc không ảnh hưởng đến các công trình kiến trúc chung khu vực.

(Các chỉ tiêu quy hoạch và chi tiết hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo như nội dung thuyết minh và thiết kế quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 kèm theo).

4- Dự toán kinh phí:

4.1- Kinh phí khảo sát đo đạc địa hình +VAT: 45.749.000 đồng

4.2- Kinh phí quy hoạch xây dựng: 145.503.000 đồng

Trong đó: - Chi phí lập quy hoạch: 94.846.000 đồng

- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch: 13.373.000 đồng

- Thuế VAT: 10.822.000 đồng

- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch: 11.666.000 đồng

- Chi phí quản lý lập quy hoạch: 10.054.000 đồng

- Chi phí lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư: 1.897.000 đồng

- Chi phí công bố đồ án quy hoạch: 2.845.000 đồng

Tổng cộng (4.1 + 4.2): 191.252.000 đồng

(bằng chữ: Một trăm chín mươi một triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn).

- Nguồn vốn: Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát ứng trước kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch.

- Chủ đầu tư căn cứ nguồn vốn, hợp đồng kinh tế và khối lượng nghiệm thu công việc thực tế thực hiện để thanh toán cho đơn vị tư vấn lập quy hoạch xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

III- Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch.

Nội dung chi tiết tại Quy định quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500 do Công ty Cổ phần tư vấn phát triển hạ tầng Việt Nam IDC lập để Ủy ban nhân dân xã Hồng Quang thống nhất quản lý theo quy hoạch.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã Hồng Quang, Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của huyện tổ chức công bố quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND & UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND xã Hồng Quang, Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTHT(15b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nhữ Văn Cúc

Thanh Miện, ngày 12 tháng 10 năm 2022

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 21 /GPXD

(Sử dụng cấp cho dự án)

1. Cấp cho: Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát.

Địa chỉ: Số nhà 12, ngõ 315, đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện.

- Theo thiết kế: Trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng.

- Do: Công ty cổ phần tư vấn phát triển hạ tầng Việt Nam IDC lập.

- Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: KTS. Tô Đình Phú.

- Đơn vị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi: Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương

- Đơn vị thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở: Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát.

- Đơn vị thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần Sơn Thành.

- Đơn vị thẩm tra thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở: Công ty cổ phần Sơn Thành.

- Vị trí xây dựng: Trong ranh giới khu đất có diện tích 69.160m², thuộc xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo: Mảnh đo vẽ lại bản đồ địa chính số 04-2021, do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập, Sở Tài Nguyên và Môi trường kiểm tra, ký ngày 29 tháng 4 năm 2021 và mảnh trích bản đồ địa chính khu đất (*phục vụ giao đất đợt 1*) do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập, UBND xã Hồng Quang ký ngày 26 tháng 4 năm 2022.

- Tổng số công trình: 08 công trình.

- Công trình số (1-1): San nền. Gồm các nội dung sau:

+ Cốt san nền: Từ cốt +3,05 đến cốt 3,55 (*Hệ tọa độ quốc gia VN-2000*)

- Công trình số (1-2): Đường giao thông. Gồm các hạng mục đường giao thông, vỉa hè và cây xanh với các nội dung sau:

+ Hướng tuyến công trình: Các tuyến D1, D2, D3, D4 theo hướng Bắc - Nam. Các tuyến N1, N2, N3, N4 theo hướng Đông - Tây (*căn cứ theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500*).

+ Cốt nền công trình: (Hệ tọa độ quốc gia VN-2000)

Tuyến D1: Từ cốt +3,25 đến +3,5.

Tuyến D2: Từ cốt +3,3 đến +3,5.

Tuyến D3: Từ cốt +3,25 đến +3,5.

Tuyến D4: Từ cốt +3,25 đến +3,5.

Tuyến N1: Cốt +3,5.

Tuyến N2: Cốt +3,5.

Tuyến N3: Từ cốt +3,3.

Tuyến N4: Từ cốt +3 đến +3,25.

- Công trình số (1-3): Cầu giao thông. Gồm các nội dung sau:

+ Hướng tuyến công trình: Theo hướng Bắc - Nam (căn cứ theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500).

+ Cốt nền công trình: Từ cốt +3,2 đến +3,5 (Hệ tọa độ quốc gia VN-2000)

- Công trình số (1-4): Hệ thống thoát nước mưa. Gồm các nội dung sau:

+ Hướng tuyến công trình: Các tuyến D1, D2, D3, D4 theo hướng Bắc - Nam. Các tuyến N1, N2, N3, N4 theo hướng Đông - Tây (căn cứ theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500).

+ Quy mô công trình: Hệ thống thoát nước mưa bằng công tròn BTCT đúc sẵn có đường kính D300-D800 (cấp tải T và TC), đầu nối với hệ thống kênh hiện trạng. Xây dựng mới kênh KC3 bằng BTCT, chiều rộng 1m (bằng chiều rộng kênh hiện trạng)

+ Cốt nền công trình: Từ cốt +2,97 đến +3,6 (Hệ tọa độ quốc gia VN-2000)

+ Chiều sâu công trình: Từ 1,3m đến 1,89m.

- Công trình số (1-5): Hệ thống thoát nước thải. Gồm có các nội dung sau:

+ Hướng tuyến công trình: Các tuyến D1, D2, D3, D4 theo hướng Bắc - Nam. Các tuyến N1, N2, N3, N4 theo hướng Đông - Tây (căn cứ theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500).

+ Quy mô công trình: Hệ thống thoát nước thải bằng công tròn BTCT đúc sẵn có đường kính D300 thu gom về trạm xử lý nước thải (trạm xử lý nước thải xây dựng ở giai đoạn sau).

+ Cốt nền công trình: Từ cốt +3,22 đến +3,63 (Hệ tọa độ quốc gia VN-2000)

+ Chiều sâu công trình: Từ 0,81m đến 2,25m.

- Công trình số (1-6): Hệ thống cấp nước. Gồm có các nội dung sau:

+ Hướng tuyến công trình: Các tuyến D1, D2, D3, D4 theo hướng Bắc - Nam. Các tuyến N1, N2, N3, N4 theo hướng Đông - Tây (căn cứ theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500).

+ Quy mô công trình: Hệ thống cấp nước của dự án bằng ống nhựa HDPE đường kính D50mm, D110mm, kết nối với hệ thống cấp nước hiện trạng của khu vực. Bố trí 08 trụ cứu hỏa (nhà trạm bơm và bể chứa nước phục vụ PCCC xây dựng ở giai đoạn sau).

+ Cốt nền công trình: Từ 3,28 đến 3,58 (Hệ tọa độ quốc gia VN-2000)

+ Chiều sâu công trình: Từ 0,7m đến 1,16m.

- Công trình số (1-7): Hệ thống cấp điện. Gồm có các nội dung sau:

+ Hướng tuyến công trình: Các tuyến D1, D2, D3, D4 theo hướng Bắc - Nam. Các tuyến N1, N2, N3, N4 theo hướng Đông - Tây (căn cứ theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500).

+ Quy mô công trình:

Cấp điện sinh hoạt: Xây dựng mới 01 trạm biến áp, tổng công suất 1.120kVA. Cấp điện cấp cho trạm biến áp sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-24kV, cáp điện hạ thế sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV tiết diện 3x50+1x35mm², 3x70+1x50mm², 3x95+1x70mm², 3x120+1x95mm², 3x150+1x120mm². Cáp luồn trong ống nhựa HDPE đoạn trên vỉa hè và ống nhựa tráng kẽm đoạn qua đường.

Cấp điện chiếu sáng: Nguồn điện cấp từ trạm biến áp cho hệ thống điện chiếu sáng được điều khiển bằng 01 tủ điện chiếu sáng.

+ Cốt nền công trình: Theo cốt đường giao thông.

+ Chiều sâu hạ ngầm đường dây cáp cấp điện: Từ 0,5m đến 1,3m.

- Công trình số (1-8): Hệ thống thông tin liên lạc. Gồm có các nội dung sau:

+ Hướng tuyến công trình: Các tuyến D1, D2, D3, D4 theo hướng Bắc - Nam. Các tuyến N1, N2, N3, N4 theo hướng Đông - Tây (căn cứ theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500).

+ Quy mô công trình: Hạng mục thông tin liên lạc của dự án bao gồm hệ thống ống nhựa HDPE D105/80.

+ Cốt nền công trình: Theo cốt đường giao thông.

+ Chiều sâu công trình: Từ 0,7m đến 1,3m.

(Chi tiết theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do Công ty cổ phần tư vấn phát triển hạ tầng Việt Nam IDC lập, Công ty cổ phần Sơn Thành thẩm tra)

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

- Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 1) cho Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện.

- Mảnh đo vẽ lại bản đồ địa chính số 04-2021, do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập, Sở Tài Nguyên và Môi trường kiểm tra, ký ngày 29 tháng 4 năm 2021.

- Mảnh trích bản đồ địa chính khu đất (phục vụ giao đất đợt 1) do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập, UBND xã Hồng Quang ký ngày 26 tháng 4 năm 2022.

4. Ghi nhận công trình đã khởi công: ./.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Tiếp

Số: **3658** /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **01** tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện
Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 2800/BC-SKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện.

2. Nhà đầu tư được lựa chọn: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ AN LỘC PHÁT, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107135440, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2015, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 8 năm 2018; địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 5A, ngõ 331 đường Nguyễn Khang, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh Sáu, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

3. Vị trí, địa điểm, diện tích đất dự án:

3.1. Vị trí, địa điểm: Khu đất thực hiện dự án thuộc địa phận thôn An Lâu và thôn Bích Thuỷ, xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; ranh giới: Phía Bắc giáp đất thủy lợi và hành lang đường tỉnh 393, phía Đông giáp sân vận động trung tâm xã Hồng Quang và đất dân cư, phía Nam giáp đất canh tác, phía Tây giáp đất chuyển đổi và đất dân cư.

3.2. Diện tích và cơ cấu sử dụng đất:

a) Diện tích đất thực hiện dự án: 76.489,0m².

b) Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới	29.740,3	39,88
2	Đất thương mại dịch vụ	3.016,7	3,94
3	Đất cây xanh	8.208,2	10,73
4	Đất công cộng (Nhà văn hoá)	807,0	1,06
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	2.236,5	2,92
6	Đất giao thông	32.480,0	42,47
Tổng diện tích quy hoạch		76.489,0	100,00

(Theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2029 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500)

3.3. Hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

a) Đối với đất ở: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; thời hạn sử dụng đất lâu dài.

b) Đối với các loại đất khác: Nhà nước giao đất theo quy định của pháp luật đất đai; Nhà đầu tư có trách nhiệm đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch và dự án đầu tư được duyệt; sau khi hoàn thành công tác nghiệm thu, tổ chức bàn giao cho UBND huyện Thanh Miện và các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành.

4. Tổng mức đầu tư dự án (do Nhà đầu tư đề xuất và chưa bao gồm tiền sử dụng đất): 105.273.741.006 VND (Bằng chữ: Một trăm linh năm tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, không trăm linh sáu đồng).

4.1. Cơ cấu vốn đầu tư:

a) Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: 77.166.892.057 VND (Bằng chữ: Bảy mươi bảy tỷ, một trăm mười sáu triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, không trăm năm mươi bảy đồng).

b) Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: 28.106.848.949 VND (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, một trăm linh sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng).

Trường hợp giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng được duyệt thực tế thấp hơn mức giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng do Nhà đầu tư đề xuất thì phần chênh lệch sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp cao hơn mức giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng do Nhà đầu tư đề xuất thì Nhà đầu tư phải bù phần thiếu hụt để đảm bảo đáp ứng đủ chi phí cho việc thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư: 38.753.166.833 VND (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ, bảy trăm năm mươi ba triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng), tương đương 36,81 % tổng mức đầu tư do Nhà đầu tư đề xuất.

b) Vốn vay và các nguồn huy động hợp pháp khác: 66.520.574.173 VND (Bằng chữ: Sáu mươi sáu tỷ, năm trăm hai mươi triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng), tương đương 63,19 % tổng mức đầu tư do Nhà đầu tư đề xuất.

5. Giá trị nộp ngân sách nhà nước do Nhà đầu tư đề xuất: 200.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng). Giá trị nộp ngân sách nhà nước nêu trên chưa bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp của dự án. Tiền sử dụng đất phải nộp của dự án được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Mục tiêu, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án:

6.1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được UBND huyện Thanh Miện phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 nhằm hình thành khu dân cư hiện đại, văn minh và đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, góp phần tạo không gian và cảnh quan khu vực.

6.2. Quy mô đầu tư: Thực hiện theo đúng quy hoạch và Hồ sơ yêu cầu được UBND tỉnh phê duyệt.

6.3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: Thực hiện theo Văn bản số 02/HD-SXD ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Sở Xây dựng Hướng dẫn thực hiện áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật trong đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương và các quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Hiệu quả đầu tư: 28.306.848.949 VND (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, ba trăm linh sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng)

8. Thời hạn thực hiện dự án: 36 tháng (Ba mươi sáu tháng), kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

9. Loại hợp đồng: Hợp đồng thực hiện dự án có sử dụng đất (Nội dung cụ thể được quy định trong Hợp đồng ký giữa Nhà đầu tư trúng thầu và UBND huyện Thanh Miện).

10. Thời gian tiến hành đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng: Sau khi kết quả lựa chọn Nhà đầu tư được phê duyệt (tối đa là 120 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư).

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

1. UBND huyện Thanh Miện (Bên mời thầu) có trách nhiệm:

1.1. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà đầu tư; tổ chức đàm phán hợp đồng và ký hợp đồng thực hiện đầu tư dự án với Nhà đầu tư theo quy định.

1.2. Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án để bàn giao quỹ đất sạch cho Nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng tiến độ.

1.3. Hướng dẫn, đôn đốc Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các thủ tục khác có liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện dự án.

1.4. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn về quy hoạch, hoạt động xây dựng, đất đai và môi trường; đồng thời giám sát Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo tiến độ cam kết.

1.5. Nghiệm thu, nhận bàn giao và đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án theo đúng quy định.

1.6. Tổ chức quản lý an ninh trật tự khu vực dự án; quản lý hành chính khi dự án vận hành, khai thác và đưa vào sử dụng.

2. Các Sở, ngành có liên quan (Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Cục Thuế tỉnh) theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn UBND huyện Thanh Miện và Nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện các thủ tục tiếp theo, đồng thời thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền.

3. Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát

3.1. Thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các thủ tục khác có liên quan đến dự án theo quy định.

3.2. Nộp 200.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng) vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng.

3.3. Ứng trước toàn bộ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng cho đơn vị, tổ chức có chức năng theo quy định pháp luật về đất đai để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất thực hiện dự án.

3.4. Nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.5. Triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại hợp đồng, pháp luật về đầu tư, xây dựng và pháp luật khác có liên quan; đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư, thiết kế được duyệt, sau đó bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý (đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác) theo quy định và không bồi hoàn; sử dụng đất đúng mục đích và có hiệu quả.

3.6. Chịu trách nhiệm về chất lượng công trình của dự án; tự giám sát, quản lý hoặc thuê tổ chức tư vấn độc lập để quản lý, giám sát thi công xây dựng công trình, nghiệm thu các hạng mục và toàn bộ công trình theo thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt.

3.7. Thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư; chấp hành sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước trong thời gian thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thanh Miện; Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *hln*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND xã Hồng Quang (huyện Thanh Miện);
- TT Công nghệ - Thông tin (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, CV. Việt Cường (12b)/

CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1469**/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **18** tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đính chính Quyết định số 3658/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện (tỷ lệ 1/500);

Căn cứ Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện;

Theo đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính nội dung trích yếu về cơ cấu sử dụng đất thực hiện dự án quy định tại điểm b, mục 3.2, khoản 3, Điều 1 Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện như sau:

1. Nội dung đã được phê duyệt:

STT	Loại đất	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới	29.740,3	39,88
2	Đất thương mại dịch vụ	3.016,7	3,94
3	Đất cây xanh	8.208,2	10,73
4	Đất công cộng (Nhà văn hoá)	807,0	1,06
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	2.236,5	2,92
6	Đất giao thông	32.480,0	42,47
Tổng diện tích quy hoạch		76.489,0	100,00

(Theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500)

2. Nay đính chính lại như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới	29.740,3	39,88
2	Đất thương mại dịch vụ	3.016,7	3,94
3	Đất cây xanh	8.208,2	10,73
4	Đất công cộng (Nhà văn hoá)	807,0	1,06
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	2.236,5	2,92
6	Đất giao thông	32.480,3	42,47
Tổng diện tích quy hoạch		76.489,0	100,00

(Theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500)

Điều 2. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thanh Miện; Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /*HNH*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND xã Hồng Quang (huyện Thanh Miện);
- Lưu: VT, CV. Việt Cường (10b) *q*



Nguyễn Dương Thái

Số: 73/QĐ-ALP

Hồng Quang, ngày 23 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang,
huyện Thanh Miện**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ AN LỘC PHÁT

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện;

Căn cứ Thông báo số 241/SXD-QLXD&HTKT ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện;

Căn cứ Báo cáo số 20/CT-CPST ngày 12/03/2022 của Công ty cổ phần Sơn Thành Báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo tổng mức đầu tư nghiên cứu khả thi dự án Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện.

Căn cứ Thông báo số 22/TB-ALP ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Thành (Đơn vị tư vấn quản lý dự án) tại Tờ trình số 21/TTr-CPST ngày 22 tháng 03 năm 2022.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện.

2. Người quyết định đầu tư: Ông Nguyễn Mạnh Sáu

3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện theo quy hoạch chi tiết được duyệt nhằm hình thành khu dân cư hiện đại, đồng bộ khớp nối về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với khu vực lân cận tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4.2. Quy mô đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật:

Tổng diện tích đất thực hiện Dự án: 76.489m² (theo Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh Hải Dương), đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, bao gồm: San nền, hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, nước thải, cây xanh, hệ thống cấp điện sinh hoạt, chiếu sáng, thông tin liên lạc, Cầu bản. Cụ thể:

4.2.1. San nền:

Cao độ san nền từ +3,05m đến +3,55m. Vị trí ao vét bùn chiều sâu dự kiến 0,5m.

Vật liệu san nền bằng cát đen, san lấp thành từng lớp độ chặt K=0,85. Tận dụng đất đào hữu cơ từ phạm vi đường giao thông để đắp cho các khu cây xanh và trồng cây trên vỉa hè trong dự án.

4.2.2. Hệ thống đường giao thông:

Hệ thống giao thông khu dân cư gồm các tuyến đường có quy mô mặt cắt như sau:

STT	Tên tuyến	* Quy mô tuyến đường(m)		
		B _{mặt đường}	B _{hè}	ΣB _{đường}
1	Tuyến D1	7,5	2x4,0	15,5
2	Tuyến D2	7,5	2x4,0	15,5
3	Tuyến D3	10,5	2x5,0	20,5
4	Tuyến D4	7,5	2x4,0	15,5
5	Tuyến N1	7,5	4,0+5,0	16,5
6	Tuyến N2	7,5	2x4,0	15,5
7	Tuyến N3	7,5	2x4,0	15,5
8	Tuyến N4	7,5	5,0+1,0	13,5

- Kết cấu đường ($E_{yc} = 155\text{Mpa}$) áp dụng cho tuyến D3: Lớp bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm; tưới nhựa bảm dính $0,5\text{kg/m}^2$; lớp bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm $1,0\text{kg/m}^2$; lớp cấp phối đá dăm loại I dày 18cm; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 35cm; lớp vải địa kỹ thuật không dệt 12KN/m ; lớp cát đen đầm chặt $K=0,98$ dày 30cm; lớp cát đen đầm chặt $K=0,95$.

- Kết cấu đường ($E_{yc} = 120\text{Mpa}$) áp dụng cho các tuyến nội bộ còn lại: Lớp bê tông nhựa chặt 12,5 dày 4cm; tưới nhựa bảm dính $0,5\text{kg/m}^2$; lớp bê tông nhựa chặt 19 dày 5cm; tưới nhựa thấm bảm $1,0\text{kg/m}^2$; lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 25cm; lớp vải địa kỹ thuật không dệt 12KN/m ; lớp cát đen đầm chặt $K=0,98$ dày 50cm; lớp cát đen đầm chặt $K=0,95$.

- Kết cấu vỉa hè: Lát gạch Terrazzo M200 dày 3cm (đệm vữa xi măng M100 theo định mức); lớp bê tông xi măng M150 dày 8cm; lớp nilon; nền cát đầm chặt $K=0,90$.

- Kết cấu bó vỉa, đan rãnh: Bó vỉa vỉa hè bằng BTXM M300 có kích thước $23 \times 30\text{cm}$; đan rãnh có kích thước $25 \times 50 \times 6\text{cm}$ bằng BTXM M300.

- Cầu qua kênh thủy lợi: Cầu bản BTCT, chiều dài toàn cầu 8,84m, bề rộng cầu 11,5m, tải trọng thiết kế HL93.

- An toàn giao thông: Bao gồm vạch sơn và biển báo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

4.2.3. Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước mưa, nước thải được thiết kế riêng biệt.

a) Hệ thống thoát nước mưa: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa bằng cống tròn BTCT đúc sẵn có đường kính D300÷D800 (cấp tải T và TC) rồi thoát ra kênh đất hiện trạng phía Tây và phía Đông Nam khu đất dự án.

Nâng cấp kênh KC3 bằng kênh bê tông cốt thép B1000.

b) Hệ thống thoát nước thải:

Nước thải từ các công trình trong khu vực sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại sẽ được thoát vào hệ thống cống tròn BTCT D300 rồi thoát về trạm xử lý nước thải công suất $400\text{m}^3/\text{ngày}$ đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật dự án. Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT theo yêu cầu Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1839/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương.

4.2.5. Hệ thống cấp nước:

Nguồn nước cấp cho dự án được lấy từ mạng lưới đường ống cấp nước của khu vực.

Hệ thống cấp nước cứu hỏa kết hợp với hệ thống cấp nước sinh hoạt, trụ cứu hỏa (08 trụ) đầu nối vào mạng lưới cấp nước phân phối đường kính D110 và bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn thuận lợi cho công tác phòng cháy chữa cháy, khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa đảm bảo tối đa 120m.

Đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE đường kính D50, D110.

Xây dựng 01 trạm bơm tăng áp phục vụ PCCC (gồm nhà trạm bơm và bể dự trữ nước $108m^3$).

4.2.6. Hệ thống cấp điện:

a) Cấp điện sinh hoạt:

Xây dựng mới 01 trạm TBA với tổng công suất 1.120kVA.

Cấp điện cấp cho trạm biến áp sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-24kV; Cấp điện hạ thế sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV tiết diện 3x50+1x35mm², 3x70+1x50mm², 3x95+1x70mm², 3x120+1x95mm², 3x150+1x120mm². Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE cho đoạn cáp đi trên vỉa hè và luồn trong ống thép tráng kẽm cho đoạn qua đường, cáp được chôn trực tiếp dưới đất với chiều sâu đảm bảo theo quy phạm hiện hành.

b) Cấp điện chiếu sáng:

Nguồn điện chiếu sáng cho đèn được lấy từ các lộ ra hạ áp của trạm biến áp qua tủ chiếu sáng.

Cột đèn chiếu sáng đường giao thông sử dụng cột thép mạ kẽm nhúng nóng cao 8m và 11m; chiếu sáng đường dùng bóng đèn Led 120W, 100W.

Cáp chiếu sáng sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC (4x25, 4x16, 4x10)mm². Dây điện lên đèn sử dụng cáp Cu/PVC/PVC 3x2,5mm².

4.2.7. Cây xanh:

Cây xanh được trồng trên vỉa hè và các khu cây xanh tập trung, chủng loại cây gồm:

- Trên vỉa hè dự kiến trồng các loại cây như: Bàng Đài Loan, Sấu, Sao đen, Lát hoa, Giáng hương, ...; đường kính 10÷12cm, chiều cao từ 3,0÷5,0m.

- Tại khu cây xanh tập trung dự kiến trồng các loại cây như: Sấu, Osaka, Giáng hương, ...; đường kính 10÷12cm, chiều cao từ 3,0÷5,0m kết hợp với các loại cây bụi và thảm cỏ.

4.2.8. Thông tin liên lạc:

Thiết kế hệ thống ga, bể cáp, ống nhựa HDPE D105/80. Phần cáp thông tin liên lạc do đơn vị khai thác thông tin đầu tư.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế cơ sở do Công ty cổ phần tư vấn phát triển hạ tầng Việt Nam IDC lập, Sở Xây dựng tổng hợp, thẩm định).

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng:

a) Tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần tư vấn phát triển hạ tầng Việt Nam IDC

b) Nhà thầu khảo sát địa hình: Công ty cổ phần đầu tư Sơn Phúc

c) Nhà thầu khảo sát địa chất: Công ty cổ phần khảo sát thiết kế xây dựng Đất Việt

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

a) Địa điểm xây dựng: Khu đất thuộc địa phận thôn An Lâu, thôn Bích Thủy, xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; có ranh giới hạn tiếp giáp như sau: Phía Bắc tiếp giáp đất thủy lợi và hành lang đường tỉnh lộ 393; Phía Đông giáp sân vận động trung tâm xã Hồng Quang và đất dân cư; Phía Nam tiếp giáp canh tác; Phía Tây tiếp giáp đất chuyển đổi và đất dân cư.

b) Diện tích sử dụng đất thực hiện dự án:

+ Tổng diện tích thực hiện dự án: 76.489,0 m².

+ Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới	29.740,3	38,88
2	Đất thương mại dịch vụ	3.016,7	3,94
3	Đất cây xanh	8.208,2	10,73
4	Đất công cộng (Nhà văn hóa)	807,0	1,06
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	2.236,5	2,92
6	Đất giao thông	32.480,3	42,46
	Tổng	76.489,0	100,00

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng mới.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B
- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Công trình cấp 3
- Thời hạn sử dụng của công trình: 20 năm

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- a) Số bước thiết kế: 2 bước
- b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu:
 - Các Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCXD 104-2007;
 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005;
 - Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế 22TCN 211-06;
 - Công tác đất - Thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012;
 - Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình TCXDVN 33-2006;
 - Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế TCVN 2622-1995;
 - Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2008;
 - Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế TCXDVN 333:2005;
 - Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị TCXDVN 259:2001;
 - Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe QCXDVN 05- 2008/BXD.
 - Nhà ở và công trình công cộng, nguyên tắc cơ bản để thiết kế, tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4319:2012
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình QCVN 06:2021/BXD
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD.
 - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5575: 2012
 - Kết cấu XD và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán TCVN 9379: 2012
 - Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737: 2006
- Và một số tiêu chuẩn, quy phạm, hướng dẫn thiết kế khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư của dự án: 105.273.741.006 (Một trăm linh năm tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, không trăm linh sáu đồng)

Trong đó:

Đơn vị: VND

1	Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật	77.166.892.057
-	Chi phí xây dựng	67.898.461.031
-	Chi phí thiết bị	3.159.821.000
-	Chi phí quản lý dự án	1.436.087.880
-	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.790.297.206

-	Chi phí khác	882.224.940
2	Chi phí bồi thường, GPMB	28.106.848.949
3	Chi phí dự phòng	0
	Tổng mức đầu tư (1+2+3)	105.273.741.006

10. Tiến độ thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện dự án: 36 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Vốn chủ sở hữu, vốn vay thương mại và vốn huy động hợp pháp khác của nhà đầu tư.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Do UBND huyện Thanh Miện thực hiện.

Điều 2. Ban điều hành dự án căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 phối hợp với đơn vị tư vấn Quản lý dự án tổ chức triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý đầu tư và xây dựng công trình.

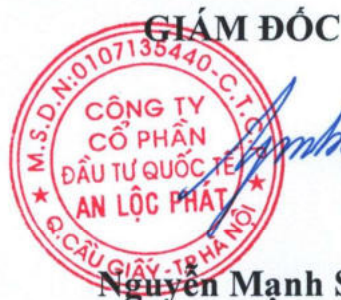
Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ban điều hành dự án, các ông (bà) Trưởng các phòng Ban: Hành chính, Kế toán, Ban điều hành dự án; Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Thành và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Mạnh Sáu

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

Số: ~~462~~ /SNN-TL

V/v phúc đáp công văn số 29/CV-ALP
ngày 03/02/2021 của Công ty cổ phần
đầu tư Quốc tế An Lộc Phát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 06 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư Quốc tế An Lộc Phát.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được công văn số 29/CV-ALP ngày 05/02/2021 của Công ty cổ phần đầu tư Quốc tế An Lộc Phát (kèm theo hồ sơ) về việc cung cấp thỏa thuận thiết kế và thoát nước cho dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện.

Căn cứ Luật Thủy lợi và các quy định về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Sau khi xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, công văn số 202/Cty-KT ngày 10/3/2021 của Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương V/v "phúc đáp công văn số 29/CV-ALP ngày 03/02/2021 của Công ty cổ phần đầu tư Quốc tế An Lộc Phát", Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất một số nội dung sau:

1. Thoát nước của dự án:

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt, tách rời, trong đó:

- Nước mưa được thu gom, lắng đọng và tiêu thoát nước vào sông Hồng Quang qua 02 cửa xả tại vị trí K5+900 và K5+580.
- Nước thải được thu gom, xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường theo quy định trước khi xả ra kênh nội đồng do địa phương quản lý khai thác, sau đó chảy ra sông Hồng Quang tại vị trí K5+950.

2. Xây dựng cầu qua sông Hồng Quang:

- Vị trí công trình tại : K5+800.
- Cao độ đáy cầu (bằng cao độ đáy kênh tại vị trí K5+800): -1,0m.
- Khẩu độ cầu tính toán đảm bảo đáp ứng nhu cầu dẫn nước tưới tiêu cho 2018ha.

3. Nâng cấp đoạn kênh xây KC3 trạm bơm Đông La (K0+220 – K0+550) bằng bê tông cốt thép có nắp đậy tại vị trí cũ. Khẩu độ kênh bằng khẩu độ kênh cũ, nhiệm vụ tưới cho 68ha. Khoảng 25m bố trí 01 hố ga để lắng bùn cát.

4. Hoàn trả 02 tuyến kênh tưới (HTXDVNN xã Hồng Quang quản lý) có nhiệm vụ tưới cho 30ha đất nông nghiệp phía sau dự án.

(Hệ cao độ thủy lợi)

2. Đề nghị nhà đầu tư chỉ đạo tư vấn thiết kế và các đơn vị có liên quan:

- Chấp hành nghiêm Luật Thủy lợi, Luật Phòng, chống thiên tai và các quy định hiện hành. Phải đảm bảo phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi theo quy định (Luật Thủy lợi số ngày 19/6/2017, Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Hải Dương);

- Trên cơ sở nhiệm vụ của hệ thống công trình thủy lợi, tính toán xác định cụ thể các chỉ tiêu thiết kế kênh, cầu cống đảm bảo đáp ứng yêu cầu dẫn nước tưới tiêu, thỏa thuận thống nhất với Sở Nông nghiệp và PTNT, Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương và các đơn vị liên quan;

- Trước khi triển khai thi công, phải lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Trình tự, thủ tục cấp phép thực hiện theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Quá trình triển khai thi công phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế, vệ sinh môi trường, nguồn nước của công trình thủy lợi; phải có sự phối hợp, thống nhất của đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trường hợp đặc biệt khó khăn, bất khả kháng về việc cung cấp nước tưới hoặc ách tắc dòng chảy khi tiêu thoát, phải tháo dỡ đập quây đảm bảo kịp thời phục vụ sản xuất và dân sinh kinh tế;

- Khi thi công xong công trình phải tháo dỡ ngay toàn bộ đập quây, thanh thải toàn bộ vật liệu, chất thải, máy móc thiết bị và các vật cản khác, trả lại mặt thoáng của kênh, không làm ảnh hưởng đến dòng chảy (có kiểm tra, xác nhận của đơn vị trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi).

Vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến phúc đáp Công ty cổ phần đầu tư Quốc tế An Lộc Phát./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện Thanh Miện;
- Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hồng Quang;
- Lưu: VT, CCTL.



Bùi Văn Thắng

Số: 78 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 60/ĐN ngày 19/4/2021 của Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh Sáu; Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN

Công trình: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HỒNG QUANG,
HUYỆN THANH MIỆN

Địa điểm xây dựng: thôn An Lâu, Bích Thủy, xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ PCCC Việt Nam.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Tổng mặt bằng xây dựng; khoảng cách an toàn PCCC;
- Đường giao thông cho xe chữa cháy;
- Trạm bơm cấp nước chữa cháy, bể nước chữa cháy;
- Hệ thống đường ống và các trụ cấp nước chữa cháy ngoài nhà.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2. lưu

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc CAT;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Thanh Miện;
- Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế An Lộc Phát;
- Lưu PCCC&CNCH.

Hải Dương, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG



THƯỢNG TÁ: Hà Tiến Dũng